

VĂN-HÓA

TẬP-SAN

CƠ-QUAN NGHIÊN-CỨU VÀ PHỔ-THÔNG



Năm thứ XIX

Số 4 (năm 1970)

NHA VĂN-HÓA
PHỦ QUỐC-VỤ-KHANH ĐẶC TRÁCH VĂN-HÓA
SAIGON-VIETNAM

Tòa soạn : Nha Văn-Hóa

PHÚ QUỐC-VỤ-KHANH ĐẶC-TRÁCH VĂN-HÓA

Số 8, Nguyễn-Trung-Trực, Saigon — Điện-thoại : 92038

Chủ nhiệm kiêm chủ bút : Ô. TRỊNH HUY TIẾN

Tổng thư ký : Ô. LÊ QUANG HƯƠNG

Quản lý : Ô. LÊ VĂN ĐỊNH

với sự hợp tác của Quý Ông : Bửu Cầm, Nguyễn Duy Cần, Nguyễn Đình Diệm, Hoàng tiến Dũng, Nguyễn Thọ Dực, Lê Xuân Khoa, Vũ Khắc Khoan, Nguyễn Bá Lăng, Lê Mạnh Liêu, Nguyễn Ngạc, Hoàng văn Suất, Phạm Đình Tảo, Nguyễn Đăng Thục, Bùi Đức Tịnh, Nghiêm Toàn, Nguyễn Chung Tú, Lê Thành Trị, Lê Ngọc Trụ, Vũ Trọng Ứng, Hà Ngọc Xuyên. . .

Ngoài ra, Nha Văn-Hóa mong mỗi sự hợp tác của quý vị Văn nhân, Học giả.

Thư từ ngân phiếu xin đề Ông Giám đốc Nha Văn-Hóa, 8 Nguyễn Trung Trực Saigon.

VĂN HÓA

TẬP SAN

CƠ - QUAN NGHIÊN - CỨU VÀ PHỔ - THÔNG
NHA VĂN-HÓA PHỦ QUỐC-VỤ-KHANH ĐẶC-TRÁCH VĂN-HÓA
XUẤT - BẢN

Năm thứ XIX Số 4 (năm 1970)

NHA VĂN - HÓA
PHỦ QUỐC - VỤ - KHANH ĐẶC TRÁCH VĂN - HÓA
SAIGON-VIETNAM

VĂN - HÓA

TẬP - SAN

CƠ QUAN NGHIÊN - CỨU VÀ PHỔ - THÔNG
NHA VĂN-HÓA PHÚ QUỐC-VỤ-KHANH ĐẶC-TRÁCH VĂN-HÓA
XUẤT BẢN

Năm thứ XIX, Số 4 (năm 1970)

mục - lục

Văn-học — Nghệ-thuật

Lễ kỷ niệm Đại Thi-Hào Nguyễn-Du . . .	VÕ-HẠNH	1
Đệ nhất Thi-hào nước Việt-Nam . . .	LÊ-XUÂN-GIÁO	9
Đại quan tư tưởng thời đại		
Nhà Trần (tiếp theo) . . .	NGUYỄN-ĐĂNG-THỰC	43
Trần Bắc hành cung hoài cổ . . .	ĐÔNG-HỒ	37
So sánh thơ gia phả . . .	DÃ-LAN	49
Tuần lễ Văn-nghệ . . .	NGŨ-LANG	55

Danh-nhân — Danh-văn

Vũ-Trọng-Phụng . . .

NGUYỄN-HỮU-TRỌNG 97

Cung-oán Ngâm-khúc bình chú

(tiếp theo) . . .

TRẦN-CỬU-CHẤN 106

Lịch-sử — Phong-tục

Vương-quốc Phù-Nam . . .

LÊ-HƯƠNG 113

(tiếp theo)

Hát cô đầu . . .

VÕ-LANG 129

Tin Văn-hóa..

135



CULTURE

REVIEW

PUBLISHED BY THE DIRECTORATE OF CULTURAL AFFAIRS
MINISTRY OF STATE IN CHARGE OF CULTURAL AFFAIRS
VOL. XIX, N° 4 (1970)

contents

Art — Literature

The Ceremony commemorating the Anniversary of the Great Poet NGUYỄN-DU . . .	VŨ-HẠNH	i
The first-rate poet of Vietnam . . .	LÊ-XUÂN-GIÁO	9
Overall thinking of Trần Dynasty . . .	NGUYỄN-ĐĂNG-THỤC	23
(continued)		
In memory of Trần Bắc (The capital of the ancient Vietnam in the North) . . .	ĐÔNG-HỒ	37
Diverse forms of Registers . . .	DÃ-LAN	49
The Week of Arts . . .	NGŨ-LANG	55

Famous Persons and Writings

The writer Vũ-Trọng-Phụng . . .	NGUYỄN-HỮU-TRỌNG	97
---------------------------------	------------------	----

Annotations of Cung Oán Ngâm Khúc

(Complaints of an Odalisque) . . .

TRẦN-CỬU-CHẤN 106

(continued)

History — Custom

Historical traces of Fou-Nam . . .

LÊ-HƯƠNG 113

(continued)

The songs sung by « Cô đầu »

(The songstress in the old times) . . .

VÕ-LANG 129

Cultural news

133



CULTURE

REVUE PÉRIODIQUE D'ÉTUDE ET DE VULGARISATION
PUBLIÉE PAR LA DIRECTION DES AFFAIRES CULTURELLES
MINISTRE D'ÉTAT CHARGÉ DES AFFAIRES CULTURELLES

VOL. XIX, N° 4 (1970)

table des matières

Belles lettres — Beaux arts

Cérémonie commémorative du grand poète Nguyễn-Du . . .	VŨ-HẠNH	1
Le célèbre poète du Viet-Nam . . .	LÊ-XUÂN-GIÁO	9
Aperçu général sur la pensée vietnamienne sous les Trần . . .	NGUYỄN-ĐẰNG-THỤO	23
(suite)		
A propos du poème « Trấn Bắc Hành Cung hoài cổ », (un pied-à-terre royal de l'ancienne Cité du Nord) . . .	ĐÔNG-HỒ	97

Les différentes formes des registres généalogiques familiaux . . .	DÃ-LAN	49
Semaine des Lettres et Arts . . .	NGŨ-LANG	55

Hommes illustres — Oeuvres célèbres

Vũ-Trọng-Phụng . . .	NGUYỄN-HỮU-TRỌNG	97
Annotations du Cung-oán Ngâm khúc (suite)	TRẦN-CỬU-CHẤN	106

Histoire — Coutumes et mœurs

Données historiques de la Monarchie Phù Nam . . .	LÊ-HƯƠNG	113
Les Cantatrices . . .	VÕ-LANG	120

<i>Nouvelles culturelles</i>		155
------------------------------	--	-----



tính chất phi thường trong con người bình thường thúy-kiều

L.T.S. Năm nay cũng như mọi năm, lễ kỷ-niệm Đại Thi Hào Nguyễn-Du được tổ chức trọng thể buổi tối ngày 10-9-1970 (10-8 Canh tuất), tại trường Quốc-Gia Su-Phạm Saigon, dưới quyền chủ tọa của ông Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa, đại diện Thủ-Tướng Chính-Phủ.

Chương trình buổi lễ gồm những tiết mục sau đây :

— Hội Văn Bút Việt-Nam nói chuyện về đề tài :

« Tính chất phi thường trong con người bình thường Thúy-Kiều ».

— Hội Văn Nghệ Sĩ Quân Đội trình diễn 2 hoạt cảnh có ngâm thơ 3 giọng Nam, Trung, Bắc.

— Nhóm Đình-Bằng Phi (Phủ Văn Hóa) trình diễn tuồng hát bội « Kim-Vân-Kiều » của Nguyễn-Khắc-San, « Lốp ơn đền oán trả ».

Dưới đây là nguyên văn bài nói chuyện của Trung Tâm Văn Bút Việt-Nam.

Kính thưa Quý vị,

Chúng ta không biết Nguyễn-Du là ai, quê quán nơi nào, chúng ta không biết Nguyễn-Du đã sống, đã từng đau khổ và từng khát vọng ra sao, dưới thời đại nào, chúng ta cũng không tổ chức lễ kỷ niệm người hàng rằm để tỏ tấm lòng tri ân và sự ngưỡng mộ, nếu Nguyễn-Du không sáng tạo truyện Kiều. Trên một thế kỷ rưỡi rồi, truyện Kiều đã sống theo dòng lịch sử dân tộc chúng ta, và chính tác-giả đã cùng tác phẩm băng vượt thời gian để mà tồn tại. Nguyễn-Du làm nên truyện Kiều và truyện Kiều đã làm nên Nguyễn-Du.

Do mỗi tương quan xương thịt như thế mà n'í lần ta nói về bậc thiên tài đó là ta nói đến công trình bất hủ của người. Và cái tinh túy của công trình ấy chính là nàng Kiều với sự giải quyết vấn đề của cuộc đời nàng. Ông Tào hóa nhỏ Nguyễn-Du trong khi phà nguồn sinh lực vào Kiều đã khiến cho người đàn bà bé bỏng, đáng thương, đáng yêu, đáng kính ấy có thể hòa lẫn vào đời sống của dân tộc chúng ta và đồng hóa với dân-tộc chúng ta. Truyện Kiều phong phú đến nỗi hầu như không có một cảnh ngộ nào mà ta trải chịu lại không bắt gặp ở trong tác phẩm đôi câu phù hợp, và đời nàng Kiều dồi dào tình tiết đến mức chúng ta có thể khai triển vô tận để tìm mỗi lúc một số ý nghĩa cần thiết cho những vấn đề phổ biến ở trong sinh hoạt chúng ta. Chính trên cái tinh thần ấy mà hôm nay đây, nhân ngày kỷ niệm của Thi Hào, chúng tôi nhân danh Trung-Tâm Văn-Bút Việt-Nam xin trình bày cùng quý vị *"Tinh chất phi thường ở trong con người bình thường Thúy-Kiều"*.

Thực tế, không ai đã được sinh ra như là một kẻ phi thường hoặc tầm thường. Trước khi điều kiện cuộc sống bên ngoài phối hợp với phản ứng bên trong của nội giới đầy ta xuống cái chiều thấp u tối hoặc là nâng ta lên cái chiều cao vinh quang, thì ta chỉ là những con cá nhỏ lội bơi ở trong bể nước bình thường. Con người bình thường chính là con người đồng dân, con người phổ biến, và là con người nền tảng ở trong đời sống. Nhưng trong điều kiện bình thường như vậy, bao nhiêu khó khăn phức tạp của đời sống mới thực sự xảy ra. Bởi không phải thiên thần mà cũng không phải súc vật, chúng ta luôn luôn trôi dạt ở giữa cái thế chao đảo thường xuyên hầu giữ quân bình cần thiết để làm con người lương thiện trong một khuôn khổ xã hội nào đó mà các tương quan giữa người và người đúc kết thành cái tiêu chuẩn đạo lý vốn là ni-tắc.

Cả cuộc đời Kiều đã nói lên sự gắng sức thường xuyên và vất vả đó. Thực sự nàng Kiều muốn gì? Kiều không hề nuôi giấc mộng trở thành anh hùng hay là vĩ nhân, và Kiều lại càng không muốn trở thành điểm dừng, hèn hạ. Suốt đời người đàn bà đó chỉ có mỗi một khát khao duy nhất là được sống đời hạnh phúc, yên vui trong những điều kiện bình thường. Nhưng điều ao ước có vẻ giản đơn như vậy thực không phải là một chuyện dễ dàng trong cái xã-hội nàng Kiều xã-hội «vũ phu, đảng điểm, vô luân» như Linh-Mục Thanh-Lãng đã nhận định trong bài thuyết trình nhân dịp Tuần lễ kỷ niệm Nguyễn-Du tổ chức vào khoảng tháng 10/65. Người ta không thể yên vui nếu nhân cách mình loen ó, lương tâm của mình luôn bị dày vò. Cũng có những kẻ tự hào khôn ngoan có thể dùng

các ma-thuật che đậy hành động của mình hầu tránh bữa riu dư luận trong một thời khoảng nào đó, nhưng liệu một khi đối diện với mình làm sao tránh khỏi được những dẫn vật âm thầm, đầu mối của bao mặc cảm ản-ử như những bóng mây ám phủ tâm hồn và cả cuộc đời?

Kiều đã hiểu rõ là nàng chỉ có thể tìm được sự yên ổn trước hết nơi nàng bằng sự bảo toàn đạo đức, vì không có cái tín bài đạo lý, nàng không bao giờ có thể giữ được tín nhiệm đối với chính mình. Tín nhiệm đối với bản thân, đó là cơ sở bảo đảm trước hết cho sự đi tìm tín nhiệm ở ngoài cuộc đời. Trong nhiều tai nạn đắm thuyền sóng lớn thực sự không gây thiệt hại bằng chính sự hốt hoảng của kẻ ngồi thuyền. Nàng Kiều, khi bước vào trong sóng gió cuộc đời, trước sau đã cố giữ gìn đạo đức như giữ bánh lái và giữ địa bàn. Năm ngoái, trong bài thuyết trình phong phú nhân lễ kỷ niệm thi hào Nguyễn-Du, Ông Vũ-Hoàng-Chương có nói về một niềm tin. Niềm tin rộng lớn đối với văn hóa dân tộc mà nhà thơ họ Vũ đã đề cập phải chăng đã được bắt nguồn từ cái niềm tin đối với chính mình, niềm tin ở các giá trị đạo-đức truyền thống dân tộc nơi mình, vốn là chất tủy của mọi sinh hoạt văn hóa? Nàng Kiều đã có cái niềm tin ấy, cái đạo đức ấy. Nếu không đạo đức, nàng Kiều không phải khổ đau như thế. Đối với tai nạn giáng xuống gia đình, Thúy-Vân có thể ngủ vui say một giấc xuân mà vẫn được gọi là một giai nhân phúc hậu. Nhưng Kiều, nàng đã thao thức, xót xa và đã chấp nhận sự thiệt thòi lớn cho mình để cha và em khỏi cảnh đọa đày. Nếu không đạo đức Kiều đã có thể quên đi những lời hứa hẹn với chàng Kim-Trọng và coi tình yêu buổi nào như cơn gió thoảng hoặc cũng có thể viện cớ gia đình là nạn đề mà khước từ trách nhiệm đối với người yêu. Nhưng Kiều đã yêu, thành thật thương yêu, và nàng hiểu rõ tình yêu chỉ có giá trị trong nghĩa thủy chung, trong sự thành tín đối với người mình yêu dấu. Khi người đàn bà ấy xin cô em gái mình ngồi lên để nàng sụp xuống quỳ lạy và giao món nợ ân tình, chúng ta đều thấy rõ hơn tình yêu chân chính cùng với đạo đức là một hợp thể đồng nhất. Đến khi bị cái hoàn cảnh thảm khốc xô đẩy vào bước gian hồ, Kiều đã khổ đau vô hạn về sự hoen ố, về nỗi nhục nhã, mỗi lần nghĩ đến luống "giặt mình", mình lại thương mình xót xa. Một kẻ trơ trẽn đánh mất niềm tin đối với chính mình và với cuộc đời, một kẻ mà cái vốn liếng đạo đức ở trong tâm não đã bị phá sản, khánh tận, kẻ ấy có thể coi sự đánh đi thể xác hoặc là tâm hồn như là một cách từng trải trên đời. Suốt mười lăm năm luân lạc, Kiều đã đau khổ sâu xa vì phía mình, vì người yêu mình, vì danh dự mình. Thật là nhẹ nhàng cho nàng xiết bao nếu nàng có thể thù ghét gia đình như Gide, có thể xem nhẹ tình yêu như

Sartre và coi rẻ cái danh dự của mình như một Sagan. Nhưng Kiều không thuộc vào cái loại người đó, không thuộc vào cái truyền thống văn hóa kiểu đó. Kiều mang sâu xa nơi mình một cái truyền thống đạo lý bắt nguồn từ cái sinh hoạt tinh thần nền tảng vững chắc của dân tộc ta, dân tộc yêu chuộng đạo lý và tìm thấy được sức mạnh lớn lao ở giá trị nòng. Hãy xóa bỏ đi nhãn hiệu bên ngoài của một nhân vật xa lạ, Kiều là sản phẩm tinh thần của Nguyễn Tố-Như, Kiều là phụ nữ Việt-Nam với đầy đủ các giá trị của danh hiệu ấy. Bởi vậy Kiều đã đau khổ trong các trường hợp tương đồng dù rằng có thể nàng không ý thức rõ ràng đau khổ ấy chính là bằng chứng của đạo đức. Bởi có đạo đức mới có ý niệm đầy đủ về các gánh nặng trách nhiệm của mình cũng như về những thiệt thòi quá lớn của mình. Ôi, thế ra đau khổ cũng là món quà tặng của đạo đức ư sao, quà tặng tuy đắng cay nhưng kém phần vinh hạnh. Là vì chỉ có đau khổ mới có cái quyền đòi hỏi đền bù, và cái hạnh phúc thật sự phải là phần thưởng đích đáng cho những con người đã biết khổ đau như thế.

Kiều đã chịu đựng tất cả nỗi đau vật ấy là để làm người, con người bình thường ở trong xã-hội của nàng. Có lúc nàng bị đẩy xuống làm gái giang hồ và cũng có lúc nàng được đưa lên ngồi giữa ba quân gươm lớn, đao dài trọn quyền định đoạt sinh mạng kẻ khác, nhưng Kiều không có tham vọng nào hơn là làm một kẻ bình thường.

Là gái giang hồ, Kiều không phải kẻ tự nguyện chọn lấy con đường ô-nhược nhưng nàng chỉ là nạn nhân của một xã-hội sa sút thảm thương. Được sự chiều chuộng của khách trắng hoa tấp nập, Kiều cũng không hề là phường gái điểm hãnh diện mà chỉ là một đàn bà tội nhục ê-chề. Trong cái vòng trời bi đát như thế mặc dù có lúc tuyệt vọng kêu lên «Thân lươn bao quản lấm đầu» như kẻ bị phần tâm thương, Kiều vẫn không chịu làm người dầy dạn kéo lê đời mình ở trong bùn như cái anh chàng nào đó trong câu chuyện cổ mang đôi giày mới trên con đường lội, sau khi lỡ để giày mình vướng phải sinh lây đã kéo lê nó không hề thương tiếc. Không, nàng Kiều đã chẳng bị quan như vậy. Nàng đã tìm đủ mọi cách thoát khỏi cảnh ngộ xấu xa, dù phải trả bằng giá nào. Trong cái hoàn cảnh không thể chọn lựa, giữa hai đề nghị, cay đắng như nhau của một «công lý» sa đọa :

Một là cứ việc già hình

Hai là cứ việc lầu xanh phở vờ

Kiều không ngần ngại đã chọn lấy sự gia hình thảm khốc để khỏi trở về thong dong giữa chốn lâu xanh ! Rõ ràng không phải vì yêu Thúc-Sinh mà Kiêu làm vậy, Kiêu đâu là một thánh tử vì đạo ở trong tôn giáo Ái-tình ! Thúc-Sinh chỉ là cây sào cho nàng vùi lấy ra khỏi đồng bùn, như nàng đã từng lần lần bám lấy cây sào Sở Khanh một ngày nào đó, hay may mắn hơn bám lấy cây sào Từ Hải một buổi sau này. Những mối liên hệ tình cảm như thế của Kiêu không phải là kiểu lang chạ lãng mạn hay một ham muốn lãng loạn của kẻ sa đọa tình-thảm mà chỉ có cái ý nghĩa của người muốn được giải thoát, muốn được rời bỏ vùng nước tầm thường, hèn hạ để lên mảnh đất sạch sẽ bình thường. Làm một con người bình thường, lương thiện, đó là khát vọng duy nhất và lớn lao nhất của Kiêu. Do đấy, khi ở trên ngôi bà chúa trọn quyền, Kiêu cũng chỉ nuôi một cái ước nguyện là được sống phẳng ở đời trong sự báo oán, đền ân. Dù đã có lúc không nên được nổi giận hờn chất chứa, Kiêu đã tỏ ra ti tiện tầm thường mà thốt ra câu hèn học :

« Xem cho rõ mặt biết tôi báo thù »

Nhưng rồi cuộc lại, đối với cả người mà nàng ghét nhất, đối với chính danh thủ phạm, Kiêu đã thắng thắng ca ngợi và đã khoan dung. Lòng khoan dung ấy thật không có gì kiêu cách và Kiêu cũng không mong muốn làm một nhân vật khác thường. Đó chỉ là cách xử sự theo với lẽ phải, theo sự hợp lý của kẻ biết điều. Và sau cái cảnh báo oán đền ân nàng Kiêu cũng không mơ màng gì khác là được trở về nếp sống bình thường yên ổn ở chốn quê xưa.

Chúng ta đã không bao giờ hết sự xót thương và sự qui mến khi biết là cuộc đời Kiêu chỉ là một chuỗi giằng co thường trực giữa các điều kiện xô đẩy con người xuống cảnh thấp hèn và cái ý hướng bền bỉ ngời lên trên cái căn bản đạo lý cần thiết cho sự làm người. Cuộc giằng co vất vả đó, đau xót đó là một cuộc chiến dai dẳng, âm thầm mà cũng sôi nổi biết bao.

Thưng nếu như vậy thì Kiêu tìm đâu được sự phi thường ? Nàng không tìm kiếm phi thường để làm một loại siêu nhân theo quan niệm Nietzsche hoặc muốn có những hành vi «động địa kinh thiên» như là họ Từ. Kiêu không có cái khí thế hiên ngang như thế, không có những cái ý hướng tự do như thế. Nhưng khi chúng ta nhìn rõ Kiêu hơn trong cái vị thế của nàng ở trong xã-hội ngày xưa, chúng ta đều thấy ý chí vươn lên của nàng, tiềm lực đạo lý của nàng đáng phải ngạc nhiên chừng nào.

Trước sau Kiều chỉ là một con người bé bỏng, con người lệ thuộc, đầu phải là người đàn bà có những quan niệm tự lập và những điều kiện tương đối cởi mở như là ngày nay. Trước sau Kiều chỉ là một con người cô độc, con người bọt bèo, đầu phải là một phụ nữ có những điều kiện hợp đoàn có những nương tựa xã hội như là hiện tại. Con người từ nhỏ đến lúc trưởng thành không hề ra khỏi vườn nhà, không hề biết đến một cái thế giới nào khác hơn là những con người quen thân gần gũi, bỗng chốc bị ném vào cuộc phiêu lưu xa lạ về những chân trời vô định, làm sao khỏi những hãi hùng? Con người từ bao nhiêu năm chỉ biết có những nếp sống trong sạch, hiền lành, bây giờ bị xô đẩy vào giữa phường bán thịt, giữa tay buôn người, bị sự vu cáo, hiếp đáp, hứng chịu bao nhiêu hành hạ, dằn vò, con người ấy bỗng đối diện với những khuôn mặt ác quỷ từ chốn địa ngục trần gian vấy bủa qua mình, làm sao mà chẳng đầu hàng? Ấy thế mà nàng Thúy Kiều tội nghiệp đã phải ứng phó bằng chính khả năng tự vệ đơn độc, ít ỏi của nàng để khỏi bị dìm sâu xuống bùn lầy, để khỏi bị dè nát đi như loài dun dế hay lớp cỏ nội hoa hèn. Trong cái xã hội mà kẻ thù đặc biệt ở chốn nha môn chỉ có mỗi cách cứu Kiều là khuyến khích nàng hối lộ (1) và bạng quan lại tốt nhất chỉ biết có mỗi một cách là đánh đập tơi bời và buộc nàng Kiều phải chọn con đường cực hình hay là đi đĩ; trong một xã hội như thế ta sẽ thấy rõ thân phận của Kiều bị thảm ra sao và ý chí tự giải cứu của nàng đáng quý chừng nào. Những kẻ từng quen đồ thừa hoàn cảnh, những người vốn dễ gán cho định mệnh cái quyền tối thượng độc tôn, những kẻ thụ động sẵn sàng đánh mất niềm tin nơi giá trị mình, những kẻ như thế sẽ nghĩ ra sao về cuộc đời Kiều? Trong những điều kiện bất nhân như thế, Kiều đã là người có nghĩa, có nhân. Giữa cảnh diêm đàng ô trọc, Kiều đã là người trong sạch, chung tình. Ở vào cái thời sa đọa mà những giá trị đạo đức đều đã suy đồi, Kiều vẫn giữ lấy nhân cách, gánh lấy trách nhiệm, cam chịu tất cả thiệt thòi để cho vẹn toàn đạo nghĩa bản thân cũng như bảo tồn đạo lý xã hội, điều đó chẳng là một cuộc chiến đấu can trường, cao quý hay sao? Giá trị con người không chỉ ở sự chấp nhận mà còn ở sức phản ứng, và sự phản ứng hợp tình hợp lý bao nhiêu càng có ý nghĩa tốt đẹp bấy nhiêu. Trong đạo làm người, cá nhân cô độc, bé nhỏ của Kiều đã làm vượt quá sức mình. Kiều không có cái uy quyền của viên Tri phủ Lâm-Tri, không có thanh gươm của một Tứ-Hải, không có được cái ưu thế đàn ông của chàng Kim-Trọng, Kiều cũng đã vượt qua bao trở ngại bi thảm để làm trọn vẹn

(1) Theo bản thuyết trình của Linh-Mục Thanh-Lãng trong Tuần lễ kỷ niệm Nguyễn-Du (10-65).

phận sự và bảo toàn lấy danh tiết của mình. Trong sự khốn đốn như thế mà đã biết lễ kinh quyền như thế, phải chăng Kiều đã là kẻ phi thường? Một số người vẫn thường quen đề cập đến cái phi thường của những nhân vật kỳ lạ với những thành tích vang rền mà dễ quên đi cái sự phi thường của những con người bình thường, cái sự phi thường của những việc làm nhẫn nại, của những chịu đựng âm thầm, phi thường của cái tâm thức không chịu buông xuôi, phi thường của cái tinh thần luôn luôn phục thiện, phi thường của cá bản lĩnh không chịu để rơi xuống sự tầm thường.

Chúng ta không thể cứ ưa thích mãi những cái phi thường hét ra khói lửa mà quên mất đi những cái phi thường của những tiếng lời ngọt dịu, phi thường của những bàn tay chăm chỉ, phi thường của những tâm hồn chính trực quang minh. Chúng ta không thể cứ dừng lại mãi ở cái phi thường lộ liễu phơi bày với những sắc màu lòe lẹt mà ngoi đi trước những phi thường khuất lấp, âm thầm, trong những màu đen, sắc xám nhạt mờ. Không chỉ anh hùng hiên hách hay là hí pý cuồng loạn mới sáng chế ra những kiểu phi thường ngoạn mục, chúng ta có thể nghĩ đến bao nhiêu người mẹ kham khổ, người vợ thủy chung, người em chăm chỉ, những người bạn hữu tốt lòng và bao nhiêu là con người giản dị quanh ta cố gắng không ngừng để giữ trong sạch cuộc đời và để chu toàn nhiệm vụ giữa những sinh hoạt hỗn tạp. Đó chính là cái phi thường bền bỉ và lâu dài nhất, đó chính là cái phi thường đông đảo và cần thiết nhất, vì đó là cái phi thường xây dựng, xây dựng trong cái ý nghĩa hoàn thiện cá nhân trong sự bảo tồn truyền thống dân tộc. Bởi lẽ một trong truyền thống của dân tộc ta là sự hướng thiện, là sự giữ vững đạo lý trong niềm hân diện sâu xa về mình.

Vai trò của Kiều đã phản ánh được phần nào điều đó vì chính đạo lý đã thăng nơi nàng và nàng đã thăng ở trong cuộc đời. Những cái nguyên tắc tạo vật đồ toàn, bí sắc tư phong được xem linh nghiệm từ xưa đã bị phá vỡ dưới chân bả bóng của nàng. Nói gì đến anh thầy bói ngày nào cho rằng ‘anh hoa phát tiết ra ngòi, nghìn thu bạc mệnh...’ cũng đã xui hổ giải nghệ vì nàng. Không, tạo vật không đổ được nàng và cái bóng ma Đạm Tiên chực chờ trên bến Tiền Đường mười mấy năm dài đằng đẵng cũng đã lắc đầu chịu thua con người ‘phận hồng đức dầy’. Và ngay cả đến thiên mệnh cao siêu cũng đã cảm thông, cảm thấu cái sự phi thường của Kiều. Vì vậy, những gì tưởng bị vỡ tan đã được hàn gắn, và trong cái niềm sum hợp một nhà rõ ràng là cánh hoa xưa tưởng chừng tan tác đã

chăm tươi hơn, và vàng trắng cũ cơ chừng tàn tạ bỗng nhiên vàng vạc hơn mười năm trước. Cái khả năng hoá cái được định mệnh mình, làm cho đời sống của mình được hoàn thiện hơn, không phải là sự phi thường kỳ diệu gì sao ? Trên ý nghĩa đó, nàng Kiều tuy là nhân vật bé mọn nhưng cũng cho thấy phảng phất được cái vấn đề của dân-tộc ta, dân-tộc gian nan khổ nhẽ nhưng không bao giờ để mất bản sắc tốt đẹp của mình, và trong ý chí không ngừng hướng về hạnh-phúc yên vui, dân-tộc chúng ta về lại cõi ngày vui vẻ mười phần trong cảnh "Vườn xuân một cửa đề bia muôn đời".



đệ nhứt thi hào nước việt-nam

Nói đến thi-nhân, chúng ta nhận thấy không có nước nào sản-xuất nhiều bằng nước Trung-Hoa, một nước mệnh-mông có một nền văn-học rất kỳ-cựu và thịnh nhứt thế-giới.

Thật vậy, nước Trung-Hoa vốn tự-phụ là cổ-kính, là thâm-thúy, là muôn màu muôn sắc, từ xưa đến nay kẻ có hàng vạn thi nhân hữu-danh. Riêng về đời nhà Đường đã có hơn hai ngàn nhà thơ nổi tiếng, trong số đó có những tay thật là lỗi lạc.

Chính vì những lẽ kể trên mà người ta đã nói: « Nước Trung-Hoa là thiên-đường của các triết-gia thi-sĩ ».

Nhưng thử hỏi người nào là đệ-nhất thi-hào nước Trung-Hoa ?

Trước câu hỏi giản-dị ấy, thiết-tưởng không có một ai trả lời một cách đích-xác mà không do-dự được.

Người thi đề-cao Lý Bạch, kẻ lại ca tụng Đỗ-Phủ, người thi tán-dương Bạch-cư-Dị, kẻ lại khâm-phục Lý-Nghĩa-Sơn là đệ-nhất thi hào nước Trung-Hoa, mỗi người bình phẩm mỗi khác vì theo khuynh-hướng khác hẳn nhau.

Còn có người lại chỉ-tích thơ Đỗ-Thiếu-Lãng khó hiểu vì có nhiều câu tối nghĩa, không hay bằng thơ Lý Bạch rõ-ràng và tự-nhiên hơn ; trái lại, có kẻ phê bình thơ Lý-Trường-Canh thiếu thực-tế, chứa đầy mùi rượu, và không thoát trần-tục, không hay bằng thơ Lý-Thương-Ẩn thanh-cao và hùng-hồn hơn... Rốt cuộc không ai tìm ra được người nào là xứng-đáng với danh-từ đệ-nhất thi-hào nước Trung Hoa cả.

Vì sao vậy ? Có lẽ vì các thi-nhân Trung-Hoa tưởng cũng xấp-xì nhau về thi-tài, và mỗi người chỉ hay mỗi lối thơ mà thôi, chứ không có một thi-nhân

nào toàn-thiện toàn-mỹ và vượt cao hơn hẳn các đồng-nghiep khác như một trời một vực, cho nên rất nổi khố lòng mà đề ra ai là đệ-nhứt thi-hào Trung-Hoa vậy.

Lại bàn đến thi-nhân nước Pháp là một nước cũng có một nền văn-học thịnh nhứt Âu-châu từ lâu đời. Nước Pháp cũng có hàng ngàn thi-nhân có tên tuổi như Corneille, Racine, Ronsard, Lamartine, Victor Hugo v.v..

Nhưng, nếu có người đặt câu hỏi : " Thi-nhân nào là đệ-nhứt thi-hào Pháp-quốc " ?

Trước câu hỏi đơn-thuần ấy, ai là người trả lời không lúng-túng và chính-xác được ?

Victor Hugo hay Lamartine, hay Racine, hay Corneille v.v... ? Ai là thi-hào số một nước Pháp ? Ai là thi-bá quán-quân có thể tiêu-biểu cho cả nước Pháp ?

Cuối cùng chúng ta vẫn cứ phân-vân bất nhứt, mỗi người bình-luận theo ý riêng mình.

Chẳng những kẻ viết bài này tài hèn sức kém, và cái vốn-liếng về Pháp-văn không được bao nhiêu, nên không thể giải-đáp câu hỏi trên cho khỏi sai lầm đã đánh, có nhiều người trình-độ Pháp văn rất cao mà cũng cứ ngập ngừng, bỡ-ngờ trước câu hỏi đơn-sơ ấy.

Tại sao vậy ? Có lẽ tại các thi-nhân nước Pháp cũng không cách biệt nhau lắm về thi tài, và mỗi người cũng chỉ hay một phương-diện mà thôi, chứ không có một ai hay đủ các lối thơ, hay toàn-thể toàn-diện, cho nên cũng rất khó lòng mà tìm ra người nào là đệ nhứt thi-hào nước Pháp.

Còn như hỏi người nào là đệ-nhứt thi-hào nước Việt-Nam ? Thời trước người như một, cựu-học cũng như tân học, đều đồng-thanh trả lời ngay rằng : Tiên Điền Nguyễn-Du Tiên-sinh là thi-hào số một nước Việt-Nam.

Đó, cái giá-trị đặc-biệt về thi-tài của Nguyễn-Du Tiên-sinh là thế đó.

Nguyễn-Du Tiên-sinh được đứng đầu trong hàng thi-nhân Việt-Nam, đứng xa hẳn mọi đồng-nghiep trong nước, độc-chiếm địa-vị tối cao trong thi xã nước

nhà không ai có thể tranh dành được như thế, chẳng khác nào Cụ Sào-Nam Phan-bội Châu đi thi Hương khoa Canh tý (1900) tại trường Nghệ-an, được đậu Giải-nguyên mà lại được đứng riêng một mình một bảng yết-danh. Còn 21 viên Cử-nhân khác trong khoa thi ấy chỉ được niêm-yết tánh-danh trong một bảng thứ hai mà thôi.

Vậy, ngoại-trừ Nguyễn-Du là tay tuyệt-đối trong làng thơ nước nhà mà mọi người trong chúng ta đều nhứt-tề công-nhận, nhưng dưới Nguyễn-Du, nếu có kẻ lại hỏi : « Ai xứng danh đệ - nhị thi - hào nước ta ? », « Ai đáng được làm đệ tam thi hào v.v... ? » Bấy giờ chúng ta không khỏi tranh-luận nhau kịch-liệt. Như vậy càng chứng-minh một cách hùng-hồn rằng : Nguyễn-Du Tiên-sinh thật là bậc đệ-nhứt thi-hào bất-hủ của nước ta vậy, vì Tiên-sinh tiêu-biểu xứng-đáng nhứt cho cả dân-tộc và vì Tiên-sinh đã để lại cho chúng ta một nghệ-thuật văn-chương hết sức tinh-vi, một cái hương hỏa lưu-truyền hết sức quý-báu cho muôn đời, muôn thuở vậy. Còn các nhà thơ khác so với Nguyễn-Du đều vô-danh cả.

Ngoài thơ Nguyễn-Du, có người say-mê đọc thơ Hồ-xuân-Hương, cho thơ Hồ-xuân-Hương tả chân rất tài-tình, và không ngần-ngại đề-cử Hồ-xuân-Hương là đệ-nhị thi-hào rồi mới đến Cao-bá-Quát, Nguyễn công-Trứ v.v...

Có kẻ lại ưa thích ngâm thơ Nguyễn Yên-Đồ, cho thơ Yên-Đồ châm-biếm rất di-dòm, và không do-dự phàm-bình Tam-nguyên Ngu,ễn-Khuyến là đệ-nhị thi-hào rồi mới đến Tùng-Thiện vương, Tuy-Lý vương v.v...

Có người yêu lối thơ tình-cảm, hằng khen ngợi thơ Bà Huyện Thanh-quan và cho Bà là thi-hào đệ-nhị, trái lại, có kẻ chuộng lối thơ trào-phúng, thường tán tụng thơ Tú-Xương và cho ông là đệ-nhị thi-hào v.v...

Lại còn lắm kẻ hâm-mộ thơ Cao-bá-Quát là bay bướm và rất có n'ieu câu thần-cú kinh nhân, bèn đòi đưa Cao Chu-thần vào hàng thi-hào số hai của nước ta nữa.

Ngoài ra, còn biết bao nhiêu cụ phách trong thi-đàn xưa nay của nước nhà như Đoàn-thị-Điểm, Ngọc-Hân, Nguyễn-huy-Tự, Nguyễn-đình C'ieu. Ôn-như Hầu, Đinh nhứt-Thận, Cao bá-Nhạ, Chu-mạnh-Trinh, Nguyễn khắc Hiếu v.v., nhưng muốn phân-biệt ai là đệ-nhị, ai là đệ tam, đệ-tứ thi-hào, thì thật là một vấn-đề tối nan giải vậy.

Nay ta hãy tìm hiểu thân-thể, tính-tình và tâm-trạng của vị thi-nhân độc-tôn của nước ta là Tiên-diễn Nguyễn-Du Tiên-sinh.

Tiên-sinh tự Tố-Như-Tử, bút hiệu Thanh-hiền, lại có biệt-hiệu Hồng-sơn liệp-hộ nghĩa là kẻ đi săn trong dãy núi Hồng, sinh năm Ất-dậu (1765) niên-hiệu Lê Cảnh-hưng năm thứ 26, quán làng Tiên-diễn, huyện Nghi-xuân, tỉnh Nghệ-an lúc bấy giờ, sau này thuộc về tỉnh Hà tĩnh (Trung-phần).

Tiên-sinh là cháu gọi Cụ Tam-giáp đồng Tiến-sỹ Nguyễn-Huệ bằng Nội-tổ, và là con thứ bảy của Cụ Hoàng-giáp Nguyễn-Nghiêm và bà trắc-thất Trần-thị-Thần.

Cụ Nguyễn-Nghiêm, hiệu Nghị hiên, biệt-hiệu Hồng-ngự cư-sỹ, đỗ Nhị-giáp Tiến-sĩ khoa Tân-hợi (1731) niên-hiệu Vĩnh khánh nhà Lê năm thứ 3, làm quan đến chức Đại-tư-đồ đầu triều Lê Hiến-tông, thọ tước Xuân Quận-công, đứng đầu hàng nguyên-lão trong nước lúc về hưu trí.

Nguyễn-Du Tiên-sinh là em Cụ Tiến-sỹ Nguyễn-Khản (anh đầu lòng) làm Lại-bộ Thượng-thư (đầu hàng Lục-bộ), sung chức Tham-tụng (tương-đương với Thủ-tướng), thọ tước Quận-công, đứng đầu triều vua Lê Hiến-tông sau khi Cụ Thân-sinh là Nguyễn-Nghiêm trí-sự.

Thứ huynh của Nguyễn-Du Tiên-sinh là Cụ Nguyễn-Điều (anh thứ hai) trúng Tam-trường thi Hội, thọ tước Điều-nhạc-hầu, làm chức Tổng-trấn (tức Tổng-đốc) tỉnh Hưng-hóa và tỉnh Sơn-tây, Cụ Nguyễn-Dao (anh thứ ba) đỗ Cử-nhân, hàm Hương-lô tự thừa, Cụ Nguyễn-Luyện (anh thứ tư) đỗ Tú tài; Cụ Cử-nhân Nguyễn Trước (anh thứ năm); Cụ Cử Nhân Nguyễn Nể (anh thứ sáu).

Gia cư của Thanh-hiền Tiên sinh cũng như của các Cụ trong họ Nguyễn Tiên diễn và từ đường họ Nguyễn ấy đều ở gần núi Hồng-linh và sông Lam-giang nằm giữa hai tỉnh Nghệ-an và Hà-tĩnh.

Nơi đây phong-cảnh sơn xuyên thật là thanh-kỳ và cầm-tú, trông rất hùng vĩ và tráng lệ, và chính nơi đây đã phát-xuất rất nhiều danh-nhân qua các thời đại trước.

Nhờ được khí thiêng của Lam-giang và Hồng-linh chung tó, lại nhờ được truyền-thống thi-thư lễ giáo lâu đời của nhà họ Nguyễn Tiên-diễn kết-tinh, Nguyễn-Du Tiên-sinh bẩm-tính thông-minh dĩnh ngộ hơn người, đặc-biệt nhất là Tiên-sinh

có bộ óc cường-kỷ, bất kỳ loại sách gì, hễ được đọc qua một lần là Tiên-sinh nhớ mãi, khó nhớ nhất là thiên Vũ-cống kinh Thư mà Tiên-sinh cũng đọc tràm từ đầu đến cuối thiên, không bỏ sót một câu hay một chữ (theo lời Cụ Tiến sỹ Nguyễn-Mai, hàng huyện-tôn của Cụ Nguyễn-Du, kể chuyện với tôi cách đây 15 năm).

Lúc còn thơ nhỏ, Tổ-như Tiên-sinh học với các anh trong gia-đình toàn là Cử-nhân và tú-tài ai cũng cho Tiên-sinh là Thần-đồng. Tiên-sinh chỉ học 5 hay 6 ngày đã thuộc hết quyển sách 'Tam-tự-kinh', còn các trẻ khác trong làng thì phải mất ít nhất là 2 tháng mới học hết sách ấy.

Học đến đâu Tiên-sinh tìm hiểu cặn kẽ đến đấy ; có lắm lúc Tiên-sinh chất-vấn những câu nghi nghĩa làm cho thầy học cũng phải nhiều phen lúng túng trả lời không trôi chảy.

Ngoài 10 tuổi, Tiên-sinh đã học hết Tứ-truyện rồi học tiếp Sử-ký và Ngũ-kinh.

Sau khi thôi học với các anh trong nhà, Tiên-sinh lại tiếp-tục với Cụ Tiến-sỹ Nguyễn-Hành quán xã Nguyệt-ao, tổng Lai-thạch, huyện La-sơn (sau đổi thuộc về huyện Can-lộc), tỉnh Hà tĩnh.

Cụ Nguyễn-Hành, một vị Đại-Khoa nức tiếng hay chữ ở vùng Nghệ-Tĩnh, đỗ Tiến-sỹ khoa Giáp-dần (1734) niên-hiệu Long-Đức Vua Thuần-tông nhà Lê năm thứ 3, sau Cụ Nguyễn-Nghiễn một khoa, làm đến chức: Án-sát tỉnh Thái-nguyên, nhân có việc đình-gian, Cụ cáo quan về nhà mở trường dạy học, đào luyện được nhiều nhân tài : trước có Nguyễn-Thiếp tức Hạnh-Am hiệu La-sơn phu-tử, sau có Nguyễn-Du Tiên-sinh đều là môn-đệ trứ-danh nhất của Cụ Nguyễn-Hành. Cụ Nguyễn-Thiếp xây « Lục niên thành » trong dãy núi Thiên-nhận rồi ở đấy 6 năm, còn Cụ Nguyễn-Du ở giữa rừng sâu trong dãy Hồng-linh hơn 10 năm trời.

Tổ-như Tiên-sinh đã thông-minh xuất-chúng, cường-kỷ hơn người, lại ham đọc sách suốt ngày đêm không chán. Tiên-sinh đọc đủ các loại sách về Nho, Phật, Lão, Trang v.v..., cho nên hấp-thụ và thấm-nhuần triệt để triết-lý của các học-thuyết-gia Đông-phương, và chính vì thế mà Tiên-sinh rất giữ lòng bác-ái, nhất sinh khắc kỷ vị tha vậy.

Năm 19 tuổi, vừa gặp khoa thi Hương năm Quý-mão (1783) niên hiệu Lê

Cảnh-Hưng năm thứ 44, Cụ Nguyễn Du thi đỗ Tú tài rồi tập tước với hàm quan võ, và được bổ làm chức Chánh-thủ-hiệu hiệu quân hùng hậu ở tỉnh Thái-nguyên (Bắc phần). Ở trong quân-thứ, Cụ tu văn luyện võ, nên rất tinh-thông binh-thu và am tường võ nghệ.

Ba năm sau, Vua Lê Hiền-Tổng thắng hà, Thái-Tôn Lê-Duy-Kỳ tức Lê Chiêu-Thống lên nối ngôi. Bởi Duy-Kỳ kém tài đức, nên cơ-nghiệp nhà Lê bắt đầu suy-đốn từ đây.

Khi Bắc-Bình-Vương Nguyễn-Huệ kéo quân ra Bắc-Hà năm 1787 (Đinh-Mùi) về niên-hiệu Lê Chiêu-Thống năm thứ nhứt, Cụ Nguyễn-Du nhứt-định treo ấn từ quan rút lui về ở trong huyện Quỳnh-côi (Nam-định) cùng với anh vợ là Đoàn-Nguyễn-Tuân mưu sự khôi phục cơ đồ xã-tắc cho nhà Lê.

Thấy công cuộc khó thành bởi cơ-mưu bị bại lộ, và sau khi người bạn đồng châu của Cụ là Nguyễn-hữu-Chỉnh bị giết, Cụ nản lòng thối chí, bèn quyết-định trở về quê hương ăn náu để xa lánh chốn phồn-hoa đô-hội.

Lui về chốn cổ hương chẳng được bao lâu, Cụ lại lìa bỏ gia-cư, tìm vào chốn thâm sơn cùng cốc trong dãy núi Hồng-linh để sống một cuộc đời đạm-bạc đơn sơ, và mai danh ẩn tị ở đây hơn mười mấy năm trời. Cụ mượn thú đi săn để du sơn lâm thủy, và đọc sách, ngâm vịnh cùng sáng tác để giải muộn tiêu sầu cho qua ngày tháng.

Đến khi Bắc-Bình-Vương lên ngôi Hoàng-đế, ngài kêu gọi các cựu-thần nhà Lê hãy ra giúp nước, nhưng Cụ Du cứ một mạch cáo từ, lấy cớ là thân bèn sức yếu, không thể tham-gia chánh-sự được.

Biết rõ Cụ Nguyễn-Du là người có tiên-phong đạo-cốt, không thiết-tha đến phú-quí công-danh, nên vua Quang-Trung để cho Cụ sống yên trong cảnh thanh-u tịch-mịch ấy, không còn bắt buộc Cụ phải ra tham-chánh và cũng không nỡ lòng làm hại Cụ. Tâm-trạng của Cụ lúc bây giờ có thể lượng đoán qua 2 câu Kiều sau đây :

*Thân sao thân đến thế này,
Còn ngày nào cũng dư ngày thôi.*

Xuất thân con nhà trâm-anh thế-phiệt, lương đồng triều-đình, Tổ-như Tiễn-sinh lại học rộng tài cao, văn hay võ giỏi, lẽ đương nhiên Tiên-sinh là người

đáng được tru-đãi nhưt lúc bấy giờ. Ở địa-vị một kẻ khác, thì người con cưng của thời-đại ấy không khỏi tỏ vẻ đặc-chí với những tư-tưởng lạc-quan.

Hiềm vì Nguyễn-Du Tiên-sinh đã sống qua thời-kỳ Lê-triều suy-nhược, Trịnh-Nguyễn phân-tranh gây nên cảnh cốt nhục tương tàn, Bắc Nam hỗn chiến, xương tan thịt nát, máu đổ đầu rơi, kẻ si-phu giàu lòng ưu-ái như Tiên-sinh mất nhòa cảnh tượng tang-tóc loạn-ly mà thương tâm vô hạn.

Lại đến lúc Lê-triều sụp-đổ hoàn-toàn, cơ-đồ tan-nát, xã-tắc ngửa-nghiêng đến nỗi không thể nào cứu vãn lại được nữa, đứng trước cái cảnh nước mất nhà tan, con nhà từng chịu thâm ân hậu trạch của vua Lê nở nào nhìn thời-cuộc chuyển xoay mà không nặng lòng nhớ-nhung cố-chủ ?

Hướng chỉ trong nước lúc ấy, những bi-thảm kịch « thừa gió bẻ măng », « đục nước buong cầu » như nạn côn-đồ đạo-tặc, ô-lại tham-quan hoành-hành khắp chốn, làm cho nhân-dân vô-tội phải chịu muôn ngàn nỗi cực khổ đắng cay, con người giàu lòng bác-ái vị-tha như Tiên-sinh xiết kể nỗi đau lòng xót dạ (Xin xem bài « Chiêu hồn » tức bài văn cúng thập loại chúng sinh của Cụ thì có thể thấy rõ tấm lòng vị-tha của Cụ).

Tâm-trạng của Cụ Nguyễn Du lúc bấy giờ có thể tóm tắt trong 4 câu thơ mở đầu truyện Kiều :

*Trăm rãn trong cõi người ta,
Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau.
Trải qua một cuộc bể dâu,
Những điều trông thấy mà đau đớn lòng.*

Bao nhiêu những sự việc đã dồn dập xảy tới, và bao nhiêu những điều mắt thấy tai nghe lúc bấy giờ đã làm cho Tiên-sinh chán nản quá chừng đến nỗi mất cả cái ý-chí cứu thời dụng thế đã đành, mà còn không thiết đến sự sống nữa là khác, cho nên mới tìm vào ở chốn rừng xanh núi thẳm đơn-độc và cô-quạnh như vậy hơn mười năm trời.

*Đã không biết sống là vui,
Thân này nào biết thiệt thời là thương.*

Mãi đến năm Nhâm-Tuất (1802), vua Gia-Long nhưt thống sơn-hà, lên ngôi Hoàng đế, Ngài ban Chiêu và xuống Dụ đôi lần kêu gọi các cụ-thần nhà Lê

hãy ra giúp nước, rồi đến khi nhà vua lục-dụng đích-danh từng người trong đó có Cự Nguyễn Du, biết thế từ nan không được, Cự mới phải ra tham-chánh.

Ban đầu Cự nhận chức Tri-huyện Phủ-dực (Thái-bình) rồi thăng Tri-phủ Thường-Tín (Hà-đông) rồi thăng chức Cai bạ (tức Bố-chánh) Quảng-bình.

Đến hơn 10 năm sau, tức là năm Quí-dậu (1813) niên-hiệu Gia-long năm thứ 12, Cự phụng-mệnh sung chức Chánh-sứ qua Thanh cầu phong. Lúc này đã được 48 tuổi.

Nhờ chuyển đi sứ ấy, Cự Nguyễn-Du được đọc bộ tiểu-thuyết "Thanh-tâm tài-nhân" của một tác-giả Trung-hoa về đời nhà Minh, rồi theo cốt truyện của Tàu, Cự mới soạn thành tập "Đoạn-trường tân-thanh" tức truyện Kim-Vân-Kiều bằng chữ Nôm gồm 3 254 câu thơ thượng-lục hạ bát. Thơ này rất được thịnh-hành ở nước ta.

Bản chính tập "Đoạn-trường tân-thanh" ấy được Tiến-sỹ Phạm-quí-Thích biệt hiệu Lập-trai đề tựa bằng một bài thi Hán-văn bát-cú Đường-luật thật hay, lại do Võ-Trinh biệt-hiệu Liên-trì ngư-giả phê-bình với nét mực đen, và Nguyễn-Lượng biệt-hiệu Châu-sơn tiểu-lữ phê-bình với bút son đỏ thật là công-phu.

Hai nhà phê-bình kể trên đã khuyên dầy từng chữ và từng câu tại nhiều đoạn trong truyện Kiều, và đều thần-phục bút-pháp của Thanh-hiên Tiên-sinh là tuyệt diệu với từ khí vô cùng linh-động.

Đọc tập "Thanh-tâm tài nhân" của Tàu rồi, Nguyễn-Du Tiên sinh cảm thấy thần thể và tâm sự của Thúy kiều chẳng khác gì thần thể và tâm sự của mình, nên chỉ Tiên-sinh mới làm ra truyện Kiều lồng vào đây một bản trần-tĩnh bày tỏ những nỗi lòng u-ẩn và nêu rõ những hoàn-cảnh éo-lẻ đã quyết-định bao nhiêu hành-vi và thái-độ khởi-cư xuất-xử, mong người đời sau thấu hiểu nỗi lòng của mình mà không còn dị-nghị về những sở-hành đại bất-đắc-di của mình nữa.

Sở-hành đại "bất-đắc-di" của Tiên-sinh tức là việc ra làm quan với nhà Nguyễn vậy.

Bị bắt buộc ra làm quan với nhà Nguyễn, Tiên-sinh tự cảm thấy mình đi hành động trái với lương-tâm, với danh-giáo, với cương-thường đạo-lý ngàn xưa khi không giữ trọn được tấm lòng trung-nghĩa thủy-chung đối với cố-Lê. "Trung-thần bất sự nhị quân" là quan-niệm chung của những kẻ quân tử ngày xưa vậy.

Sự thực, Tiên-sinh đã cố-tình xa lánh các triều vua sau khi nhà Lê sụp đổ, nên mới vào ở trong rừng sâu núi kín, hầu bảo-toàn tắc dạ trung-trinh đối với cố-Lê. Nhưng tình-thế không cho phép, nên Tiên-sinh đã phải ra làm quan với Nguyễn triều.

Chính vì chỗ phải ra làm quan với nhà Nguyễn mà Tiên-sinh phải khổ tâm suốt đời vì Tiên-sinh cứ bị ám-ảnh bởi món nợ ân-tình đối với Lê-triều cố-chủ. «Tâm trung chỉ tự khổ» là tâm-khảm thẳm kín của Tiên-sinh vậy.

Cụ Nguyễn-Du sáng tác rất nhiều văn và thi-phẩm có giá-trị. Nhưng trong những tác-phẩm của Cụ, tập Kim-Vân-Kiều lại đặc-sắc hơn, có một giá-trị đặc-biệt hơn, bởi văn-chương truyện Kiều là một áng văn-chương tuyệt-mỹ, không tiền khoáng-hậu của nền văn-học nước ta, cho nên có người đã nói : Truyện Kiều là quốc-túy, quốc-liên và quốc-hoa của nước ta vậy.

Thật vậy, văn-chương truyện Kiều là toàn-bích, từ xưa đến nay không có một ai có thể sửa chữa được một câu hay một chữ trong bản chính truyện Kiều, và do đó người ta đã cho truyện Kiều là một kiệt-tác vô-song, một kỳ-công tuyệt-diệu, thiết-tưởng cũng không phải là lời nói quá đáng vậy.

Có người đã cho truyện Kiều là một rừng hoa, những kẻ đọc Kiều là những du-khách đi vào rừng hoa ấy, mỗi người thích mỗi vẻ, mỗi kẻ thưởng mỗi màu, hoặc có người chỉ biết hái vài bông, hay ngắt vài cành mà thôi, không một ai có thể tự-phụ đã thưởng-ngoạn hết cả rừng hoa ấy.

Bởi vậy, truyện Kiều là một rừng hoa muôn màu muôn sắc thái vậy.

Cụ Nguyễn-Du là người tài cao học rộng hơn đời, lại thể-tất nhân-tình, am-hiếu tâm-lý tất cả mọi hạng người trong xã-hội đã đành, lại còn dày-dạn phong-trương, chứa-chan tình-cảm, cho nên văn-chương của Cụ tức là con người của Cụ, thật là hoàn-mỹ về mọi phương-diện, nhứt là về tả-chân, thật là «lời lời châu ngọc, hàng hàng gấm thêu» vậy.

Tả tình cũng như tả cảnh, tả người cũng như tả sự-vật, Cụ tả cái gì cũng lột được tinh-thần cái ấy, nói lên được đặc-điểm cái ấy, linh-dung và diêm-xuyết được cái ấy với một ngòi bút trôi-xao tài-tình vô-hạn, thật là : «bút như thần» và «thi như họa» vậy. Như tả cảnh sắc thanh-minh về tháng ba :

Tiết vừa con én đưa thoi,
 Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi.
 Cỏ non xanh tận chân trời,
 Cành lê trắng điểm một vài bông hoa...

Tả mộ Đạm Tiên ở bên đường gần giòng nước có cầu :

Nao-nao dòng nước uốn quanh,
 Nhịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang.
 Sè sè nấm đất bên đàng,
 Rêu-rắn ngọc cỏ nửa vàng nửa xanh...

Tả Thúy-Kiều về nhà, sau khi thăm nhà Đạm-tiên và gặp Kim-trọng :

Kiều từ trở gót trướng hoa,
 Mặt trời gác núi chiếu đà thu không.
 Mảnh trăng chênh chếch dòm song,
 Vàng đeo đáy nước cây lồng bóng sân.
 Hắt-đường lá ngọn đông lân,
 Giọt sương đeo nặng cành xuân là đà.
 Một mình lặng ngắm bóng nga,
 Rộn đường gần với nẻo xa bời-bời.
 Người mà đến thế thì thôi,
 Đòi phần-hoa cũng là đời bỏ đi.
 Người đâu gặp-gỡ làm chi,
 Trăm năm biết có duyên gì hay không ? ..

Lại như tả Thúy-Kiều ban đêm gảy đàn cho Kim-trọng nghe :

Khúc đầu Hán Sở chiến-trường,
 Nghe ra tiếng sắt tiếng vàng chen nhau.
 Khúc đầu Tư-mã phượng cầu,
 Nghe ra như oán như sầu phải chăng ?
 Kế-Khang này khúc Quảng-lãng,

Một rừng lưu-thủy hai rừng hành-vân,
 Quê quan này khúc Chiêu-quân,
 Nửa phần luyến chúa nửa phần tư-gia.
 Trong như tiếng hạc bay qua,
 Đục như nước suối mới sa nửa vôi.
 Tiếng khoan như gió thoảng ngoài,
 Tiếng mau sầm-sập như trời đổ mưa.
 Ngọn đèn khi tỏ khi mờ,
 Khiến người ngồi đó mà ngơ-ngẩn sưa...

Đến như tả cảnh lưu-lạc, Thúy-Kiều buồn trông :

Buồn trông cửa bể chiều hôm,
 Thuyền ai thấp-th thoáng cánh buồm xa-xa.
 Buồn trông ngọn nước mới sa,
 Hoa trôi man-mác biết là về đâu ?
 Buồn trông nội cỏ rầu rầu,
 Chân mây mặt đất một màu xanh xanh.
 Buồn trông gió cuốn mặt ghềnh,
 Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi.
 Chung-quanh những nước non người,
 Đau lòng lưu lạc nên vài bốn câu...

Như trên đã lược trích dẫn, Nguyễn-Du Tiên sinh, với một cây bút tuyệt kỳ tuyệt-diệu, cực linh-động, cực tinh-vi, đã "miêu tả nhập thần" mọi sự việc cũng như tả tình tả cảnh và tả người, cho nên văn truyện Kiều được phổ biến hết sức rộng-rãi và được đời đời say-sưa truyền-tụng mãi mãi.

Chính vì vậy mà văn-chương truyện Kiều rất thích hợp với tâm-tình người Việt-Nam, và đã thâm-nhập vào tâm hồn người Việt-Nam nữa là khác.

Người Việt-Nam chúng ta không một ai không nhớ năm mươi câu Kiều trở lên, rồi khi vui, người ta ngâm Kiều càng thấy vui thú thêm, khi buồn, người ta cũng ngâm Kiều để khuây khỏa nỗi lòng sầu-muộn.

Lúc bỗng con, người ta ru con với những câu Kiều quen thuộc. Khi nói chuyện, người ta cũng đọc những câu Kiều thuộc lòng để giải-thích hay dẫn-chứng cho câu chuyện.

Ví dụ như nói chuyện một người tài-hoa mà bị tai-uương thảm-họa, thì người ta trưng Kiều :

*Nghĩ đời mà chán cho đời,
Tài tình cho lắm cho trời đất ghen.*

Như kể chuyện một kẻ hồng-nhan bạc mệnh, thì người ta trưng Kiều :

*Lạ gì bi sắc tư phong.
Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen.*

Ở Nghệ an và Hà-tĩnh, nhân-dân địa-phương thường diễn trò Kiều đã đành, lại còn có tục hát ghẹo hay hát « phường vải », người ta cũng hay mượn những câu Kiều để hát với nhau.

Ví dụ một đôi trai gái trách nhau, thì một trong hai người ấy hát :

*Trách lòng hờ-hững với lòng,
Lửa hương chốc dè lạnh lòng bấy lâu.*

Còn thề-thốt với nhau, thì một trong hai người hát :

*Vầng trăng vắng vặc giữa trời,
Song song hai mặt một lời đính ninh.*

Lại còn có những nhà văn, nhà thơ thường mượn những câu Kiều để làm văn, làm thơ và câu đối, gọi là tập Kiều.

Ví dụ đề mừng tân-hôn, có người đã làm một câu đối tập Kiều :

*Nên phủ qui, bậc tài danh, mai trúc sum vầy duyên hội ngộ,
Kể thiên tài, người quốc-sắc, sẽ cầm hòa-hợp tiếng tri-am.*

Đề vịnh một cặp vợ chồng tân-hôn, có người đã tập Kiều :

*Khi vào đúng-đúng khi ra vội..
Nỗi đêm khép mở nỗi ngày riêng.,*

Đề điều một thanh niên du-học bị mất ở ngoại quốc và được đưa quay về quê, có người đã tập Kiều :

*Vốn dòng danh gia, trên vì nước, dưới vì nhà, chốc mười năm
cách trở sơn khê, mượn điều du-học ;*

*Chạnh niềm cố quốc, một là trung, hai là hiếu, ngoài ngàn dặm bơ-
vơ là thẩn, dễ mới thương tâm.*

Đề điều một phụ-nhân mà em gái y-thị vốn có tình-ý riêng với chồng y-thị, có người đã tập Kiều :

Cũng một tơ đồng, chẳng nề u-hiền mới là chị..

Cá h năm mây bạc, tấm lòng nhi nữ cũng xiêu anh...

Đề làm thơ như bài thơ «Thúy-Kiều đi thanh minh», có người đã tập Kiều làm thành cả bài thơ, tựu trung 2 câu tả-chân như sau :

Thương kẻ dấu giầy in mặt đất,

Nhớ ai mùi áo nhuộm đa trời...

(Câu trên nói về Đạm-Tiên, câu dưới nói về Kim-trọng).

Thậm chí có những người tôn sùng Kiều, tin-tưởng Kiều và thần-thánh-hóa Kiều nữa. Mỗi khi họ đi thi, hay cầu phúc, cầu yêu và cầu tài, họ thường bói Kiều.

Tôi còn nhớ trước kia, khi thi vào trường Quốc-tử-giám, bạn tôi, ông Đặng-thế Hiền (quán làng Tiên-diễn, huyện Nehi-xuân, tỉnh Hà-tĩnh, đã cầu lui từ từ ra khỏi nhà lao Việt-cộng, nhưng được cứu sống) đã bói Kiều như sau :

«Vi đến vào tập đoàn-trường, thi treo giải nhứt chi nhường cho ai.

Một Cụ nhà Nho đã đoán : «Thế nào ông Hiền cũng bị hỏng, mặc dầu bài vở rất khá...»

Quả-nhiên, khi treo bảng không có tên Ông Hiền, rồi hỏi dò ra mới biết trong số những người bị hỏng, ông Hiền được nhiều điểm hơn cả.

Đối với người Việt-Nam chúng ta, Nguyễn-Du Tiên sinh là đệ-nhút thi-

hào, truyện Kim-Vân-Kiều sản-phẩm của Tiên-sinh là quen-thuộc và được tôn-sùng hơn hết đã đành, cho đến người Trung-hoa cũng phải công-nhận truyện Kiều là một kiệt-tác, mà tác-giả truyện Kiều là một vi-nhân.

Xa hơn nữa, như người Nhật-bản, người Pháp, người Anh, người Mỹ v.v. đều đua nhau phiên-dịch Kiều, khai-thác Kiều, bình-phẩm Kiều không biết mấy mà kể.

Như vậy, Nguyễn-Du Tiên-sinh quả là đệ-nhứt thi-hào nước Việt-Nam đã trở thành một thi-hào quốc-tế vậy.

Vậy đề kết-thúc bài này, tôi xin có một đôi câu đối gọi là tỏ tấm lòng vô cùng ngưỡng mộ vị đệ-nhứt thi-hào nước Việt-Nam chúng ta nhân ngày lễ kỷ-niệm :

*«Tuyệt-thế thi-hào, giảng-sinh vừa hai trăm năm,
người mất mà văn-chương không mất ;
Đoạn-trường kiệt-tác, truyền-tụng mãi ngàn muôn thuở,
nước còn thời sự-nghiệp vẫn còn».*



đại quan tư tưởng thời đại nhà trần (1225 - 1400)

(xin đọc V.H.T.S. số 3 năm 1970)

Đây là cái tinh-thần đại-biểu cho các danh-tướng nhà Trần, văn-võ kiêm-án, anh-hùng khí-phách, vấ-chương lối-lạc, trung quân ái quốc, trong quân si tình cha con, trong nhân dân lấy dân vì quốc.

«Rề của Quốc-Tuấn là Phạm-Ngũ Lão cũng nổi tiếng về binh học. Ra làm tướng, Ngũ-Lão trị quân có kỷ luật, đãi binh lính như người nhà, cũng chịu cam khổ, người buổi ấy gọi là «phụ tử chi binh». (theo Đồng-Chi «Cổ văn học-sử».)

Ông người làng Phù-Ứng, huyện Đường-Hào tỉnh Hải-Dương, được Hưng-ạo tiến lên cho Vua Nhân-Tông, từng đánh giặc Nguyên, lập được công to. Triều đình trọng dụng cử làm đại tướng, đánh phá Chiêm-Thành và Ai Lao. Tuy con là tướng mà ham đọc sách ngâm thơ. Ông có bài thơ tự-thuật hoài-bảo của anh, khí thơ đầy khoáng khái :

*Hoành sát giang sơn cấp kỷ thu,
Tam quân tì hồ khí hân ngưu.
Nam nhi vị liễu công danh trái,
Tu thính nhân gian thuyết Vũ-Hầu.*

(Trải bao năm mũi dáo ngang dọc non sông đất nước,

Ba quân như hổ báo có khí phách nuốt trâu,

Làm tài trai chưa hết được cái trách nhiệm công danh như nợ tiền kiếp, Xấu hổ nghe người đời nói đến tài Vũ - Hầu Gia - Cát Không - Minh) Lại như bài thơ lịch-sử của Trần Quang Khải Quang Khải, Quốc-Tuấn, Ngũ-Lão đem quân từ Thanh Hóa đi thuyền vòng đường biển ra đến bến Chương-Dương, sẵn vào đánh thuyền của quân Nguyễn. Quan quân đánh hăng quá quân Nguyễn không địch nổi phải bỏ chạy. Quan quân lên bộ đuổi đánh về đến chân thành Thăng-Long hạ trại, Thoát-Hoan đem đại quân ra cự địch, bị phục-binh của Trần Quang-Khải đánh úp lại, quân Nguyễn bỏ thành Thăng-Long chạy qua sông Phú-Lương (Nhị-Hà, sang giữ bên mặt Kinh-Bắc (Bắc-Ninh), Trần-Quang-Khải đem quân vào thành, mở tiệc khao quân. Đến khi uống rượu vui vẻ, Quang-Khải ngâm bài thơ :

Đoạt sáo Chương-Dương độ,

Cầm Hồ Hàm-Tử-Quan.

Thái bình đương tri lực,

Vạn cổ thử giang san.

(Bến Chương-Dương cướp sáo của giặc Toa-Đô,

Bắt giặc Hồ (Nguyễn) ở cửa Hàm-Tử-Quan,

Thái bình nên hết sức,

Muôn thuở xưa nay đất nước này bền vững.)

Lại còn tác-phong tự-tín của tướng-quân Trần-Nhật-Duyệt, biết mình, biết người, dẹp giặc bằng lối chinh-phục lòng địch. Sử chép :

« Trịnh-Giốc-Mật ở Đà-Giang làm phản, Vua xuống chiếu cử Nhật Duyệt đi dẹp. Giốc-Mật xin điều khoản rằng : « Tôi không dám trái mệnh Vua, nếu ăn-chủ quá bộ đến nơi chúng tôi thì tức khắc tôi xin đầu hàng ! » Nhật-Duyệt đem theo năm sáu đứa nhỏ đến nơi, quân-sĩ ngăn không muốn để ông đi. Nhật-Duyệt nói : « Nếu chúng phản-bội ta, thì triều-đình còn có vị Vương khác lại đến, không lo ngại ! » Khi đến nơi, người Mán cầm gươm dao đứng chờ sẵn. Nhật Duyệt không nhìn đến, cứ đi thẳng vào. Mật mời ngồi lên trên, ông vốn thông hiểu tiếng Mán, cùng với Mật ăn bốc, uống bằng mũi. người Mán vui lắm. Mật đem cả gia-quyển đến quán đình xin hàng. Không mất một mũi tên nào mà bình được Đà-Giang. Nhật-Duyệt đưa Mật đến cửa khuyết, Vua khen ngợi rồi cho Mật về ».

Về việc này, Ngô-Thời-Sĩ có bình-luận rằng :

« Nhật-Duật đi lần này cùng với việc Tử-Nghi một ngựa đến Hồi-Ngột, giống như nhau, vì rằng đã sẵn có danh-vọng lớn và lòng tin thật, nên quân địch bất giác phải hàng-phục, trong khi ông tỏ phong-độ và lời nói có khí-phách ».

(Việt-sử tiêu-đn)

Đại-khái trên đây là bày-tỏ cái tinh-thần võ tướng của thời Trần, đặc-biệt của cái khí-phách và nhân-cách có thực-tài và thực đức, biết mình biết người. Phải chăng đây là kết-quả của phương pháp huấn-dục đào-tạo nhân-tài, kết-tinh của tinh-thần quốc-học, như Ngô-Thời-Sĩ đã kết-luận :

« Vua lập ra viện Quốc-học, tô tượng Chu-Công, Khổng-Tử, Mạnh-Tử để thờ phụng. Vua xuống chiếu cho nhân-sĩ trong nước đến viện ấy giảng sách Ngũ-kinh, Tứ thư. Vua lập ra nhà học, tô-chuộng nghề văn, dựng lên : hi giảng tập nghề võ, cả văn lẫn võ có vẻ rực-rỡ lắm. Cho nên có các ông Hán-Siêu, Trung Ngạn, Nhật-Duật, Ngũ-Lão nổi nhau xuất-hiện. Văn-Trình và Hưng-Đạo là danh-Nho, danh-Tướng lừng-lẫy thời bấy giờ, kết-quả của sự tôn-chuộng văn-võ đó ».

(Việt-sử tiêu-đn)

Văn thần

Về văn-thần thời Trần, tuy rất phồn-thịnh phong-phú, nhưng tiêu-biểu điển-hình nhất phải kể đến Chu-Văn-An lên hàng đầu.

Bấy giờ việc học được khuyến-trương, trường đại-học công-lập và tư-lập phát-triển. Ngoài trường Tư-thiện-đường, Teát-trai-đường và nhà học ở phủ Thiên-Trường quê hương phát-tích của nhà Trần, là những đại-học dành riêng cho hoàng phái và đại thần, còn có các trường tự-do lập cho các con nhà dân, trong số đó có tiếng nhất là trường của Trần-Ích-Tắc, em Vua Thánh-Tông, thông-minh văn-từ lỗi-lạc, thông-thuộc kinh-sử, lại tài-hoa có năng-khiếu về các nghệ-thuật. Ông chiêu-tập học-trò các niên tới học, cấp cho cơm áo và dạy cho thành tài. Mạc-Đĩnh-Chi thi đỗ Trạng-nguyên do lò huấn-dục ấy ra. Trường của Chu-Văn-An ở Quang-Liệt (Hà Đông) đào-tạo ra bọn danh-sĩ như Phạm-Sur-Mạnh, Lê-Bá-Quát.

Trần-Ích-Tắc hữu-tài vô-bệnh, sớm đầu hàng giặc Nguyên, nên bất-tất

nói đến. Nay chỉ cần biết cái đạo-học của Chu-Văn-An để biết một khuynh-hướng Nho-học Việt-Nam chân-chính thời ấy.

Chu-Văn-An người làng Quang-Liệt, huyện Thanh-Đàm (nay là Thanh-Trì gần Hà-nội) tính thẳng-thắn chính-trực, giữ gìn tiết-hạnh, tâm-hồn thanh-cao, ham học, yêu đạo. Đặt tên chỗ ở là Văn-Thôn, xây thư-viện ở gò trên bờ một cái đầm để dạy học, gần xa đến học rất đông, người thành đạt khá nhiều, có người làm nên như Phạm Sư-Mạnh, Lê-Bá-Quát làm đến chức Hành-Khiển. Ông dạy học rất kính-cần tôn-nghiêm, đệ-tử đối với thầy trước sau vẫn giữ lễ thầy trò, như Phạm-Sư-Mạnh, Lê-Bá-Quát sau khi đã làm lớn cũng phải giữ lễ đối với ông, lạy ở dưới giường ông ngồi, có điều gì không phải vẫn bị ông trách mắng, đủ tỏ ông nghiêm-ngự là nhường nào.

Đời Vua Minh-Tông (1314—1329), triều-đình nghe danh tiếng ông là bậc đạo-đức mời ra làm chức Quốc-tử-giám Tư-Nghiệp để dạy Thái-Tử. Bấy giờ trong triều ngoài đã ai cũng tôn-trọng đức nghiệp ông. Khi ông làm Tư-Nghiệp, ông Trần-Nguyên-Đán (Bíng-Hồ) có thơ xưng-tụng :

*Học hỏi hồi lâu tục tới thuần,
Thượng tường sơn đầu đức tư nhân.
Cùng kính bác sử công phu đại,
Kính Lão sùng Nho chính hóa tân.
Bỏ miết hàng hồi qui Hán nhật,
Thương nhan bạch phát mặc Nghi-xuân.
Hoa huân chỉ thị thù y trị,
Tranh đắc Sào Do tác nội thần.*

Nghĩa là :

Bề học vô biên lần sóng trở lại làm cho lại được thấy thuần-phong mỹ-tục.

Mở trường cổ sao Bắc-Đầu trên đỉnh núi nên đã được người ấy đứng đầu.

Hết các kinh-sử đều thông với công-phu lớn-lao của ông.

Lão-học cũng tôn kính như Nho học mà nền chính-trị mới hóa ra mới-mẽ canh tân.

Tất vải dây gai trở về thời buổi nhà Hán phục-hưng lại chế độ truyền thống cho nước Tàu.

Đầu xanh, tóc bạc cùng nhau vui học, rủ nhau tắm ngày xuân và hóng mát trên bờ sông Nghi như Khổng-Tử xưa.

Chính trị thuần-hậu chỉ phải rủ tay áo mà cai trị như thời Nghiêu Thuấn.

Ông thật có thể tranh tài đức với Sào và Do về cái chức quan trong cung điện nhà Vua.

(Nguyễn-Đán)

Ngô-Thời-Si viết về ông rằng :

« Văn-An là người thanh-tĩnh, giữ tiết-hạnh rất khắc-khở, không cầu lợi lộc cao sang, chỉ ở nhà đọc sách có nhiều học trò làm nên to, như các ông Phạm-Sư-Mạnh, Lê-Bá-Quát đã làm đến chức Hành-Khiển cũng phải giữ lễ thầy trò, lạy ở dưới giường ông ngồi, có điều gì không phải là trách mắng ngay. Ông là người nghiêm-ngệ đáng sợ là thế. Vua Minh-Tông cử làm Tư-Nghiệp dạy Thái-Tử. Vua Dụ-Tông ham chơi, quyền thần làm trái phép, ông dâng sớ xin chém 7 tên nịnh thần, không có trả lời, ông liền treo trả mũ áo rồi trở về quê. Ông miễn cảnh núi Chí-Linh, đến làm nhà ở đó. Vua Dụ-Tông muốn ủy thác chính quyền cho ông, nhưng ông không nhận. Thái-Hậu nói : Bậc hiền sĩ thanh cạo, Vua cũng không bắt người ta làm tôi được, giao chính quyền cho người ta thế nào được ! Thiên hạ ai cũng khen là có khí tiết cao thượng. Khi bluh xong nội loạn, ông mừng lắm, chống gậy lên yết mừng Vua, rồi lại trở về núi.»

Sử gia Ngô-Si-Liên cũng bình luận về Ông ở «Toàn-Thư» :

Nhà Nho Việt ta được đặc dụng ở đời không phải không nhiều, nhưng ý-chí đề vào công danh có, ý-chí đề giàu sang có, lẫn lộn a dua không phân biệt trắng đen cũng có, giữ địa vị đề bảo vệ lấy thân cũng có, chưa từng có đề chí đạo-đức, hết lòng với Vua, làm ơn cho dân lấy làm tâm-niệm vậy. Như Tô-Hiến-Thành đời Lý, Chu-Văn-An đời Trần mới có thể gọi được như thế. Tuy nhiên Tô-Hiến-Thành gặp được Vua biết cho nên công-nghiệp biểu-hiện ở đương thời. Văn-An không gặp được Vua biết mình cho nên để lại đời sau cái học chính-truyền. Ta lấy Văn-An mà nói thì thờ Vua ắt phải can-gián trái ý Vua, ra làm việc đời

thì theo điều nghĩa mà xây-dựng, nhân-tài thì Công-Khanh đều do cửa nhà ông ra, phong-tiết cao-thượng thì Thiên-Tử cũng không thể dùng làm bầy tôi, đáng-mạo vùi-vội mà dạy học nghiêm-trang, thanh-khí vai-linh mà nịnh thần sợ, ngăn đời về sau nghe cái phong-thái của tiên-sinh, người ngoan-ngạnh cũng hóa ra liêm, kẻ ương-hèn cũng tự-lập được. Nếu không tìm hiểu lý-do thì ai biết được rằng cái tên thụ Văn-Trình là xứng đáng với người? Làm tông-phái Nho học Việt ta mà đặt lên bàn thờ Văn-miếu bên cạnh Khổng Mạnh là rất đáng vậy.

(Toàn Thư)

Lê Tung ca-tụng "sớ thất-trảm" của Chu-Văn-An cùng với bài "Vạn-ngôn-Thư" của Lê-Cảnh-Tuân:

"Bức thư Vạn-Ngôn, bụng trung thấu suốt trời trắng. há chẳng phải là sức của văn-chương sao? Bài sớ Thất trảm, lòng nghĩa cảm đến quỷ thần, há chẳng phải là công của nhà Nho ta đó ru?"

Nay thử hỏi cái tôn-chỉ Nho-học của họ Chu thế nào mà được tất cả Nho-sĩ Việt-Nam về sau đồng-thanh công-nhận là tổ-tông cho Nho-học Việt-Nam?

Theo Lê-Quí-Đôn, trong "Quế-Đường di tập" thì khi dạy học, Văn-An thường nói với học trò là Tú-Sĩ rằng: "Phàm học thành-đạt cho mình là để thành-đạt cho người, công đức tới nhân-dân, ân-huệ để lại đời sau, đấy đều là phận-sự của Nho-sĩ chúng ta." (Phàm vì học thành kỳ sở dĩ thành nhân, trạch cập sinh dân, ân lưu hậu thế, giai ngô nho phận-sự dã).

Và tôn-chỉ giáo huấn của tiên-sinh thì:

"Tiên-sinh dạy học tôn nghiêm, chủ trương xét nguyên-lý cùng tột của sự vật và làm ngay chính cái tâm của mình hên trong, trừ sạch điều tà bay, chống cự với thuyết nhảm ngụy-biến." (Tiên sinh sư đạo tôn nghiêm, kỳ học chủ u cùng lý chính tâm, tịch tà cự bĩ)

Cái tôn-chỉ "cùng lý chính tâm" khác với chủ-trương của Tống-Nho Chu Hy "Cùng chí sự vật chi lý". Bởi vì "cùng-lý" thuộc về tri, "chính-tâm" thuộc về hành, vậy "cùng lý chính tâm" là "tri-hành hợp-nhất". Còn "cùng chí sự vật chi lý" thì chỉ có một mặt "cùng lý" tức là tri mà thôi. Và nếu lý là cái điều-lý khách-quan của sự-vật ngoại-giới thì chủ-trương "cùng-lý" sẽ thiên về đường tri-thức danh-lý (Intellection logique). Như thế không phải là cái học thực-

hiện đức-tính của truyền-thống đạo-học chân-chính vậy. Cho nên bảo họ Chu ở Việt-Nam cùng với Trần-Thái-Tống đã chủ-trương triết-học tri-hành hợp-nhất trước Vương-Dương-Minh bên Tàu và chống với cái học của Chu-Hy đời Tống thên về Lý-học hơn là tâm-linh thực-nghiệm vậy. Lý-học vốn thuyết cái học « tri tri cách vật », như thế là tin có một thế-giới sự-vật bên ngoài đối-lập hay tịnh-hành với nội-giới tâm-linh, mà người ta phải đem cái ý-thức chủ-thể đến đối-tượng nơi vật (cách = chỉ đã, vật = sự đã.)

Như thế là chỉ cho có lý-trí giải-quyết vấn-đề hiểu biết, mà hiểu biết của lý-trí là đặt cho chính-xác một vật làm đối-tượng cho chủ-thể tri-giác.

Trái lại cái học « cùng lý chính tâm » thì chủ-trương ở tâm có lý, chỉ phải sống đời sống thực-hiện đức tính ngộ-hầu cái tâm mlinh khai-triển vượt quá giới-hạn cá-nhân, hòa-đồng với tâm xã-hội, nhân-loại đến vũ-trụ. Ở cái tâm hay ý-thức vũ-trụ ấy, tại cái « Thiên-Địa chi tâm » thì « Tâm tức lý » không còn năng-tri (sujet cennaisant) và sở-tri (objet connu), chủ-thể và đối-tượng đồng-nhất trong cảnh-giới tâm-linh thần-hóa vậy. Đây là đạo-học của Chu-văn-An « Vi học thành kỷ sở dĩ thành nhân, trạch cập sinh dân, ân lưu hậu thế » chủ về đức-tính thực-hiện hơn là trí thức siêu-hình.

Lê-Quý-Đôn cũng như Ngô-Si-Liên có nói rằng : Chu-Văn-An trước-tác sách « Tứ thư thuyết ước » và « Tiểu ăn tập » lưu-hành ở đời. Nhưng sách « Thuyết ước » thì hiện nay không còn, đáng tiếc. Còn sách « Tiểu-ăn » cũng chỉ thấy Lê-Quý-Đôn trích-dẫn mấy bài trong « Quế-đường di-tập ». Qua những bài thơ ấy chúng ta thấy không những Chu-Văn-An « Kinh Lão-học, sùng Nho-học » như lời Trần-Nguyên-Đán xưng-tụng trên kia, mà họ Chu còn lấy nguồn cảm-hứng sáng tác ở Tâm-Thiền nữa :

THÔN SƠN TIÊU KHẾ.

*Nhơn thân Nam Bắc phiến vân khinh,
Bán chằm thanh phong thế ngoại tình.
Phật giới thanh u trần giới viễn,
Đình tiền phún huyết nhất oanh minh.*

DỊCH

Tạm nghỉ ở một xóm làng trong núi.
Thân nhân tựa đám mây nhẹ nổi từ Nam sang Bắc.

Nửa gối gió mát, tỉnh đề ra ngoài cuộc đời.

Cõi Phật thanh-u xa với cõi trần tục.

Trước sân chim oanh kêu hót thỏ ra máu.

Đấy chẳng là ca-tụng đạo Phật thanh-tĩnh đấy ư ? Đại-khái hồn thơ đều đang nặng tình-thần Trang Phật như thế cả. Dù tỏ khi dạy học, vào đời ông thực-hiện cái ý-thức Nho luân-lý nhân-sinh, khi cáo quan về già ông sống cái ý-thức nghệ-thuật của Phật Thiền.

Ngoài Chu-Văn-An đại-diện Nho-phong chân-chính, đời bấy giờ theo sử chép "các quan trong triều như là : Trần-thời-Kiến, Đoàn-Nhữ-Hải, Đỗ-Thiếu-Lư, Mạc-Đĩnh Chi — Vua biết Đĩnh-Chi tính liêm-khiết, sai người đem mười quan tiền đề trong cửa nhà ông. Đĩnh-Chi đem việc ấy tâu Vua biết, Vua nói : "không ai nhận tiền ấy thì cho khanh lấy mà chi dùng" — Nguyên-Dũ, Phạm Mai, Phạm-Ngộ — các ông này làm quan có phong-độ, thẳng-thắn dám nói, có tư-cách đại thần — Nguyễn-Trung Ngạc, Lê-Quát, Phạm-Sư-Mạnh, Lê-Duy, Lê-Cư-Nhân, là lúc nhân-tài thịnh nhất hơn triều các Vua khác.

Trần-Bang-Cần làm quan Đại-Hành-Khiển, là người nho-nhã có thao-thủ giản-dị, trầm-tĩnh không lóe-loẹt. Vua cho bài thơ vào bức tượng vẽ của ông rằng :

Hình dung cốt cách nại đồng hàn,

Tướng mạo đường-đường diệp khả khan.

Phong lưu nhất đoạn hồn miêu tợn,

Tâm lý nan miêu cảnh-cảnh đan.

Nghĩa là : "Hình dáng, cốt-cách, tướng-mạo đều đẹp, vẽ được hết. Duy có tâm tốt khó vẽ nổi".

Nguyễn-Trung-Ngạc làm chức Tri-Thánh-Từ - Cung-Sự, tính sơ-lược, Vua thương là người có tài. Ông có bài thơ tự-thuật :

Giới-Hiện tiên sinh lang miếu khi,

Diệu-linh di hữu thôn ngư chi.

Niên phương thập nhị Thái-học-sinh,

Tài đẳng thập lục xung Đĩnh-Thị.

Nhị thập hữu tứ nhập gián-quan,

Nhị thập hữu lục Yên-Kinh sử !

(Tự kể hành-trạng : Khi ít tuổi có chí lớn, 12 tuổi là Thái-học-sinh, 16 tuổi đã thi Đình, 24 tuổi làm gián-quan, 26 tuổi đi Sứ Tàu.)

Lê-Cư Nhân làm quan Hình, xét việc án ở nhà riêng, bị Đại-quan hạch. Vua hỏi đến, ông tâu thật. Vua nói : « Sao không tự bào chữa nói tránh đi ? » Ông thưa : « Thà rằng thần bị tội, chứ không dám bưng bít vua, làm quan mà nói dối quân-thượng, thì còn làm gương mẫu cho liêu-thuộc sao được ? »

(theo *Việt-sử tiền-dân*)

Mạc-Đĩnh-Chi cũng là một danh Nho có tư-tưởng Tam-giáo.

Mạc-Đĩnh-Chi (1272-1346), tự là Tiểu-Phu, người làng Lũng-Đông Hải-Dương nguyên dòng dõi Mạc-Hiền-Tích thượng-thư triều Lý. Đĩnh-Chi thuở nhỏ thông minh hơn người. Bấy giờ Trần-Ích-Tắc mở trường Đại-học ở Kinh-đô, Đĩnh-Chi được nhập học, cho nên năm 20 tuổi đời Vua Anh-Tông ông thi Đình đỗ đầu. Nhưng Vua thấy người xấu ngăn ngại không muốn lấy đỗ. Đĩnh-Chi bèn làm bài phú «Ngọc-tĩnh-liên» đề tự vì như hoa sen «gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn», tượng trưng cho cái triết lý tâm linh hiện-thực của Phật-giáo Việt-Nam tức là Thiền-học vậy. Vua Anh-Tông xem bài phú khen lắm, cho làm Thái-học-sinh Dũng-thủ, sung vào chức Nội-thư-gia. Ông đi Sứ sang triều nhà Nguyên bên Tàu, người Nguyên thấy xấu xí cũng miệt thị, khi mời vào Tướng-phủ, mời ngồi. Trong phủ có bức thêu chim sẻ vàng đậu trên cành trúc. Ông lại gần ngắm xem, người Nguyên cười là quê mùa, ông liền kéo tấm thêu xuống xé ra, mọi người lấy làm lạ hỏi có sao, ông đáp ngay : «Tôi thấy người xưa vẽ mai với trúc. Nay trúc là tượng trưng người quân-tử, sẻ trúc là tượng trưng kẻ tiểu nhân. Nay Tề-tướng cho thêu bức tranh này, đem tiểu nhân đứng trên quân-tử, tôi e đạo tiểu nhân ngày một lên, đạo quân-tử ngày một xuống, nên tôi vì Thánh-triều mà trừ bỏ đi ! » Mọi người phục là lanh trí. Khi vào triều Vua, gặp lúc ngoại quốc tiến lên cái quạt, ông vâng mệnh làm bài minh vào cái quạt, liền cầm bút viết ngay rằng :

« Chầy vàng tan đá, Trời Đất như lò nung, người đương lúc ấy như Y-Doãn Chu-Công là đại Nho.

Gió Bắc lạnh-lẽo, mưa tuyết đầy đường, người đương lúc ấy như Bá-D Thúc-Tề chịu chết đói.

Ôi ! biết dùng đến thì làm, bỏ đi thì ở ăn, chỉ ta với người có như thế thôi !

(Lưu kim lịch thạch, thiên địa vi lô, nhi ư tư thời hễ Y Chu cụ Nho.
Bắc phong kỳ thê, vũ tuyết tái đồ, nhi ư tư thời hễ Di Tề cơ phu.
Y ! dụng chi tắc hành, xả chi tắc tàng, duy ngã dữ nhi hữu thị phù).

Đề xong dâng lên, Vua Nguyên phê son vào chữ Y "Lưỡng-quốc Trạng-
Nguyên».

Khi Hoàng-Hậu nhà Nguyên mất, Vua Tàu cử ông vào đọc văn tế. Khi
quai xuống cầm bài văn đọc thì chỉ thấy một tờ giấy trắng, có bốn chữ Nhất.

Đĩnh-Chi không nghĩ ngợi liền đọc ngay rằng :

Thanh thiên nhất đóa vân.

Hồng lô nhất diêm tuyết.

Ngọc uyển nhất chi hoa.

Dao trì nhất phiến nguyệt.

Y ! vân tán, tuyết tiêu, hoa tàn, nguyệt khuyết !

Bài văn ấy còn chép ở Sử Tàu.

Đức-tính thanh-liêm của Đĩnh-Chi các sử đều ghi chép. Triều vua Minh
Tông rất được trọng-dụng. Vua biết tính ông thanh-liêm, thường sai người đem
mười quan tiền, lúc tối bỏ vào trong cửa nhà ông. Sớm dậy ông bèn đem tâu Vua.
Vua bảo : tiền ấy đã không có ai nhận thì Khanh cứ việc tiêu dùng.

Bấy giờ Đĩnh-Chi mới dám lấy, ấy thanh-liêm như thế !

Triều vua Hiến-Tông làm đến Tả-Bộc-Xạ (Tề-Tướng).

NGỌC TÍNH LIÊN PHƯ

Khách hữu ân kỳ cao trai, hạ nhật chính ngo.

Lâm bích thủy chi thanh trì, vịnh phù dung chi Nhạc-Phủ.

Hốt hữu nhân yên ! dã kỳ phục, hoàng kỳ quan.

Quýnh xuất trần ch' tiên cốt, lẫm tịch cốc chi cù nhơn,

Vấn chi hà lai ? Viết tông Hoa-sơn.

Nãi nhạ chi kỷ, nãi sử chi tọa.

Phá Đông-Lăng chi qua, tiến Dao-Trì chi quả.

Tái ngôn chi lương, tái tiến chi ta.

Kỳ nhi mục khách viết : tử phi ái liên chi quân tử đa ?

Ngã hữu dị chủng tàng chi tự gian.

Phi đảo lý chi thổ tục, phi mai trúc chi cô hàn.

Phi tăng phòng chi cân kỷ, phi lạc thổ chi mẫu đơn.

Phi Diêu-lệnh đông ly chi cúc, phi Linh-quân cửu uyển chi lan.

Nãi Thái-hoa phong đầu ngọc tỉnh chi liên.

Khách viết : dị tại ! khởi sở vị ngã như thuyền hễ, hoa thập trượng.

Lành tỉ sương hễ, cam tỉ mật giủ di ?

Tích vấn kỳ danh, kim đắc kỳ thật.

Đạo-sĩ hân nhiên, nãi tự trung xuất.

Khách nhất kiến chi, trung tâm bất-uất.

Nãi phát thập dạng chi tiên, thử ngũ sắc chi bút.

Di vi cạ viết :

Giá thủy tinh hễ vi cung

Tạc lưu ly hễ vi hộ.

Phá pha lê hễ vi nề.

Sái minh châu hễ vi lộ.

Hương phước úc hễ tăng tiêu.

Đế vấn phong hễ như mộ.

Quế tử lã-h hễ vô hương.

Tổ ngũ phẩm hễ như đồ.

Thái đao thảo hễ phương châu.

Vọng mỵ nhân hễ Tương phố.

Kiến hà vi hễ trung lưu.

Hạp tương phản hễ cổ vũ ?

Khởi hộ lạc hề vô dung.

Thán thuyền quyền hề đa ngộ.

Cầu dư binh chi bất a.

Quá hà thương hề phong vũ ?

Khủng phương hồng hề đao lạc.

Mỹ nhân lai hề tuế mộ.

Đạo sĩ vẫn nhi thân viết : tử hà vi ai thả oán đã ?

*Độc bất kiến Phụng-hoàng-trì thương chi tử vi, Bạch-ngọc-đường
tiền chi hồng được.*

Quỳnh địa vi chi thanh cao, di thanh danh vi chiếu chươc.

*Bỉ giai kiến quý u thánh minh chi triêu, tử độc hà chi hồ tao nhân
chí quốc ?*

Ư thị hữu cảm tư ngôn, khởi kính khởi mộ.

Ngà Thành-trai đình thương chi thi.

Canh Xương-lê phong đầu chi cú.

Khiếu xương hạp dĩ phí tâm.

Kính hiến ngọc tỉnh-liên chi phở.

(Trần-triều Mạc-Đĩnh-Chi tiên-sinh ứng chế)

DỊCH :

«Đương trưa nắng hạ, chủ-nhân tựa án cao-trai, bước xuống hồ trong, ngắm dòng nước biếc, vịnh khúc phù-dung, ngâm câu Nhạc-Phủ.

Chợt có khách đến, ăn-mặc nâu sồng, tiên-phong đạo-cốt, dáng điệu siêu-phàm. Hỏi tự đâu xa ? Thừa từ ngọn non Hoa mới về. Chủ nhân kéo ghế mời ngồi, bõ dưa Đông-lăng, bày trái Dao-trì, cùng nhau hoan hỷ truyện trò. Xong rồi khách nhìn chủ hỏi :

— Quân tử ái-liên chẳng là ? Ta đây có giữ giống nhà, không quê mùa như hoa đào lý, không đơn lạnh như trúc vôi mai, chẳng phải loài cầu-ký tăng-phòng chẳng cùng mẫu đơn đất Lạc, chẳng cùng Đông-ly của Đìo-Tiêm, chẳng lan cửu-uỳnh của họ Khuất. Chính là bậc nhất sen-thần, nở trong giếng ngọc, tại nóc Hoa-san tuyệt đỉnh cao ngất.

Cử đáp : Lạ thay ! Há chẳng phải Sen này, hoa cao mười trượng, cánh cong như thuyền, da lạnh như tuyết, vị ngọt như mật, xưa từng nghe danh, nay mới thấy thật.

Đạo-sĩ tươi cười, rút trong tay áo ra mời chủ-nhân. Mới nhìn thấy bần-khoăn hời-hộp, vuốt ngòi lông ngũ-sắc, mở cuốn giấy hoa-tiên, viết hơi vẩy bút thảo liền bài ca. Ca rằng :

Thủy tinh hề cung đình,
 Lư-ly hề tạc cửa đình.
 Tán pha-lê hề làm bèn,
 Tưót minh-châu hề giọt long-lanh.
 Hương thơm ngát mấy tầng xanh.
 Để thương, Tiên chưởng một cảnh bóng sen.
 So với quế, quế phiến lạt lẽo,
 Á Tổ-nga chẳng kéo ghen tuông.
 Có dao hái ở bãi Phương,
 Mỹ-nhân trông ngóng sông Tương đợi chờ.
 Giữa dòng nước bơ-vơ ủ-rũ,
 Sạc chẳng về quê cũ nước non ?
 Đánh thân lưu-lạc cố-dơn,
 Thuyền-quyên lơ bước lấm cơn lơ-lẫ.
 Chớ nếu vững kiên tâm chờ đợi,
 Có lo chi dầu-dãi tuyết sương.
 Chín lo lạt phấn phai hương,
 Tuổi già tóc bạc đoái thương lơ thỉ.
 Đạo-sĩ than : "nói chi ai oán ?
 Kìa Tử-vi cai-quản Phương-hoàng,
 Thược-dược tu trước Ngọc-đường.
 Đều là địa-vị vẻ-vang ai bì !
 Ông chín bề một thì sáng chiếu.

*Riêng tao-nhân toan liệu đi đâu ?
 Chủ nghe ngắm-nghi gặt đầu,
 Càng thêm kính mộ, xiết bao cảm tình.
 Tay tiên vậy khác Trai-dinh,
 Phong đầu thơ cũ hường tình ngấm-nga.
 Cửa Trời soi thấu gần xa,
 Ngọc-tinh-liên phủ hải-hà lượng trên !*

(Mạc-Đinh-Chi)

Trên đây Mạc-Đinh-Chi một danh Nho đã mượn tượng-trưng tình thần Phật-giáo tâm-linh hiện-thực đề tự ví với mình, đang gặp cảnh-ngộ có lẽ phải bền-chí đề phất-đầu, vượt tất cả trở-ngại trên con đường tiến-thủ, cũng như bông sen bị vùi trong bùn dưới nước, nhưng thực sen thì chẳng sợ bùn, luôn-luôn giữ tấm lòng trong sạch thanh-liêm.

Cái nhân-cách của Đình-Chi còn bộc-lộ ra ở bài thơ làm vào khoảng đi Sứ sang Tàu, khi thăm dấu cũ Đào-Tiềm ở Bành-Trạch :

*Tự tình bản nhàn khoáng.
 So bất tỉ lục-lục.
 Đầu mê khẳng chiết yêu.
 Giải ấn ninh từ lộc.
 Phù sơ ngã thù liễu.
 Lành đạm nhất ly cù.
 Liêu-liêu thiên tải hậu.
 Thanh danh ngộ khả phục.*

DỊCH :

*Tự tình vốn tự do,
 Ban sơ không hẹn hò.
 Đầu gạo chịu khom lưng,
 Cởi ấn thả từ lộc.
 Vần sợi dăm khóm liễu,
 Lành đạm giũa cốc thưa.
 Thoang-thoảng ngàn đời sau,
 Tiếng thơm ta khâm phục.*

(còn tiếp)



trấn-bắc hành cung hoài cổ

*Trấn-Bắc hành-cung cổ đại đầu
Khách qua chơi đó chạnh niềm đau
Chín từng sen rơi hơi hương ngự
Năm thức mây phong nếp áo chầu
Sóng lớp phế hưng coi đã rộ
Chuông hồi kim cổ lắng càng mau
Người xưa cảnh cũ nào đâu tá
Khéo ngàn-ngờ thay lá trọc đầu*

Cũng như khi nói về thơ *Thăng-long hoài cổ*, tôi muốn hãy nói về tên bài này của Bà huyện Thanh-Quan.

Tôi đã từng tỏ ý-nghĩ rằng : Có lẽ hầu hết các thơ xưa, khi mới làm nên, đều không có tên bài. Người sau, khi sao chép thành tập, tùy tiện đặt tên lên đầu bài thơ, để dễ tra tìm trong mục-lục. Vì lẽ đó cho nên, chúng ta thấy các tên bài thơ trong các thi tập, thi tuyển không nhất-trĩ với nhau.

Và cũng vì lẽ đó, mà chúng ta nay còn xét thấy nhiều tên bài thơ chưa thỏa-đáng.

Bài thơ này của Bà huyện Thanh-Quan, thường thấy có ba chỗ đề khác nhau :

1. Chơi chùa Trấn-quốc.
2. Chơi chùa Trấn-Bắc.
3. Trấn-Bắc hành-cung.

Vậy :

1. Trấn-quốc hay Trấn-Bắc ?
2. Chùa hay hành-cung ?

Trên bờ phía đông Tây-hồ, dọc đường Cờ-ngư ở Hà-nội, có một ngôi chùa gọi là chùa Trấn-Bắc.

Một lần, năm 1939. Một lần nữa, năm 1952, tôi có dịp đến thăm cảnh này. Vì vô ý hay vì lâu ngày quên đi, không biết có tấm hoành phi, tấm bi ký nào ghi tên chùa là Trấn-quốc hay không.

Đến như hai chữ Trấn-Bắc thì tôi nhớ rõ, vì nhớ có đọc thấy ở đôi câu đối chạm khắc vào cột ngoài, chỗ cửa chùa trông ra Hồ-Tây, là đôi câu đối nôm :

— *Trải bao phen, gió Á mưa Âu, trơ đá vững đồng, chót vót cột Trời chùa Trấn-Bắc.*

— *Riêng một thú, hoa đàm đuốc tuệ, sớm chuông chiều trống, thanh thanh cửa Phật cảnh Hồ-Tây.*

Chùa Trấn-Bắc, đối với cảnh Hồ-Tây, chữ in cột đá, đã đủ chứng cụ-thể, chùa đây tên là chùa Trấn Bắc.

Nhưng lại có tên chùa Trấn-quốc là sao ?

Một ít sử liệu, đây đó, cho chúng ta biết thêm lai-lịch cảnh chùa này :

Tiền khởi, từ đời Trần, chùa dựng bên hữu-ngạn sông Nhị-hà, phía trên cầu Bồ-đề, tên là chùa An-quốc.

Sau vì sông Nhị-hà lụt, đê vỡ ; về đời Lê Thần-tôn Vinh-Tộ thứ 6, năm Ất-sửu (1625), dân làng Yên-Phụ dời dựng chùa, dựng lại ở chỗ nền cũ đền Hàm-nguyên, bên bờ Hồ-Tây, địa điểm như chúng ta biết ngày nay.

Dưới triều Lê Thần-Tôn, niên hiệu Dương-hòa thứ 5 (1635), chúa Trịnh-Tráng trùng tu, xây cửa tam quan, sửa sang đường lối vào chùa cho thêm rộng rãi tráng lệ.

Đến đời Lê Hi-tôn, niên hiệu Chính-hòa nguyên niên, Canh-Thân (1680), tên chùa An-quốc đổi lại là chùa Trấn-quốc.

Mãi cho đến đời Nguyễn, niên hiệu Thiệu trị thứ 3, Quý-Mão (1843), mới đổi tên lần nữa là Chùa Trấn Bắc, cho tới ngày này, chúng ta từng gọi.

(Nhất thuyết rằng, tên chùa Trấn-Bắc đã đổi từ năm 1639 là năm Chúa Trịnh-Tráng trùng-tu chùa. Nghi rằng không đúng).

Như vậy, khi Bà huyện Thanh-Quan làm bài thơ này thì tên chùa đổi là Trấn-Bắc rồi. Tên chùa Trấn-quốc đã không còn nữa. Câu đầu bài thơ mở đầu bằng tiếng « Trấn-Bắc hành cung » đã đủ chứng tỏ điều này.

Thì sao mà chúng ta còn có thể đề là « Chơi chùa Trấn-quốc » cho được.

*

Còn chùa hay hành cung ?

Tôi không là nhà khảo cổ như họ Vương, cũng không là nhà kiến trúc như họ Đặng, vả lại, không đủ tài liệu để chứng tỏ được tại sao, thơ Bà huyện Thanh-Quan đề rõ ràng *Trấn-Bắc hành-cung* mà trong bài lại có tả cảnh chùa ?

Hoặc giả, Vua Chúa ngày xưa, mỗi khi ra chơi Tây-Hồ, trú tất ở chùa này mà chùa được gọi là hành-cung chăng ?

Hoặc giả, ngoài chùa ra, còn có một hành-cung nào nữa chăng ?

Nếu là hành-cung thì là hành-cung của ai ? Của Vua Lê hay của chúa Trịnh ? Có lẽ là cho cả Vua và cả Chúa ? Tất là phải có một cảnh hành-cung dựng cạnh chùa, đủ rộng lớn, chớ như thế khu vũ chùa Trấn-Bắc mà hiện chúng ta thấy, thì không làm sao đủ chỗ nghỉ chân, dù là nghỉ tạm, để thưởng sen câu cá, cho một đoàn đạo Ngự.

Thêm vào ý nghĩ trên đó, còn căn cứ ở câu mở đầu bài thơ :

Trấn-bắc hành-cung cỏ dài dầu.

« Cỏ dài dầu » cho chúng ta thấy ngay một cảnh hoang lương, có phảng phất như khi đọc câu :

Chu tước kiến biên dã thảo hoa

Ô-y hạm khẩu tịch dương tà

(Bên cầu Chu tước cỏ hiu hiu

Ngoài ngõ Ô-y rợp bóng chiều)

Nếu chỉ có mỗi một cảnh chùa thì chỉ cho đến nỗi "cổ dãi dầu".

Như trên chúng ta vừa thấy, đến Thiệu-trị niên gian, chùa được đổi tên Trấn-quốc thành Trấn-Bắc. Điều này chứng tỏ là chùa vẫn còn có sự vãi trụ trì, còn có thập-phương sẵn sóc. Hướng nữa, hai chữ Trấn-Bắc sửa đổi đó, tôi nghĩ, còn có ý-kiến và mạng lệnh vua quan.

Khoảng Lê Trịnh tại vị trở lên, trung-tâm quốc-thổ Việt-Nam hãy còn ở Thăng-Long, thì hai tiếng Trấn-quốc còn có nghĩa của nó.

Đến Triều Nguyễn định đô, thì trung-tâm quốc-thổ đã dời vào Phú-Xuân, mà địa bàn biên lĩnh mở dài ra hai đầu Nam Bắc. Có lẽ vì nghĩ một cảnh chùa nhỏ riêng của miền Bắc mà cứ đề là Trấn-quốc thì không thỏa đáng nên mới đổi lại là Trấn-Bắc cho thật đúng vị-trí địa-điểm của chùa.

Tôi muốn nêu điều này để chứng tỏ rằng chùa Trấn-Bắc, ngày Bà huyện Thanh-Quan qua chơi, chùa còn được sẵn sóc đến danh hiệu thì có lẽ nào cảnh trí không ai sẵn sóc, đề tiêu-điều đến *cổ dãi dầu* khiến cho *khách qua chơi đó chạnh niềm đau*.

Câu mở đầu bài thơ :

Trấn bắc hành cung cổ dãi dầu đã phân minh là phải có một cảnh hành-cung nào cạnh đó. Chứ nếu chỉ là chùa mà thôi, thì sao Bà huyện không nói là :

Trấn-Bắc chùa xưa cảnh dãi dầu

Vậy chúng ta có thể dựa vào bài thơ Bà huyện mà đoán được là cạnh chùa Trấn-Bắc, phải còn có một cảnh hành-cung.

Đ
Khi Bà huyện qua chơi, cảnh hành-cung đã hoang-phế, chỉ còn lại cảnh chùa mà thôi :

Trấn-Bắc hành-cung cổ dãi dầu

Khách qua chơi đó chạnh niềm đau

Chín từng-ten rớt hơi hương ngự

Năm thức mây phong nếp áo châu

Sóng lớp phế hưng coi đã rện

Hơn nửa bài, 5 câu, đều là tả một cảnh hành-cung hoang-phế.
 Từ câu thứ 6 :

Chuong hồi kim-cỏ lắng càng mau

mới nói đến cảnh chùa.

Rồi câu thứ 7 :

Người xưa cảnh cũ nào đâu tá

lại nhắc nhớ thương tiếc cho cảnh vật hành cung đã mất, mà chỉ còn lại có cảnh chùa :

Khéo ngăn-ngor thay lũ trọc đầu !

Nhân nói chuyện thơ mà thử tìm đối-tượng cho nguồn thi cảm của người xưa đã chắc đâu là đúng ; nổi thắc mắc, dám xin gởi gắm lại các nhà khảo cổ.

Đã xét xong cảnh trí làm thơ, vậy chúng ta nên đặt tên gọi cho bài thơ là phải.

Cũng như thơ *Thăng-Long*, thơ này thuộc về thơ điệu cỏ. Đứng trước cảnh thành-trị hoang-phế, cung điêu tiêu điều mà phát sinh lòng hoài niệm.

Lối xưa xe ngựa, nền cũ lâu đài của Thăng-long kia đã phai mờ trong hồ sen hỏ, bóng tịch-duong thì ở đây, hương ngự áo châu của Trần-Bắc cũng chỉ còn phảng-phất ít hơi sen rớt, bàn bạc mấy nếp mây phong.

Ở kia, gan đá cũng sờn cùng tuế nguyệt, mặt nước còn chau với tang thương, thì ở đây sóng cũng đã rợn lớp phế hưng, chuông lại càng mau hồi kim-cỏ.

Ở kia cảnh đầy người đầy luống đoạn trường thì ở đây người xưa cảnh cũ nào đâu tá.

Rõ là nơi của cùng một người nói lên : rõ là nỗi đau đớn ngậm-ngùi của cùng một tâm hồn thương tiếc người xưa cảnh cũ.

Đã như thế thì ở kia chúng ta đã là *Thăng-long hoài-cỏ* thì sao mà ở đây, chúng ta lại không đề là *Trần-Bắc hành-cung hoài-cỏ*.

Có đề là *Trấn-Bắc hành-cung hoài-cổ*, đầu bài đó mới thực đúng với lời thơ ; có đề như thế mới nói lên được lòng cảm-xúc của người tức cảnh, và có đề như thế, mới dọn trước cho người đọc một niềm-ý bằng-khuông, mới khơi trước cho nguồn thơ dòng lai-láng bồi-hồi.

*

Cũng như thơ *Thăng-long hoài-cổ*, thơ này thuộc về loại văn-chương đại-gia đài-các, vừa lịch-sự vừa trang-trọng, phong-lưu. Giàu thì có thể nói chưa lấy làm giàu, nhưng vang thì thực đã sang rất mực.

Chén từng sen rót hơi hương ngự

Năm thức mây phong nếp áo chầu

Dẫu chỉ là « sen rót mây phong » mà cảnh tượng vua chúa tiền triều vẫn còn như rõ vẽ huy-hoàng. Hành-cung thì biết bao là hành-cung, mà đây mới là cảnh hành-cung bên cạnh nước HỒ-Tây, ở ngay đất dân đồ hoa-lệ, riêng chẳng lẫn với nơi nào.

*

Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo

Nền cũ lâu đài bóng tịch dương

thì có thừa bi-tráng mà chưa đủ lâm-ly.

Ở đây, « sen rót hơi hương, mây phong nếp áo » đã gọi lên những tiếng thơ lâm-ly nẻo-nuột.

Ở kia :

Sờn gan cùng tuổi nguyệt

Chau mặt với tang-thương

thì thực đã thâm-trầm.

Nhưng mà ở đây :

« Sóng phể hưng, chuông kim-cỏ » đã rộn càng mau, thì thâm trầm cũng đã rất thâm trầm, mà linh hoạt, ôi biết bao là linh hoạt. Là một sóng tộng dâng lên trong chết lặng.

*

Chúng ta đã từng thấy có những câu thơ phẳng phất điệp trùng nhau, nhưng chúng ta phải hết sức ngạc nhiên mà thấy Bà huyện Thanh-Quan và Nguyễn-Du đã giống nhau như khuôn đúc ở một diềm.

Chúng ta đã từng thấy Nguyễn Du làm hai câu thơ lạ :

Đoạn trường sớ rút tên ra

Đoạn trường thơ phải đón mà trả nhau.

Nếu câu thơ đó, ở chúng ta, thì chúng ta ai mà lại chẳng làm :

Thơ đoạn trường rút tên ra

Sớ đoạn trường phải đón mà trả nhau

Sớ đoạn trường, thơ đoạn trường chẳng là thuận lời thông nghĩa hơn sao. Ai lại nói chi mà như là nói ngược : « đoạn trường sớ, đoạn trường thơ ».

Chính vì có nói ngược được như thế, mà tác-giả *Đoạn trường tân-thanh* mới là bậc Thần thơ.

Ở đây, Bà huyện Thanh-Quan đã làm :

Sóng lớp phể hưng coi đã rộn

Chuông hồi kim-cỏ lắng càng mau.

Nếu câu thơ đó, ở chúng ta, thì chúng ta ai mà lại chẳng làm :

Lớp sóng phể hưng coi đã rộn

Hồi chuông kim-cỏ lắng càng mau

Vì « lớp sóng, hồi chuông » chẳng là thuận lời thông nghĩa hơn sao. Ai lại nói chi mà như là nói ngược : « sóng lớp, chuông hồi ».

Chính vì có nói ngược được như thế mà Bà huyện Thanh-Quan của chúng ta mới là một bậc Thi thần.

Thử ngâm mà xem :

Lớp sóng phể hưng...

Hồi chuông kim-cổ...

Chữ thơ đâu mà dễ dàng đến như thế vậy, mà tầm thường đến như vậy. Làm sao mà theo cho kịp nhịp bước lớn của thiên-tài :

Sóng,... lớp phể hưng... coi đã rộn

Chuông,... hồi kim-cổ... lắng càng mau

Lớp và *hồi* đó, dành là *lớp sóng*, là *hồi chuông*, nhưng chính Bà huyện muốn cho chúng ta thấy *lớp* và *lớp phể hưng* và *hồi* là *hồi kim-cổ* đó, nào phải đâu chỉ là *lớp sóng* với *hồi chuông* mà thôi.

Mắt có nhìn được *lớp phể hưng* thì mắt mới coi thấy sóng dồn *lớp* rộn. Tai có nghe được *hồi kim-cổ* thì tai mới lắng rõ chuông dồn *hồi* mau.

Không cần phải đứng trước thềm chùa Trấn-Bắc, nhìn ra sóng nước Hồ-Tây, chúng ta chỉ nghe câu thơ của Thanh-Quan mà thôi, cũng đủ cho chúng ta thấy *lớp* *lớp phể hưng* xô-rộn trong *hồi* *hồi kim-cổ* thoảng mau.

Hai hồi triều mộ chuông gấm sóng

Một vầng tang thương nước lộn trời

của Hồ-Xuân-Hương, và :

Kim-cổ treo chung tranh thủy mặc

Tang thương chớp-nhoáng bóng hoàng-hôn

của Y-viên, chúng ta thử đem bốn câu trên đó của hai nhà, để đánh đổi lấy hai câu của Thanh-Quan nữ sĩ ở đây xem, có lẽ mà tác-giả chưa dành cho đánh đổi.

*

Tôi đã từng nói rằng có những pho tượng đá nữ thần Hi-lạp cần phải vứt bỏ mất một cánh tay để cho một công trình mỹ nghệ phẩm hoàn-toàn, là trường hợp bài thơ Trấn-Bắc hình-cung hoài cổ này. Bài này, nếu vì một lý

bất thường, C2 lại cho chúng ta 7 câu mà thôi, thì thật là dễ cho chúng ta một kỷ thú.

Khi chúng ta Cọc xong câu

Người xưa ảnh cũ nào đâu tở

Rồi, chúng ta không biết tác-giả sẽ nói lên nỗi niềm khắc-khoải băng-khuàng như thế nào nữa. Chúng ta làm sao mà đoán được, ngọn trào thơ đó dâng lên mệnh mong bất-ngát đến chừng nào, từ một tâm-hồn sâu-thẳm đang bị lay-động.

Thôi, đến đây, chúng ta nên dừng lại thì hơn Đến đây cũng đã đến tuyệt đỉnh rồi. Chúng ta cứ đứng lại chỗ cao phong độc tú này mà thưởng-thức mà tận-hưởng. Bước thêm bước nữa, là chúng ta bị rơi tuột sang bên kia dốc núi Từ cao rơi xuống thấp, chúng ta sẽ tan mất hứng-thú lúc đang lâm.

Sang bên kia dốc núi, chúng ta sẽ không tìm lại được những gì mà chúng ta chờ đợi ở Thanh-Quan.

Bước thêm bước nữa, là chúng ta bị rơi ngay vào chỗ tầm thường, rất đổi tầm thường :

Khéo ngàn ngo thay lữ trọc đầu !

Trời ! Bà huyện Thanh-Quan ! Bà huyện Thanh-Quan cao-nhã thung-dung. Bà huyện Thanh-Quan khuê trang đài-các của chúng ta, mà cũng nói được đến những 7 tiếng như vậy hay sao ?

Còn đâu là đại-gia văn-chương, còn đâu là tâm-hồn thanh-nhã, như chúng ta thường tiếp nhận được ở Bà huyện.

Ngã quách việc đời thấy kẻ thức

Chùa đầu thề trọc đã hồi chuông

Ở miệng Tú-Xương trào-lộ 1g, trào-lộng đến khinh bạc, mà nói ra câu đó, chúng ta nghe còn thấy nó thế nào ấy, huống là :

Khéo ngàn ngo thay lữ trọc đầu

Sao mà Bà huyện cũng nói y hệt được một câu bừa bãi như vậy.

Hoặc giả cho rằng Phật-giáo ở nước ta về khoảng Lê-mạt, nguyên-sơ đã bạc nhược lắm. Phật-pháp không chỉnh, Phật-học không thông, chùa chiền không ra chùa chiền, sư vãi không ra sư vãi. Ác-tăng tục-ni đã làm bại hoại cảnh cửa Phật am mây, thì ai dẫn được nổi tức giận mà không buông lời mắng mỏ. Phải có những câu thơ như thế, mới nhìn thấy được phản ảnh của xã - hội đương thời.

Chúng ta muốn đòi hỏi :

Những :

Ngẫu qua trúc viện phùng tăng thoại

Hựu đắc phù sinh bán nhật nhân

Hầu chuyện nhà sư trong viện trúc

Nửa ngày nhe tạm nổi phù sinh

của Đường của Tống.

Những :

Gió thông reo kệ tan niềm tục

Hồn bướm mơ tiến lẫn sự đời

của Lý của Trần.

Thì, chốn thiền môn tu-viện còn đâu được phong khí u nhân cao khiết nữa mà mong tìm.

Biện luận đó, cận hồ hữu lý ; nhưng chúng ta bỗng nhớ tới Chu-mạnh-Trinh. Họ Chu cũng là một nho sĩ thi nhân, đồng thời với nho sĩ thi nhân họ Trần ở đất Vĩ-hoàng.

Cũng thì nghe tiếng chuông chùa, mà Chu Mạnh-Trinh thì :

Thở thở rừng mai chim cánh trái

Lững lờ khe Yến cá nghe kinh

Thoảng bên tai một tiếng chày kinh

Khách tang hải giết mình trong giấc mộng

. . .

Lần tràng hạt niệm nam mô Phật

Cánh từ bi công đức xiết bao

Vậy, người đời sau sẽ xét Phật-giáo nước ta thế nào, qua những thơ vừa đương thời.

Ấu đó cũng chỉ là một nhận xét phiến diện, cũng là tùy quan-niệm của mỗi thi nhân mà thôi.

Cũng thì đêm không ngủ được, nghe tiếng chuông đồng vọng mà Trương-Kế thì :

Cô-rô thành ngoại Hàn san tự

Dạ bán chung thanh đáo khách thuyền

mà Trần Kế-Xương thì bực bội, vì tiếng chuông chùa đã làm cho mình thêm khó ngủ, rồi bắt « thẳng trục » đưa đầu ra cho mình gõ vào chơi, cho đỡ nổi « đêm nào đêm nào tớ cũng buồn ».

*

Sao mà, đọc Xuân-Hương, chúng ta không thấy kỳ chương.

Bởi vì, Xuân-Hương đã cho chúng ta biết trước rồi :

Chẳng phải ngô, chẳng phải ta

Đầu thì trục lốc đó không tà

Chúng ta đã đoán được Xuân-Hương dở giọng giễu cợt như thế nào rồi.

Cho nên, chúng ta không lấy làm lạ lòng chi nữa.

Chúng ta, dẫu không hoàn toàn đồng quan điểm « Vơ đũa cả nắm » của Xuân-Hương, mà khi nghe giọng pha trò, chúng ta cũng góp cười chơi một nụ cười vô tội.

Ở Thanh-Quan không thể nào nghe được giọng nói của Xuân-Hương chen vào đó.

Mặc dù chúng ta đã thuộc lòng rồi, nhưng chúng ta cũng thử đọc lại mà xem. Bảy câu trau chuốt thể nào ấy, từ ý thâm trầm thể nào ấy, mà đến câu thứ 8 tác-giả bỗng chửi đồng một câu đến chối tai thì nghe làm sao được.

Dầu sao đi nữa, dầu không sẵn lòng tín ngưỡng nữa, chúng ta có ai nỡ gọi các nhà sư là " thẳng kia lữ nợ trọc đầu " chưa !

Trách gì chúng ta không muốn nghe, không muốn thấy, không đòi cắt bỏ nó đi cho công-trình mỹ nghệ phẩm của Bà huyện Thanh-Quan được hoàn toàn.

*

Hoặc giả nói : nếu bỏ câu thứ 8 đi mà bài thơ còn đối nghĩa. Rằng : hành cung đành đã mất mà chùa thì hãy còn đây.

Nếp áo châu mây đã phong rồi, mà bên tai, cứ vẫn còn chưa dứt hồi chuông kim-cổ.

Người xưa cảnh cũ nào đâu tá ?

Ồi ! Hối mà làm chi, hối mà không trả lời được, thì hối mà làm chi cho rã ruột.

Hồi chuông đâu đó, bỗng lại vang lên ; âm hưởng ngân-ngã, lan lan trên nước rộng, âm hương du-dương lảng lảng trên trời không.

Đứng trước cảnh trời nước mung lung phiêu diêu, đương trong giờ phút mộng ảo mơ màng đó, sao mà tác-giả không cảm thấu nghĩa Sắc Không. Tác-giả không đem nhãn quan sắc tướng mà nhìn thấy hư-không, và sao không đem tâm-hồn hư-không mà cảm thông sắc tướng.

Người xưa cảnh cũ nào đâu tá ?

Thôi ! Hối nữa mà làm chi ! Tứ thơ ý cảnh đã phỏ-bày ra trước mắt đây rồi. Trời nước Hồ-Tây, một màu bàng-bạc, nước sắc với trời không, đã trả lời cho người đang bàng-hoàng trước chốn cố-cung, muốn tìm nhận lại dấu tiền triều.

Hồi chuông đâu đó bỗng lại vang vang :

Nước Sắc trời Không lẫn một màu.

Ưu-viên, tiết Thanh-minh năm Kỷ hợi



DÃ-LAN

NGUYỄN-ĐỨC-DỰ

so sánh thể gia phả với các truyện ký, tiểu truyện, lịch sử, ký sự...

Như chúng tôi đã nói ở trong Văn-hóa tập-san số trước tuy rằng các loại truyện ký, tiểu truyện hay lịch sử, ký sự có khác gia phả, nhưng nếu đọc kỹ thì ta lại thấy thể văn trong các loại truyện đó có một đôi chỗ giống y hệt lối văn chép phả, nhất là vài loại sách truyện như Đông chu liệt quốc, Sử ký Tư-mã-Thiên, v.v...

Sau đây, chúng tôi xin trích dẫn một vài đoạn của gia phả và của các thể văn khác để đọc giả tiện so sánh.

A. THỂ GIA PHẢ

Bài thứ nhất (Hán văn) :

«Cao tổ Nguyễn công húy Hoằng, kỵ thập nhất nguyệt thập thất nhật. Tỷ Phạm thị húy Cốc, kỵ thập nguyệt nhị thập nhật. Công Cố Lê Hiệu sinh Nguyễn Ông Tôn-Thuật chi đệ tam tử dã, tính phác thực, mỗi vi nhân sở khi vũ; hương trung nhất lão ngu, tương mãi tề nhục, hữu nhất bối nhân lai văn, thử ngu di hữu thành giá, dẫn ngu chủ hiểm ngộ bởi vô lực, vọng công nhất ngôn, vạn bất cảm di luy. Công (hứa nặc) cập hậu y bởi phát mãi phân lợi, tiền vô nhất hoàn, ngu chủ truy vấn, công thảo biện bởi nạp, lược vô nộ ý. Tính hỷ âm, tài thiếu âm tiệp, ngâm nga lạc tự vong ký, hữu tam ngũ hoàn thiếu, tác nhất tửu bàn, thỉnh lai suy công thượng tọa, y đẳng hạ toa địa trung nhược xuất thành khàn. Tửu tương bán, y đẳng biện tác đồ cục, nhất mỗ hướng văn, thử trừ mỗ nghị tất cơ, công viết nhiên, hậu hữu nhất mỗ văn, thử trừ mỗ nghị tất ngẫu, công diệc viết nhiên. công ý trung vị thử bởi tự tương hành lạc nhĩ, tửu hậu túy ngộ tại thử. Minh nhật công từ hồi, y đẳng văn, dạ cục công hạ phụ thử số, thủy tri vi y đẳng sở biên, nhiên diệc bất dữ hiệu, đẳng từ văn, tuần nhật nội biện hoàn nhi dĩ.

Gia bản, tỷ thường thương mại vụ Ninh giang địa hạt, nhất nhật công tự ngụ sở hời, nhân hữu bào đệ kỳ nhật, tỷ quán nhất nhân đài tiền nhị thập quán tùy hời. Thời thiên hàn vũ, công vị quán nhân viết, ngã hữu sự khần hời, nhữ đài trọng lộ nê, cô từ từ diệc khả, y vũ ngôn, khán công hành sảo viễn, tầm biệt lộ đào khứ, lai nhật tỷ hời, vấn quán nhân cập sở đài tiền, công viết : Ngã kính hời thúc gia báo chư diệt hành lễ, tướng y di hời. »

DỊCH NGHĨA : Ông Cao tổ họ Nguyễn húy là Hoằng, giỗ ngày mười bảy tháng mười một âm lịch. Bà là họ Phạm húy Cốc, giỗ ngày hai mươi tháng mười âm lịch. Ông là con thứ ba ông Hiếu sinh đời Cổ Lê họ Nguyễn thụy là Tôn-Thuyết, tính phác thực thường bị người ta lừa. Trong làng có một con trâu già sắp bán để làm thịt, có một bọn trong làng lại nói chuyện với ông con thứ ba ông Tôn-Thuyết (tức là ông Hoằng) rằng :

Con trâu này đã thành giá rồi nhưng người chủ trâu hiếm bọn tôi không có tiền, mong ông nói dùm không dám đề dè lụy. Ông nhận lời, về sau bọn ấy phát mại chia nhau không trả ông đồng nào, ông phải bồi thường chủ trâu nhưng không giận dỗi gì. Tính thích uống rượu, hề uống vài chén thì ngán nga mua vui. Có một tụi đều giả làm một mâm rượu mời ông đến để ông ngồi trên, còn tụi ấy ngồi quanh dưới đất. Rượu nửa chừng chúng giở ra cuộc đánh bạc, một đứa trong tụi nói rằng : Cái này tôi chắc lẽ, ông cũng bảo rằng ừ phải đấy, lại có một thằng nói cái này tôi chắc chắn, ông cũng ừ chắc đấy. Ông tưởng chúng nó bày ra để mua vui, uống rượu say xong nằm đấy ngủ. Ngày mai ông về nhà tụi ấy bảo rằng đêm ấy ông thua từng ấy tiền, mới biết bị tụi ấy lừa nhưng cũng không giận dỗi gì chỉ báo là bữa nữa tôi sẽ giả. Nhà nghèo, vợ thường buôn bán ở Ninh giang, một hôm ông từ chỗ dạy học về nhân có ngày kỳ em ruột, bà vợ thuê một người gánh hai mươi quan tiền đi theo về. Lúc bấy giờ giờ mưa rất ông bảo người gánh rằng : « Tôi có việc phải cần về, anh gánh nặng đường trơn đi thông thả cũng được ». Thằng ấy nghe nói, xem ông đi xa tìm lối khác trốn mất. Ngày hôm sau bà vợ hỏi thằng gánh thuê với tiền đâu, ông bảo rằng tao về tắt nhà chủ, nó bảo các cháu làm giả tưởng người gánh thuê đã về rồi.

(Nguyễn tộc Thế phả — 1961—Trang 101-102, và phần Phụ lục, trang LIII)

Bài thứ nhĩ :

* Cụ lớn Ông : Phạm-Thận-Duyệt, tự Quan-Thành, hiệu Vọng-Sơn. Sinh

giờ Hợi ngày 24 tháng 9 năm Ất Dậu (Minh mạng năm thứ 6-1825). Quan tước : Cố mệnh Đại thần Vinh lộc Đại phu thụ Hiệp biện Đại học sĩ, lĩnh Hộ bộ Thượng thư, xung Cơ mật viện đại thần Kinh duyên Giảng quan, Quốc sử quán, Phó Tổng tài kiêm Quản quốc tử giám, Kuâm sai Bắc kỳ đại thần, thụ Văn-Ủy.

Cụ Lớn Ông, người rất khôi ngô, dĩnh ngộ, lúc cụ còn nhỏ tuổi, đã đứng đắn, chừng chạc như người lớn : không nói trớt nhả, đi không nhảy nhót, khi bụng đói coi bộ vưỡn như no, khi trời rét lắm, coi bộ vưỡn như ấm, khi bận rộn, cử động cứ bình tĩnh, khoan thai tóm lại thiên tính Cụ rất cẩn thận, siêng năng, nhẫn nại, trầm tĩnh như vậy.

Năm Cụ lên 9 tuổi, Cố Phong Ông mất, năm ấy dịch tả dữ dội lắm, dân làng sợ hãi trốn tránh gần hết, cơ hồ không thê chôn cất được ! May có Cụ Lớn Các Phương-Trì (Vũ-Phạm-Khải) là bạn thân của Cố Phong liệu mình đến săn sóc trông nom; lo liệu mọi việc...

...Cụ Lớn Ông, anh em ruột có 3 người, anh tên là Toại lập tự Ông Bắc, em tên là Hoằng khi ấy mới lên 3, Cụ là con thứ đứng chủ tang. Cụ 9 tuổi còn bé nhỏ, những khi vào làm lễ : khi quỳ, khi khóc, hợp lễ, Cụ Các khen là đúng lễ lắm, đám ma xong, Cố Phong Bà dẫn Cụ đến nhà Cụ Các đề cảm ơn và xin cho học, nói rằng : « Chút mọn bỏ cô này, trông nhờ ngài thương tình mà dạy dỗ cho đề được nối dõi nghiệp của bố cháu ». Cụ Các mới làm lễ khai tâm cho học, và Cụ Các nói : «Bạc thân ta mất đi, may có đứa con này sau này nên người được ».

(Vọng-Sơn Niên-Phổ của Cụ Phạm-Quý-Trầm, 1959, Trang 2 và 3)

B. CÁC THÊ VĂN KHÁC

Bài thứ nhất :

« Năm Quý Dậu, niên hiệu Long đức thứ 5 (1633), công đã 79 tuổi, xin về trí sĩ. Biều dâng lên đến bốn lần, mãi đến năm sau mới được về. Nhà vua gia cho hàm Thái phó, Thượng trụ quốc thượng trật, Quốc lão và cho về trí sĩ nhưng vẫn cho dự việc triều chính, được bắt thi triều kiến (nghĩa là lúc nào vào triều cũng được, không phải xin trước) vua Lê và chúa Trịnh.

Công làm quan to như thế mà ở quê không làm nhà cửa lộng lẫy. Chỗ

gọi lịch sự là phủ đệ chỉ là vài cái nhà gạch rất thường và vài sào vườn trồng hoa. Lại tuyệt nhiên không có vợ lẽ con thêm, hầu trai hầu gái gì. Về quê Công (1) cư xử như một ông lão nhà quê. Được ba năm Công mất, thọ tám mươi ba tuổi. Dương thì người ta vẫn ca tụng nhà Công là nhà «nhất cử đặng Hoàng giáp, toàn gia vô bạch đình» (Thì một lần đỗ Hoàng giáp, cả nhà không ai chân trắng).

Quận phu nhân tính cần kiệm và chất phác. Tuy rằng là con ông quan to nhưng phu nhân vẫn nhưn nhận hòa bình như một người thường. Lúc Công đương hiên hách mà dân hàng huyện thường vẫn thấy phu nhân đi chợ, dệt vải ươm tơ. Có người bảo phu nhân... Phu nhân tội gì mà lại cứ khó nhọc mãi. Trời cho hưởng, cũng nên hưởng một chút cho nó sướng.

Phu nhân khẽ đặt ống ươm tơ xuống, cười : «Trời cho hưởng lại càng phải giữ gìn. Ngồi rồi, ăn không mà hưởng lộc giời thì sớm chầy giời cất lộc đi. Tôi chịu khó nhọc là biết sợ mệnh giời và gây lộc lâu dài cho con cháu sau này»...

(*Ngược đường trường thi* của Nguyễn-Triệu-Luật, 1957, Trang 64, 65)

Bài thứ nhì :

«Phan-Huy-Cần, người huyện Can lộc, Hà tỉnh. Các tiền nhân ông đều xuất thân làm quan võ, tích đức đã lâu đời. Ông sinh ra diện mạo khôi ngô khác kẻ tầm thường. Lúc nhỏ mồ côi cha mẹ, nhờ bà ngoại nuôi cho ăn học.

(1) *Chú thích* : Công đây chỉ Nguyễn-Thật. Chữ «công», cũng tựa như chữ ông. Nguyễn-Thật, tước Phương lan hầu, là dòng dõi tôn thất nhà Lý, sau họ Trần lên làm vua bắt đời ra họ Nguyễn. (Lý-Chiều-Hoàng tức Chiêu-Thái-h Công-Chúa nhường ngôi cho chồng là Trần-Cảnh (Trần-Thái-Tông, 1225-1238) (Việt-nam sử lược của Trần-Trọng-Kim, trang 116).

Chữ «thật» có hai nghĩa : phần thực vật mà hoa kết thành (quả), trái với hư. Sau đây vì kiêng tên bà Hoàng hậu vua Minh-Mệnh mới đọc chạnh là thiệt hoặc thực và nhất định phải dùng chữ thực thế vào. Chữ thực có một đôi chỗ nghĩa như chữ thật. Nay quen đi, ta vẫn nói : Ngay thực, bộ thực lục, sự thực thay cho ngay thật, bộ thật lục, sự thật mà không biết là kiêng nữa.

(Chú giải của Nguyễn-Triệu-Luật).

Tính chất thông minh, đọc sách thì nhớ ngay, đến mấy năm cũng không quên. Tuổi mới thành đồng, mà văn chương làm ra ai ngâm cũng sượng miệng, 26 tuổi đậu Giải nguyên, 33 tuổi đậu Hội nguyên khoa Giáp Tuất, niên hiệu Cảnh hưng năm thứ 15 (1554) đậu Tiến sĩ. Khi bỏ làm quan, ông thủ chính trị kỷ, không ưa dua nịnh những kẻ quyền tể. Ông làm Hiến sát tỉnh Hải dương và Tham khố kinh Bắc. Lúc ở triều, có tên hãnh thần là Đỗ-Thế-Giai được Trịnh Vương tin dùng, bách quan đều xu phụ, chỉ mình ông không chịu khuất tiết, nhân đó có người gièm, rồi ông bị bãi về nhà trong tám năm. Lúc bị bãi về, ông đi nhàn du sơn thủy, mở trường dạy học, tác thành kẻ hậu tiến rất nhiều. Cứ giảng dạy học trò, không lấy sự đắc thất làm quan tâm.

Đến khi Trịnh Vương (Trịnh-Sum) thân chính, vời ông ra dùng, bỏ làm Đốc trấn ở Đông hải, rồi Đốc thị ở Thuận hóa, được ít lâu vời về triều, ông làm Nhập nội thị tụng công bộ hữu thị lang, kiêm Quốc tử giám giảng quan. Khi tuổi đến 65, xin về trí sĩ, thăng Công bộ tả thị lang Khuê phong bá. Ông mất ở nhà, thọ 68 tuổi.

Tính ông thẳng tính, tuy đậu Giải nguyên, Hội nguyên và Tiến sĩ, ra làm quan mà không khoe mình có văn chương giỏi. Bình nhật ít làm thi văn, khi có việc gì phải làm mới làm. Cái khí khái cương trực của ông, đọc văn ông còn tưởng tượng thấy được. Tiết tháo thanh bạch và phước ấm của ông để lại cho con cháu cũng đầy lắm vậy*.

(Việt-Nam nhân vật chí vưng biên. Năm 1962 — Hồ Đắc-Hàm
và Thái-Van-Kiểm—Tập số 13 — Trang 20, 21)

Bài thứ ba :

*Quảng tính liêm khiết, được thưởng gì là chia cho các thuộc hạ. Ăn uống thì cùng chung với sĩ tốt của mình. Lộc trật của Quảng, hơn bốn mươi năm trời, suốt đời lúc nào cũng vẫn là lộc trật "nhị thiên thạch", trong nhà không bao giờ có dư tiền, mà cũng không bao giờ nói đến chuyện gia sản. Quảng tầm vóc cao lớn, tay dài lều nghều như tay vượn, tài thiện xạ của ông cũng là tài thiện phú, từ con cháu trong nhà cho đến người ngoài không ai học ông môn này mà lại giỏi được bằng ông. Quảng vùng nuệng và ít nói thời thường, lúc rồi, ông thích cùng người ta vạch đất bày thế trận, và thi bắn xa, bên thua phải phạt rượu. Cho đến khi chết, môn tiêu khiển ông thường thích nhất vẫn là bắn

thì. Khi hành quân, trong trường hợp tiếp tế bị gián đoạn lương thực, nước uống thiếu, gặp chỗ có nước, quân sĩ chưa uống hết lượt thì Quân không nhấp một giọt, quân sĩ chưa ăn hết lượt thì Quân không nếm một hột. Tính ông rộng rãi, dễ dàng chứ không nghiêm ngặt, cho nên quân sĩ yêu mến và vui vẻ nghe lời. Ông bắn thì giặc dù tới gần, cũng cứ cách không đầy mười bộ, chắc chắn bắn tất dính mới bắn, và hễ cứ dây cung buông là lập tức giặc nhào. Chính vì cái lối bắn tiết kiệm tên ấy mà mấy phen ông ra quân thất lợi, bắn hổ, hổ vỗ cho bị thương.

(Sử ký Tư-Mã-Thiên của Giản-Chi Nguyễn-Hiến-Lê —
Nhà Xuất bản Lá Bối — 1970 — Phần Liệt truyện, trang 656 và 657)



Qua mấy bài đơn cử trên đây, độc giả hẳn đã hiểu rõ thể gia phả như thế nào rồi. Nhìn chung, lời văn của gia phả không trau chuốt cầu kỳ, tuy mộc mạc và giản dị như người ta kể chuyện song lại rất hàm súc. Thể văn gia phả có thể coi như là một thể văn tự sự hay thuật sự, nghĩa là có lúc thì kể chuyện mình có khi lại kể việc người, như vậy thật là một thể văn rất hợp với gia phả. Điều này cũng không lấy gì làm lạ, vì cổ nhân khi xưa chép gia phả cho con cháu, mục đích chính là biên chép tên tuổi và giỗ tết, còn nếu có thêm thì cũng chỉ thêm đôi ba lời khuyên nhủ con cháu nên siêng năng làm ăn, giữ vững lấy gia đạo cho trong nhà trong họ được đầm ấm vui vẻ. Cho nên trong các cuốn phả xưa ít khi ta thấy các cụ dụng ý văn chương mà hầu hết lời nói đều mộc mạc giản dị, ấy là các cụ muốn cho con cháu dễ hiểu dễ nhớ. Chỉ trừ một vài nhà danh gia vọng tộc cần chép thêm sự nghiệp nên lời văn có điểm suyết đối chút văn chương mà thôi. Vậy người làm phả, lúc chép tiểu sử của tổ tiên ông bà cha mẹ, hay là chính của mình đi nữa thiết tưởng cũng chỉ nên dùng lời lẽ giản dị, đừng nên tạo dựng những câu văn cầu kỳ bí hiểm quá thêm gây sự khó hiểu cho con cháu mình về sau.

Nói tóm lại là văn chép phả cần viết làm sao cho con cháu nó hiểu, đừng rườm rà khúc mắc hoặc gò bó chải chuốt làm chi, nên tránh cho con cháu sự phải suy nghĩ rắc rối. Và nếu một cuốn phả viết được như thế cũng đã đáng kể là một cuốn phả hoàn toàn rồi vậy.



tuần lễ văn nghệ

Năm nay, Phủ Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa tổ chức «Tuần lễ Văn nghệ» khởi đầu ngày 25-9-1970 tại thính đường trường Quốc gia Âm nhạc với mục đích bổ túc phần văn nghệ của «Tuần lễ Văn hóa» năm 1969, đúng theo chủ trương của Chính phủ «*xây dựng tinh thần đoàn kết quốc gia*».

Tuần lễ Văn nghệ này cũng thể hiện các đường hướng được ông Quốc Vụ Khanh đưa ra tại Hội nghị Văn hóa Quốc tế ở Venise (Ý-đại-lợi) ngày 28-8-70 là «*thay văn hóa thương lưu ngoại lai và nhập cảng*» bằng «*văn hóa quốc gia chính xác, bình dân và hoàn toàn dân tộc*».

Đêm 24-9-70, ông Quốc Vụ Khanh đọc bài diễn văn khai mạc trên Đài Vô tuyến truyền hình, nguyên văn như sau :

TUẦN LỄ VĂN NGHỆ DO PHỦ QUỐC VỤ KHANH ĐẶC TRÁCH VĂN HÓA TỔ CHỨC TỪ NGÀY 25-9-1970 ĐẾN 1-10-1970

Kính thưa Quý vị,

Tháng này năm ngoài, trong bài diễn văn khai mạc TUẦN LỄ VĂN HÓA tổ chức từ 20 đến 28 tháng 9, tôi có nói :

« Sức sống phong phú của văn hóa vượt xa khả năng trình bày của các hình-thức đúc kết và các phương-pháp thống kê. Bởi vậy, những cuộc triển lãm, trình diễn và nghi lễ trong TUẦN LỄ VĂN HÓA không thể cố gắng hiện một bằng tổng kết thành tích hay vạch trần ra toàn đồ dự ầu tương lai. TUẦN LỄ VĂN HÓA chỉ mong kiếm tìm một vài sắc thái độc đáo của văn-hóa nước nhà đề tất cả chúng ta cùng nhau suy nghiệm thông điệp thâm trầm của tiền nhân về văn-chương, nghệ-thuật, trước thêm cuộc vận động cho một nền văn-hóa mới... »

Tham vọng của chúng tôi quả là khiêm tốn, chỉ mong thực hiện một sự kiếm tìm thu hẹp để biết cái vốn sẵn có hầu chuẩn bị cho những bước tiến tương lai.

Về mặt văn-nghệ thuần túy Việt-Nam, chương-trình năm rồi có thể xem là khá đầy đủ trên bình diện tổng quát. Tuy nhiên, đối với thành phần cộng đồng quốc-gia hiện nay, phải nhìn nhận còn nhiều sắc thái văn-nghệ khác không kém phần độc đáo và hào hứng cần phải xét qua và tìm hiểu. Vậy mục-đích thứ nhất của TUẦN LỄ VĂN NGHỆ mở màn ngày 25 tháng 9 và chấm dứt vào ngày 1 tháng 10 tới đây, là bỏ tức phần văn-nghệ của TUẦN LỄ VĂN HÓA 1969. Quý vị sẽ có dịp thưởng thức các môn ca, vũ, nhạc của các đồng bào gốc Chăm, Thái, Nùng, Thượng, Mèo, Trung Hoa, Khmer... Cạnh những dị biệt cố nhiên, chúng ta sẽ có dịp, với một ít chú ý, nhận ra nhiều nét tương đồng, chứng rằng giữa những khối dân mà tình cờ lịch sử đã quy tụ trên giang-sơn Việt-Nam, thời gian và sự chung đụng đã xe nên những đường tơ tinh thần ràng buộc hết sức là chặt chẽ, chẳng những trong cuộc giao tiếp bên ngoài mà còn trong tình cảm sâu xa, được biểu lộ trong giọng ca tiếng nhạc.

Những mối tương đồng thầm kín ấy cần được phát giác và trình bày rõ ràng, trong một cuộc đối chứng lớn lao, đề củng cố — nếu không là đề xây dựng — tinh thần đại đoàn kết quốc-gia, chủ trương hiện nay của Chính-phủ.

Không một phương tiện truyền cảm nào nhạy bén và trực tiếp bằng âm-nhạc mà ai cũng biết là tiếng vui buồn của tâm hồn sâu kín. Lòng này đã nói thì lòng kia nhận hiểu ngay, không cần những trung gian như văn-tự, ngôn ngữ suy luận, giải thích, v.v... Dùng văn-nghệ, như là âm nhạc, để gây niềm thông cảm giữa các khối đồng bào khác nguồn, là một phương sách khả dĩ giúp ích cho sự đoàn kết quốc-gia. Đó là chỗ nhắm thứ hai khi chúng tôi quyết định tổ chức TUẦN LỄ VĂN NGHỆ.

Ngoài hai mục đích vừa kể, TUẦN LỄ VĂN NGHỆ còn, vô hình trung, đi đúng với đường hướng rất là sáng suốt vừa rồi được Hội-Nghị Văn-Hóa Quốc-Tế vạch ra tại Venise. Trong nhiều khuyến nghị giá trị đồng đều, có một khuyến nghị đại khái như sau : «Đối với các nước đang mở mang, cần phải khuyến khích thể nào cho đại chúng tham gia vào mọi hoạt động văn-hóa, vì vậy phải thay cái văn-hóa thượng lưu, ngoại lai và nhập cảng, bằng một nền

văn-hóa quốc-gia, chính xác bình dân và bắt nguồn từ những hình thức biểu thị có tính cách hoàn toàn dân tộc.

Thay văn-hóa ngoại lai bằng văn hóa dân tộc, đối với người Việt chúng ta, không có nghĩa nào khác hơn là nghĩa bảo tồn nền văn-hóa của cộng đồng quốc gia, chẳng những đừng để nó mất tích mà còn tránh cho nó khỏi lai căn. Lại nữa, vì văn nghệ nằm trong phạm vi bao la của văn hóa, nếu muốn bảo tồn văn hóa thì phải bảo tồn luôn văn-nghệ, do đấy mà năm rồi cũng như năm nay, các đoàn ca vũ nhạc tham gia được ân cần nhắc nhở nên trình diễn những gì thật là đặc biệt của dân tộc, thật là thuần túy cổ truyền, với những phương pháp và dụng cụ cũng do sáng kiến tiền nhân chế tạo.

Để tránh những thắc mắc do sự hiểu lầm hay phán đoán vội vàng làm phát sinh, chúng tôi xin lập lại rằng khi chúng tôi nói bảo tồn, chúng tôi không có ý thủ cựu hay bất dịch đến đứng chết một chỗ. Đối với chúng tôi, mà có thể đối với tất cả quý vị, bảo tồn phải chỉ có nghĩa là gìn giữ thể nào để cho những gì của ta còn nguyên vẹn là của ta với những giá trị cố hữu và truyền thống của nó. Còn cái tiến bộ mà ai cũng đòi hỏi, chúng tôi cũng mong tất cả chúng ta đều đồng tình quyết định rằng cái tiến bộ ấy không bắt buộc phải có nghĩa là một cuộc Âu hóa hoàn toàn.

Về mặt chính trị, xã-hội, quốc-gia chúng ta là một cộng đồng gồm nhiều sắc dân như đã nói, thì nền văn-hóa, văn-nghệ của cộng đồng ấy không sao tránh khỏi cảnh đa diện, đa sắc. Kiểm điểm, phân tích để nhận chân những dị biệt, những tương đồng, cũng như những nét hay màu đẹp của mỗi thành phần, hầu gợi ý cho một sự dung thông lồng hợp có mục thước, có nhịp nhàng, thiết nghĩ đó còn là một cách làm cho sinh hoạt văn hóa và xã hội của nước nhà ngày thêm phong phú và khởi sắc.

Một điểm cốt xin nói luôn để tránh sự ngộ nhận là khi sắp xếp chương-trình. Ban Tổ chức không có theo tiêu chuẩn nào khác hơn là ý muốn và sự thỏa thuận giữa đại-diện các đoàn văn-nghệ tham gia. Nói một cách khác sự trình diễn trước sau của các đoàn là do chính các đoàn, vì lý do riêng, đã thương lượng với nhau mà sắp đặt.

Với lòng tri ân thâm sâu đối với các cơ quan và các đoàn-thể đã và đang vui lòng yểm trợ hoặc hợp tác với Phủ Văn-Hóa, và trong niềm ước vọng những

cố gắng năm nay sẽ được quốc dân đồng bào thưởng thức như những cố gắng năm rồi, chúng tôi long trọng tuyên bố khai mạc TUẦN LỄ VĂN NGHỆ.

Kính chào quý vị.

VĂN-NGHỆ VIỆT GỐC HOA

Đêm 25-9-1970 vào 8 giờ, Đoàn Việt gốc Hoa khai mạc Tuần Lễ Văn Nghệ dưới sự chủ tọa của Phó Thủ Tướng Nguyễn Lưu Viên Đại diện Thủ-Tướng.

Buổi trình diễn đầu tiên do Hội Đông Phương cổ nhạc của người Việt gốc Hoa ở Chợlớn phụ trách, thành phần nghệ sĩ đa số là sinh viên và học sinh.

Trước một số đông quan khách gồm có quý vị Tổng trưởng, Nghị sĩ, Dân biểu, Ngoại giao đoàn và đồng bào các giới, ông Nguyễn Văn Thái, Đại diện Hội ngộ lời thưa trước :

Kính thưa THỦ-TƯỚNG CHÁNH-PHỦ,

Kính thưa ông Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa,

Thưa quý vị Quan Khách,

Ngược dòng lịch-sử, một số người Trung-Hoa chúng tôi, gặp cơn quốc-nạn, phải lìa bỏ quê cha đất tổ để tản-mác khắp nơi tìm chỗ dung thân.

Việt Nam đã mở rộng vòng tay đón nhận chúng tôi và giúp chúng tôi được an cư lạc nghiệp gần 200 năm rồi. Hiện nay, nhiều họ chúng tôi như Trịnh, Trần... đã hòa mình trong nếp sống chung của Việt-Nam.

Bởi thế, mối thân-tình giữa chúng tôi và Việt-Nam, ngày càng thêm thắm-thiết, và hai dân-tộc cùng chung sức để xây dựng đất nước này, đã trở thành quê-hương của chúng tôi. Vì lẽ đó, việc nhập Việt-tịch của chúng tôi là một điều tất-nhiên, không có gì lạ.

Tuy-nhiên, dầu nằm trong cộng-đồng quốc-gia Việt-Nam, chúng tôi, về mặt nghệ thuật, vẫn có những sắc-thái riêng-biệt, nhưng truyền-thống đặc-thù.

Hôm nay, Hội Đông-Phương cổ nhạc chúng tôi rất hân-hiện và sung-sướng, được góp phần vào TUẦN LỄ VĂN-NGHỆ do Phủ Quốc-Vụ-Khanh Đặc-

Trách Văn Hóa tổ-chức, nhằm trình-bày nền văn-nghệ nhiều màu sắc của Việt-Nam hiện-đại.

Hội chúng tôi do một số công thương kỹ-nghệ gia thành-lập từ 11 năm nay, có một ban văn-nghệ tài-tử gồm toàn con em hộ-viên chúng tôi, đa số là học-sinh các trường trung-học, thỉnh-thoảng diễn đề tiêu-khiển, hoặc đề giúp những công-tác từ-thiện, xã-hội.

Chương-trình văn-nghệ của chúng tôi hôm nay, gồm có :

— Đề mở đầu : một màn hòa-tấu nhạc cổ-điển Trung-Hoa.

— Sau đó, là một đoạn trích diễn tuồng đã sử « Hồn trung Liệt nữ » cốt nói lên tiết tháo của một dũng tướng vì đại nghĩa đã biết dẹp bỏ mọi tị-hiểm nhỏ-nhen, những bất-mãn cá nhân, để xả thân cứu nước.

Thưa quý vị, chúng tôi xin phép bắt đầu.



Ban cổ nhạc Đông phương hòa tấu bản chào mừng khán giả.

Mở màn, 9 nghệ sĩ hòa tấu một bản nhạc Trung Hoa chào mừng khán giả với 9 nhạc khí cổ truyền. Kế tiếp là vở tuồng " Từ lan Châu " hay là " Hồn trung Liệt nữ », rút gọn trong 3 lớp, sơ lược như sau :

« Hồi Tống mất, giang sơn Trung quốc bị quân Nguyên dày xéo, kinh thành bị bao vây chặt chẽ, tình thế cực kỳ nghiêm trọng. Lợi dụng dịp tế lễ vua Bàn Cổ tại núi Phụng hoàng thuộc Trào châu, vua Tống bèn sai Khâm sai đại thần cùng với Hoàng hậu tới chủ tọa cuộc lễ, mục đích chánh là khuyên tướng Trương-Đạt đem quân tới giải vây kinh thành. Trương-Đạt là một danh tướng, trước kia đã có lần đem quân cứu giá song bị giáng chức và bị đày đi trấn giữ Hải-châu, vì nhà Vua đã nghe lời dèm pha. Ngày nay nghe vị Khâm sai đề cập tới công cuộc cần vương, Trương-Đạt cảm thấy lòng nguôi lạnh chôn chường nên đã khéo léo từ chối, vịn cớ phải ở lại giữ Hải châu. Lúc đó Hoàng hậu bèn dẫn gương Trưng liệt của Dương-



Trương-Đạt nghe lời khuyên của Hoàng hậu bèn đem quân cứu giá.

gia-Tướng và Nhạc-Phi thử xưa đề khuyên Trương-Đạt nên quên mọi ân oán đã qua mà tận trung cứu quốc.

Giác ngộ và xúc động, Trương Tướng quân phụng mạng đi cứu Vua.

Trước khi lên đường, Trương-Đạt được vợ là Bích-Nương ân cần khuyến khích và chúc cho chàng sớm thành công.

Một năm trôi qua. Từ khi xuất quân, Trương-Đạt biệt vô âm tín, khiến Bích-Nương vô cùng lo ngại. Một hôm nàng nhận được thư của chồng yêu cầu diều động gấp nghia binh ở Hải châu đem đi cứu viện, vì đoàn quân của Trương-Đạt hiện đang bị cô lập. Nàng bèn khẳng khái đứng lên huy động quần chúng Hải-châu tham gia công cuộc cứu viện... »



Trương-Đạt tiến quân. Xao Ma dắt ngựa đến

Để tránh sự ngỡ ngàng của khán giả trước những lời đối thoại và ca hát bằng tiếng Trung hoa, Hội Đồng phương cổ nhạc đã lược bỏ bớt nhiều đoạn để trình bày các lối vũ, múa võ, đánh nhau bằng khí giới v.v... Người xem được nghe giảng giải bằng Việt ngữ từng lớp và thường thức :

— Điệu vũ chúc mừng do 2 thiếu nữ đeo lục lạc ở chân trình diễn.

— Lối múa thương do một kép, một đào vừa múa vừa ca.

— Quân đất ngựa cho chủ tướng, tượng trưng bằng cây roi gài 4 cái tại chỉ màu, một lối múa tượng trưng đặc biệt của người Trung hoa mà trong dịp trình diễn ở Paris được người Pháp tán thưởng nhiệt liệt.

— Các lối đánh nhau bằng tay không và bằng khí giới lạ và đẹp mắt.

Tuy không phải là một buổi trình diễn từng bộ môn văn nghệ nhưng qua vở tuồng hát đầy đủ tình tiết éo le, khán giả cũng nhận chân được những sắc thái riêng biệt của ngành văn hóa cổ-diễn Việt gốc Hoa.

Trước khi hạ màn, ông Công cán Ủy viên Trưởng Ban Tổ chức Tuần lễ Văn nghệ đại diện ông Quốc Vụ Khanh Đặc trách Văn hóa ngỏ lời cảm ơn quan khách đã đến dự đông đảo và các nghệ sĩ đã tận tâm diễn xuất, đoạn trao bó hoa kỷ niệm và một bằng tưởng lệ cho Hội Đồng phương cổ nhạc.

VĂN NGHỆ THƯỢNG, THÁI, CHÀM

Đêm 26-9-1970, Bộ Phát triển Sắc tộc đảm trách trình diễn văn nghệ sắc tộc hỗn hợp với sự cộng tác của Biệt đoàn Văn nghệ Sắc tộc trung ương và các Ban Văn nghệ Sắc tộc Kontum, Phú Bồn, Darlac, Ninh Thuận, Tuyên Đức.

Dưới sự chủ tọa của ông Chủ tịch Thượng Nghị viện, quý vị quan khách, đồng bào các giới và một số sinh viên Thượng ngồi chật cả thính đường, vị Đại diện ban hướng dẫn của Bộ Phát triển Sắc tộc ngỏ lời giới thiệu :

Kính thưa ông Chủ tịch Thượng Nghị viện,

Kính thưa ông Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa,

Kính thưa liệt qui vị,

Được hân hạnh góp phần trình diễn trong Tuần lễ Văn nghệ do Phủ Quốc Khanh Đặc Trách Văn Hóa tổ chức, chúng tôi, đại diện ban hướng dẫn của Bộ Phát triển Sắc tộc và toàn thể anh chị em nghệ sĩ sắc tộc có mặt trong buổi trình diễn hôm nay, xin thành thật kính gửi lời cảm tạ về sự hiện diện của Ông Chủ-tịch cũng như toàn thể liệt quý vị, và xin liệt quý vị nhận nơi đây lời chào mừng nồng nhiệt của chúng tôi.

Kính thưa liệt quý vị,

Trước khi đi vào phần trình diễn, chúng tôi xin mạn phép giới thiệu một vài chi tiết cũng như mục đích sự góp mặt của các ban Văn nghệ Sắc tộc đề quí vị tường lãm. Hai đêm trình diễn Văn nghệ Sắc tộc cổ truyền do Bộ PTST phụ trách được quy tụ với ba thành phần sắc dân chính thống như sau : Thượng miền Nam với các sắc tộc Bahnar, Rhadé, Jarai, Thượng du Bắc Việt di cư với sắc tộc Thái và sắc dân Chăm sinh sống tại hai tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận. So với trên 70 sắc tộc thiểu số hiện diện tại miền Nam Việt-Nam, thành phần diễn viên các sắc tộc vừa kể thật quá ít ỏi. Thật vậy, vì đối với nền văn nghệ cổ truyền phong phú của đồng bào sắc tộc, thành phần đại diện các sắc tộc kể trên chưa thể biểu dương đầy đủ những nét hay lạ, độc đáo của bộ môn mang tính chất văn học nghệ thuật này. Tuy nhiên, đây là một sự kiện khiếm khuyết ngoài ước muốn của Bộ PTST chúng tôi, vì như quý vị đã rõ, với hiện tình, vấn đề di chuyển được một số nghệ sĩ sắc tộc tại các tỉnh miền Cao nguyên xa xôi về thủ đô trình diễn rất là phức tạp và gặp nhiều trở ngại, hơn nữa trong giới hạn ngân khoản tiết kiệm cho phép, thiết nghĩ quý vị đã thông cảm và xem như hai đêm trình diễn VNST hỗn hợp do Bộ PTST đảm trách là những bước giới thiệu khởi đầu để tiến tới những cuộc trình diễn quy mô và đầy đủ hơn.

Kính thưa liệt quý vị,

Tuần lễ Văn nghệ do Phủ Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa tổ chức từ 25-9 đến 1-10-70 rất phù hợp với quan niệm phát huy nền văn nghệ sắc tộc mà Bộ PTST chúng tôi đang xúc tiến mạnh mẽ trong năm 1970. Do đó, chúng tôi xem việc tham dự, góp phần vào chương trình Tuần lễ Văn nghệ này như một cơ hội thuận tiện để anh chị em nghệ sĩ sắc tộc có dịp góp mặt với các bậc nghệ sĩ đàn anh để học hỏi và trau dồi nghệ thuật. Đồng thời, giới thiệu một vài sắc thái cá biệt của đồng bào sắc tộc mong góp phần khiếm nhượng vào cộng đồng sinh hoạt

văn nghệ quốc gia. Bước đầu chân chứng, dù với thiện chí và cố gắng, chắc hẳn anh chị em nghệ sĩ sắc tộc sẽ không tránh được nhiều khuyết điểm trong khi trình diễn, kính mong quý vị, trong tinh thần nâng đỡ đặc biệt dành cho nghệ sĩ sắc tộc, xin sẵn sàng chỉ bảo và tha thứ cho.

Thành thật cảm ơn quý vị.



Mở đầu chương trình, toàn ban « Văn nghệ Sắc tộc » hợp ca bản « Đoàn kết Sắc tộc » gọi là « chào mừng quý vị khán giả ».

Màn 2, ban Văn nghệ Sắc tộc Phú - Bồn trình diễn « Vũ khúc rừng xanh », một vũ khúc độc đáo của đồng bào Jarai, một sắc dân có nền âm nhạc phong phú nhất tại Cao-nguyên miền Nam. Người Jarai nhảy múa trong những ngày lễ, ngày cưới, ngày mùa, trong những hội hè, những lúc có chuyện vui mừng và ngay cả đám tang, họ nhảy xung quanh quan tài.

Màn 3 giới thiệu các nhạc khí, trước hết là *cây đàn bầu* của đồng bào Thái ở miền Thượng du Bắc Việt, loại huyền động dùng đệm các điệu vũ, bản nhạc nơi công cộng. Đàn làm bằng vỏ trái bầu phơi khô cắm cái cần gỗ dài hơn một thước, có hai sợi dây bằng tơ, nhạc sĩ xử dụng như đàn kìm (nguyệt) của người Việt, nhưng không có phím.

Màn 4, giới thiệu các loại nhạc khí của đồng bào Rhadé gồm có 5 thứ :

1/ *Đàn brô* loại huyền động dùng nơi công cộng và lúc nhàn rỗi. Đàn làm bằng phân nửa vỏ trái bầu phơi khô cắm cái ống nửa, gắn hai sợi dây bằng kim loại, nhưng khi xử dụng chỉ khảy một dây, còn một dùng để giữ nhịp. Nhạc sĩ phải áp sát nửa thân sau của vỏ bầu vào bụng để lấy âm ba của gân bụng.



2/ Ống tiêu gọi là *Khèn* gốc loại kich, khí động dùng nơi công cộng và lúc nhàn rỗi, gồm một thanh tre rỗng ruột, có lưỡi gà ở đầu. Khi trình tấu, nhạc sĩ cầm chuôi khèn bằng tay trái, miệng ngậm lưỡi gà, tay mặt bật nhẹ vào đầu thanh tre để tạo âm thanh và âm ba.

3/ Ống sáo gọi là *Đinh buốt* chia loại khí động dùng nơi công cộng và lúc nhàn rỗi, hình dáng tựa như ống tiêu nhưng hai đầu trống, làm bằng kim khí. Khi trình tấu, nhạc sĩ thổi một phần môi dưới và cầm để bịt một đầu ống sáo lại. Muốn tạo âm ba phải rung cả ống tiêu.

4/ Kèn gọi là *Kipah* loại khí động dùng trong tiệc tùng, đám ma, các cuộc vui và thúc quân xung trận. Hình dáng cây kèn giống như cái tù và làm bằng gỗ, phát âm nhờ lưỡi gà.



5/ Đàn ống tre gọi là *Ching goi* loại huyền động dùng phổ thông. Chỉ là

một ống tre nhưng sự cấu tạo có phần đặc biệt, giảy làm bằng vỏ của phần ngoài ống tre. Đàn này có thể thay thế âm thanh của một bộ chiêng, trống, cồng to lớn mà chỉ cần một nhạc sĩ xử dụng.

Đàn 5, giới thiệu các loại nhạc khí của đồng bào Jarai gồm có 3 thứ :



1) Đàn « trung » loại kích động dùng phổ thông, trong các cuộc vui, lễ Tết. Đàn làm bằng 15 ống tre dài, ngắn khác nhau, được đeo bỏ một phần để tạo đúng âm thanh, cột vào hai sợi dây giống hình cái võng. Ngoài ra, còn 1 ống tre và 1 thanh tre để đánh nhịp. Khi xử dụng, nhạc sĩ ngồi xồm giữ một đầu dây cột đàn bằng chân, tay cầm thanh tre nhỏ gõ trên 15 ống tre, một đầu giảy cột vào một

vật gì cứng chắc, không di chuyển, hoặc nhờ một người đứng cầm. Cây đàn nằm tòn ten như một chiếc võng. Một nhạc sĩ khác đứng cạnh gõ nhịp.

2) *Đàn « gong »* loại huyền động dùng phổ thông, trong các cuộc vui, lễ Tết. Đàn làm bằng phân nửa vỏ trái bầu phơi khô cắm cái ống tre, gắn ra cái trục, cột 12 sợi dây bằng kim loại. Nhạc sĩ để vỏ bầu trên bụng khảy bằng tay.

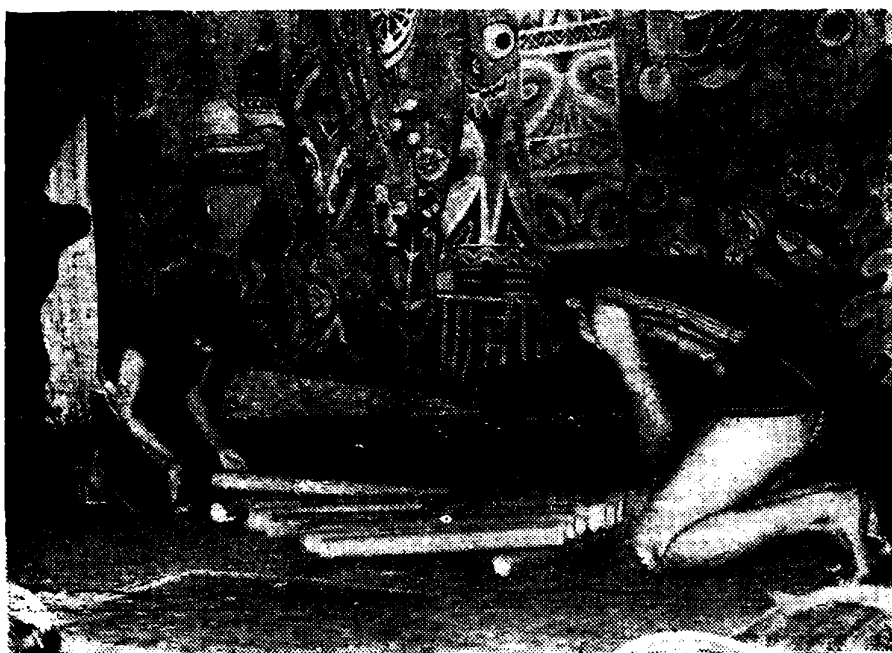


3) *Đàn Kni* loại huyền động dùng ở các nơi công cộng, lễ Tết. Đây là cây đàn kép gồm một cây có một sợi giây không có vỏ bầu ở cuối thân và một cây có 2 hai giây có vỏ bầu. Nhạc sĩ xử dụng một lúc 2 cây đàn, âm thanh phát ra ở đầu một cây đàn được ngậm ở miệng nhạc sĩ.

Đề khán giả thưởng thức phương pháp xử dụng *đàn gong*, một nữ nghệ sĩ Jarai trình bày bản dân ca bằng thổ ngữ Jarai tựa là « *Iao diét* » nghĩa là « Mời người em nhỏ ». Phụ họa theo đàn có một người đánh nhịp bằng xâu lục lạc và một người đánh bằng một ống tre.

Màn 6, giới thiệu nhạc khí của đồng bào Bahnar gồm có 2 thứ :

1) *Đàn đinh bư* loại khí động dùng ở các nơi công cộng, lễ Tết. Đây là một loại đàn đặc biệt lạ lùng gồm 8 ống tre đục rỗng ruột, dài ngắn khác nhau để một đầu nằm trên một đoạn tre hay gỗ cách mặt đất khoảng mười phân, một đầu nằm sát đất phát âm nhờ hơi gió của hai nhạc sĩ quỳ khom lưng vỗ tay ở hai đầu ống.



2) *Đàn tưng nưng* loại huyền động dùng ở các nơi công cộng, lễ Tết. Đàn này cấu tạo như đàn gong của đồng bào Jarai do một nhạc sĩ xử dụng và khảy bằng tay.

Màn 7, giới thiệu nhạc khí của đồng bào Chăm gồm có 5 thứ :

1) *Trống dài*, một bộ 2 cái, loại kích động dùng ở các nơi công cộng, lễ tết, các cuộc vui. Mỗi trống dài gần 50 phân, hình ống, hai đầu bịt da, đường kính 30 phân do 2 nhạc sĩ xử dụng một lượt. Trống để đứng xiêng xiêng, nhạc sĩ vỗ mặt trên bằng tay, đánh mặt dưới bằng đùi gỗ.

2) *Kèn 'aranai* loại khí động dùng ở các nơi công cộng, lễ Tết. Kèn làm bằng sừng hoặc gỗ, khoét 7 lỗ ở trên thân kèn và 1 lỗ ở dưới, đầu kèn có lưỡi gà.



3) *Chiêng* loại kích động dùng ở các nơi công cộng, lễ Tết. Chiêng làm bằng đồng, đường kính 35 phân do một nhạc sĩ đánh bằng dùi gỗ.

4) *Lục lạc* loại kích động như chiêng gồm 12 cái to bằng ngón chân cái gắn thành sợi dây da cột tròn như đeo vào cổ ngựa. Một nhạc sĩ cầm lắc từng cái một để đánh nhịp.

5) *Trống ngắn* loại kích động như chiêng và lục lạc, đường kính 50 phân, cao 20 phân, hai đầu bịt da, một nhạc sĩ vỗ bằng tay.

Giới thiệu xong, ban nhạc hòa tấu một bản cò-diễn.

Màn 8. cô Lô Kim-Ngà, trong ban Văn nghệ Sắc tộc Thái ở Tuyên-Đức ca

bài « KHÚC HÁT LY HƯƠNG » bằng Thái ngữ hòa theo tiếng đàn bầu do một nhạc sĩ Thái độc tấu. Tiếng ca náo nức nói lên nỗi niềm đau khổ của đồng bào phải rời quê hương tránh hiểm họa độc tài.

Màn 9, đoàn nữ nghệ sĩ trong Ban Văn nghệ sắc tộc Chăm ở Ninh Thuận gồm 7 cô trình diễn vũ điệu « MÙA QUẠT », một điệu vũ cổ truyền của đồng bào Chăm trong những dịp lễ, ngày Tết dưới chân các ngôi tháp cổ kính.

Màn 10, Ban Văn nghệ Sắc tộc Jarai ở Phú Bồn : 3 nam nghệ sĩ và 3 nữ nghệ sĩ Jarai trình diễn vũ khúc « sinh hoạt đồng quê » theo tiếng đàn trung, gồm những động tác cưỡi trâu, gieo mạ, cấy lúa, gặt lúa, đập lúa.



Màn 11, giới thiệu y phục cổ truyền của :

— Sơn nữ Jarai (Phú bồn) dùng vào dịp hội hè, lễ Tết.

— Nam giới Jarai (hiện nay đã được cải biến).

— Sơn nữ Bahnar (Kontum) dùng vào dịp hội hè, lễ Tết.

— Nam giới Bahnar.

— Sơn nữ Rhadé (Darlac) dùng vào dịp hội hè, lễ Tết và một loại được cải biến hợp thời trang và dùng thường nhật.

— Nam giới Rhadé.

— Thiếu nữ Chàm (Ninh Thuận) dùng vào ngày lễ quinquagesime.

— Nam giới Chàm thông dụng.

— Thiếu nữ Thái (Tuyên Đức) gồm có :

1) Y phục thông thường của người Thái trắng.

2) Y phục thông thường của người Thái đen.

3) Y phục của hàng thứ dân : giới trẻ, người đứng tuổi và lễ phục.

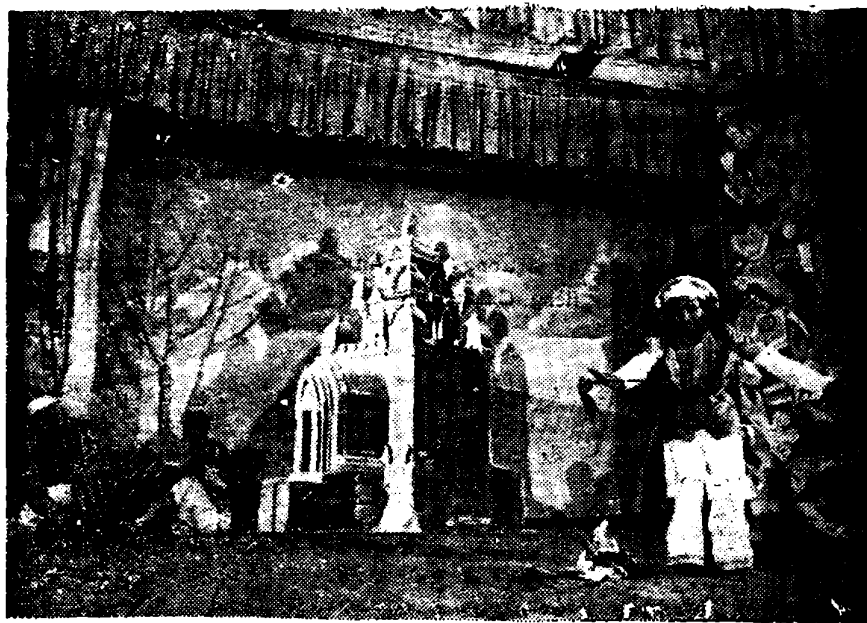
4) Y phục của hàng quý tộc, người thường không được phép mặc.

Màn 12, nghệ sĩ Nguyễn Thâu, hướng dẫn viên bộ môn vũ của Biệt đoàn Văn nghệ Sắc tộc trung ương cùng 4 nữ nghệ sĩ trình diễn vũ khúc « Tiếng trống Cao nguyên » do bạn sáng tác.

Màn 13, một nam và hai nữ nghệ sĩ Ban Văn nghệ Sắc tộc Ninh Thuận hợp ca bài « Khúc hát ân tình », một điệu hát trữ tình cổ truyền của đồng bào Chàm trao đổi ân tình vào những ngày hội lớn.

Màn 14, Ban Vũ của đồng bào Rhadé ở Darlac trình bày « Vũ khúc mùa gặt » gồm hai người ngồi nhịp hai thanh tre dài, bốn nữ nghệ sĩ, mỗi cô cầm 2 cây quạt và một nữ nghệ sĩ tay không nhảy ra, nhảy vào giữa hai thanh tre.

Màn 15, một nghệ sĩ trong Ban Văn nghệ Sắc tộc Chàm ở Ninh Thuận trình diễn màn độc vũ mang tên « Khúc khải hoàn », mô tả như một biểu tượng, ca tụng sự oai hùng chiến thắng của các võ tướng Chàm thời xưa. Nghệ sĩ cầm quạt, rồi đổi cái bơi chèo, sau cùng cầm roi cá đuối vừa quất không khí vừa nhảy quanh đồng lửa.



Màn 16, sáu nữ nghệ sĩ trong Ban Vũ Sắc tộc Thái ở Tuyên Đức trình diễn vũ khúc « Múa nón » cổ truyền của đồng bào Thái miền Bắc.

Màn 17, Ban Vũ Sắc tộc Rhadé ở Darlac trình diễn vũ khúc « Hoa rừng », mô tả sự sinh hoạt và bản tính yêu thiên nhiên của người thiếu nữ Cao nguyên.

Màn 18, toàn Ban Văn nghệ Sắc tộc hợp ca nhạc khúc dân ca « Một mẹ trăm con » nói lên tinh thần hòa đồng và đoàn kết sắc tộc của đồng bào Kinh cũng như Thượng.

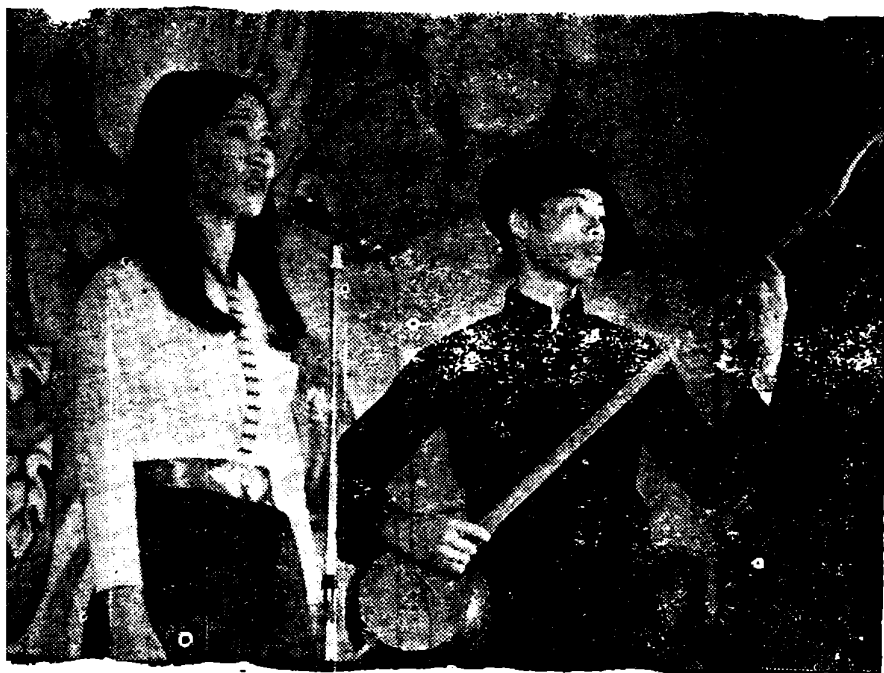
Trước khi hạ màn, ông Trưởng Ban Tổ chức Tuần lễ Văn nghệ đại diện ông Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa ngỏ lời cảm ơn quan khách và các nghệ sĩ, đoạn trao bố hoa kỷ niệm và một bằng tưởng lệ cho vị Đại diện ban hướng dẫn Bộ Phát triển Sắc tộc.

Đêm 27-9-1970, Bộ Phát triển Sắc tộc tiếp tục đảm trách phần trình diễn dưới sự chủ tọa của ông Chủ tịch Hạ Nghị viện.

Màn 1, giới thiệu các nghệ sĩ sắc tộc ở tỉnh, mỗi địa phương 4 người hay 6 người và ở trung ương 5 người.

Màn 2, toàn ban Văn nghệ Sắc tộc hợp ca bản « Đoàn kết Sắc tộc » gọi là « chào mừng quý vị khán giả ».

Màn 3, ba nam nghệ sĩ trong Ban Văn nghệ Sắc tộc Chăm hợp ca bản « Nhớ quê hương » bằng tiếng Chăm.



Màn 4, giới thiệu các nhạc khí: cây đàn bầu của đồng bào Thái.

Màn 5, giới thiệu các nhạc khí của đồng bào Jarai: đàn Trưng, đàn Gong, đàn Kni.

Nhạc khí của đồng bào Bahnar : đàn Đinh but, đàn Ting ning.

Nhạc khí của đồng bào Chăm : trống đôi, kèn, chiêng, lục lạc, trống chiếc.



Màn 6, Ban Văn nghệ Sắc tộc Jarai ở Phú Bồn trình diễn vũ khúc " Sinh hoạt đồng quê ".

Màn 7, Ban Văn nghệ Sắc tộc Chăm ở Ninh Thuận trình diễn hoạt cảnh " Điều tàn " dựng lên khung cảnh điều tàn của non nước Chiêm Thành xưa cũ.

Màn 8, sáu nữ nghệ sĩ trong Ban Vũ Sắc tộc Thái ở Tuyên Đức trình diễn vũ khúc cổ truyền « Chèo thuyền trên sông », mỗi cô cầm một cái bơi chèo biểu diễn chiếc thuyền trôi trên sông nước.

Màn 9, nữ nghệ sĩ Jarai H'Gok ca bài « Chiều nay anh đi » bằng Thượng ngữ với tiếng đàn gong phụ họa.

Màn 10, Ban Văn nghệ Sắc tộc Phú Bồn trình diễn « Vũ khúc rừng xanh », một vũ khúc độc đáo của đồng bào Jarai, sắc dân có nền âm nhạc phong phú nhất tại Cao nguyên.

Màn 11, giới thiệu y phục cổ truyền của đồng bào Jarai, Bahnar, Chăm và Thái.

Màn 12, Ban Văn nghệ Sắc tộc Bahnar ở Kontum hợp ca bài « Hãy cố gắng để thành công » bằng Thổ ngữ.



Màn 13, sáu nữ nghệ sĩ trong Ban Vũ Sắc tộc Thái ở Tuyên Đức trình diễn điệu múa quạt cổ truyền, một vũ khúc biểu lộ sắc thái bình dị, hiền hòa như tâm tình người sơn cước.

Màn 14 kết thúc chương trình, toàn ban Văn nghệ Sắc tộc hợp ca nhạc khúc dân ca « Một mẹ trăm con ».

VĂN NGHỆ NÙNG, MÁN, MÈO, NHẰNG, THÁI

Đêm 29-9-1970, Đoàn Văn nghệ Khối Đoàn kết dân thiểu số Việt-Nam (Đặc Khối Nùng) trình diễn những vũ điệu đặc biệt của đồng bào ở Thượng du Bắc Việt di cư vào Nam từ năm 1954 như Nùng, Mán, Mèo, Nhằng, Thái. Hầu hết diễn viên trong Đoàn là các nữ sinh được các bậc phụ huynh luyện tập những vũ khúc cổ truyền ở quê hương, tuy không thể tiêu biểu hẳn cho hình ảnh chính thức nhưng cũng gợi được những nét độc đáo của từng sắc dân.

Dưới sự chủ tọa của ông Chủ tịch Tối cao Pháp viện, quý vị quan khách và đồng bào các giới, đặc biệt nhất có một số đồng hội viên trong Khối Đoàn kết đến thưởng thức đầy thính đường.

Ông Chủ tịch Khối Đoàn kết dân thiểu số Việt-Nam ngỏ lời thưa trước :

Kính thưa Ông Chủ Tịch Tối Cao Pháp Viện,

Kính thưa Ông Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa,

Kính thưa quý quan khách,

Chúng tôi thuộc về Đặc Khối Nùng trong Khối Đoàn kết dân thiểu số Việt-Nam rất lấy làm vinh hạnh được tham dự Tuần lễ Văn nghệ do Phủ Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa tổ chức lần đầu tiên ở thủ đô.

Là một nhóm người di cư từ miền Bắc, chúng tôi lúc nào cũng nhớ đến quê hương miền yêu cũng như luôn luôn mong mỗi có ngày được trở lại vui sống tự do trên vùng đất tổ. Nhớ nhớ nhưng, niềm ao ước ấy là mối ưu tư duy nhất của chúng tôi mà đêm đêm hướng về cố quận, chúng tôi vẫn nghe hình như có tiếng trống bập bùng, tiếng kèn tre thanh thót bên tai. Những âm thanh quen thuộc, những điệu vũ cổ truyền đã được giữ gìn từ ngàn xưa chính là hình ảnh, là tinh-thần, là ngôn ngữ của chúng tôi mà chúng tôi quyết bảo tồn mãi mãi trong khoảng thời gian tạm xa cách chốn chốn nhao cất rún.

Chúng tôi chân thành cảm tạ ông Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa đã có nhã ý giúp đỡ chúng tôi rất nhiều trong việc bảo tồn bộ môn văn hóa này, và đề thể hiện tấm lòng tưởng nhớ nguồn cội, chúng tôi nguyện đem hết khả năng trình diễn những tiết mục tiêu biểu của các sắc tộc NÙNG, THÁI, MÁN

MÈO, NHÁNG ở Thượng du miền Bắc hầu cố gắng quý vị quan khách vại nét độc đáo về đời sống tình cảm của chúng tôi.

Trong buổi ra mắt đầu tiên, chúng tôi kính mong quý vị niệm tình tha thứ cho những điều sơ sót khó tránh.

Trân trọng kính chào quý vị.



Mở đầu hai em bé trình diễn màn « Vũ tế thần » của đồng bào Nùng thường tổ chức trong những buổi lễ Phật, cầu an cho người đau ốm, hoặc ở chùa siêu độ người quá vãng, cầu an cho xóm làng.

Màn 2, bốn thiếu nữ trình diễn một lối vũ của đồng bào Mèo gọi là « Cơ Mèo múa gốc » thường tổ chức trong các hội hè vui nhộn, đám cưới, tiệc vui trong gia đình.

Màn 3, tám thiếu nữ trình diễn điệu vũ của đồng bào Nùng gọi là " *Tiên nữ bái Thần Trăng* " trong ngày Tết Trung Thu để cầu mong được trẻ đẹp mãi mãi và mọi người được hạnh phúc, yên vui.

Màn 4, sáu thiếu nữ trình diễn vũ điệu " *Múa trống* " của đồng bào Nùng trong những buổi hội hè, ngày lễ kỷ niệm.

Màn 5, bốn thiếu nữ trình diễn một điệu vũ có đệm lời ca gọi là " *Cô gái hái trà* ", một lối vũ truyền thống của người Nùng thường tổ chức trong những ngày đầu năm để cầu chúc cho quốc thái dân an, cầu mong đồng bào trúng mùa và hưởng đầy đủ hạnh phúc suốt năm.

Màn 6, bốn thiếu nữ trình diễn một vũ khúc của đồng bào Mán gọi là " *Vũ khúc hoàng mỗ* " tổ chức hằng năm vào ngày mùng 3 tháng 3 Âm lịch là ngày kỷ niệm vui vẻ nhất trong năm của họ. Ngày ấy, tất cả mọi người trong bản từ già đến trẻ đều tụ họp liên hoan, thưởng thức những điệu nhảy múa và trò vui cổ truyền.



Màn 7, một nam nghệ sĩ thổi « kèn tre » là một loại kèn làm bằng lá cuốn tròn do các mục đồng người Nùng sáng chế, thường thổi trong mùa hè lúc mọi người cày cấy ngoài đồng.

Màn 8, ba thiếu nữ trình diễn điệu vũ « Thêu thùa » của đồng bào Nùng, văn nghệ hóa một việc làm thường xuyên của các cô gái trong giờ rảnh rỗi, dùng sợi tơ thêu cái ví hình chữ nhật để các cụ già đựng tiền.

Màn 9, tám thiếu nữ trình diễn điệu vũ của đồng bào Nùng gọi là « vũ điệu Xuân, Hạ, Thu, Đông » trình bày những động tác của người làm ruộng suốt 4 mùa như trồng bắp, trồng khoai, cày cấy, gặt lúa, phơi thóc v.v...

Màn 10, hai em bé diễn trò vui gọi là « Trò kết hôn », một vũ điệu trình bày những thủ tục về hôn lễ của người Nùng từ xưa đến nay.



Màn 11, một nghệ sĩ và một em bé đồng bào Nùng trình diễn hoạt cảnh « Ông Phật đầu lớn » qua những động tác của một vị Phật đáng người xấu xí nhưng

muôn luôn tươi cười, trong lòng rất tốt thường lễ bái cầu an cho bá tánh và cầu siêu cho những người đã khuất.

Màn 12, tám thiếu nữ trình diễn vũ khúc « Xuân về miền núi » của đồng bào Nhắng, một vũ điệu đặc biệt của mùa Xuân.

Màn 13, hai thiếu nữ trình diễn điệu vũ của đồng bào Nùng ở miền duyên hải gọi là « Mùa sò ốc ». Vũ điệu này thoát thai do nếp sống bằng ngày của một số người Nùng ở đảo Mi Sơn trong biển Nam hải chuyên bắt sò ốc làm kế sinh nhai.

Màn 14, sáu thiếu nữ trình diễn lối « múa quạt » cổ truyền của đồng bào Thái và đồng bào Nùng.

Trước khi chấm dứt đêm văn nghệ. Ông Trưởng ban tổ chức đại diện ông Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa tạ ơn quan khách và các nghệ sĩ, đoạn trao bó hoa kỷ niệm và một bằng tưởng lệ cho ông Chủ tịch Khối Đoàn kết dân thiểu số Việt Nam.

VĂN NGHỆ VIỆT GỐC MIỀN

Đêm 30-9-1970, Đoàn Văn nghệ Việt gốc Miền ở Ba Xuyên gồm ban hát cổ điển Robăm « Ánh sáng đoàn kết » (Reach Semey Sang Kum), ban vũ Sayam và giàn Ngũ âm Phlêng Xiêm trình diễn những vũ điệu và nhạc khí cổ truyền của đồng bào Việt gốc Miền. Hầu hết nghệ sĩ trong đoàn là những nông dân chất phác quanh năm lo cày cấy hoặc bán buôn, thỉnh thoảng họp nhau diễn xuất một vài đêm ở sân chùa, nhà chợ nên có phần bở ngỡ khi ra mắt khán giả trên một sân khấu ở Thủ đô. Và lại, Jan hát chỉ quen diễn nguyên một vở tuồng từ 3 đến 4 giờ chưa bao giờ phô trương theo lối tổ chức đêm văn nghệ thành thử không thể nào tránh khỏi những điều sơ sót khá buồn cười.

Dưới sự chủ tọa của Phó Thủ-Tướng Chánh-Phủ Việt-Nam Cộng-Hòa, một số đồng nhân viên Ngoại giao đoàn, đặc biệt nhất là gần hết nhân viên Tòa Đại sứ Kampuchea, và đồng bào các giới đến thường thức chặt thính đường.

Ông Trưởng Đoàn Văn nghệ gõ lời thưa trước :

Kính thưa Phó Thủ Tướng Chánh Phủ Việt-Nam Cộng-Hòa,

Kính thưa Ông Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa,

Kính thưa Quý vị quan khách,

Chúng tôi, nghệ sĩ đoàn Văn nghệ cổ điển Robăm « Ánh sáng đoàn kết », Đoàn vũ trống Sayam và Giàn Ngũ âm Phlêng Xiêm ở Ba Xuyên rất lấy làm cảm-dộng và hân hoan được tham-dự buổi trình diễn văn nghệ do Phủ Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa tổ chức lần đầu tiên tại thủ đô.

Từ xưa đến giờ chúng tôi ở địa phương vẫn luôn luôn giữ gìn những phong tục, tập quán của tổ tiên lưu lại, quyết tâm không để mai một hoặc sút mẻ phần nào. Từ thế hệ trước đến thế hệ sau, đồng bào Việt gốc Miên ở thôn ấp, tỉnh lý lúc nào cũng sung sướng được mục kích hay dự thính những buổi hòa tấu, những màn vũ, những tuồng hát cổ truyền mặc dầu trình diễn ở sân chùa hay góc chợ, với những phương tiện thô sơ thiếu kém. Ấy vì đối với chúng ta tất cả những cái ấy là linh hồn, là tiếng nói đáy lòng của dân tộc mà chúng tôi không bao giờ dám xao lãng, coi thường.

Hôm nay là lần đầu tiên chúng tôi được ra mắt quý quan khách ở trung ương trong một khung cảnh huy hoàng, tráng lệ, dưới sự chủ tọa của Phó Thủ Tướng khiến chúng tôi vừa hãnh diện vừa lo sợ không đáp ứng được lòng mong mỏi của quý vị, dầu rằng chúng tôi tận dụng tài nghệ của chúng tôi. Nếu chẳng may có điều gì sơ sót, kính xin quý vị lượng tình tha thứ cho.

Trân trọng kính chào quý vị.



Mở màn, giới thiệu giàn « Ngũ âm » Phlêng Xiêm gồm 6 nhạc khí :

— một cái trống nhỏ để trên cái giá 2 chân gọi là « SAMPHỐ » vỗ bằng hai tay ở hai đầu. Trống này do người Mã Lai đem từ Ai Cập hay Á Rập đến.

— một cây đàn gọi là « RONIEK ÊK » làm bằng nhiều thanh tre bẻ ngang lổ 5 phân, bề dài từ 15 đến 25 phân để dài trên một cái hộp gỗ, đánh bằng hai cái vỗ nhỏ, tiếng giống như đàn mộc bản giọng trầm vực.



— một cây đàn gọi là « *RONIEK THUNG* », giống như cây trên làm bằng thanh gỗ, giọng thấp hơn.

— một cây đàn gọi là « *RONIEK ĐÉK* », giống như cây trên làm bằng thanh sắt, giọng lạnh lạnh và tươi.

— một giàn Ngũ âm gọi là « *KONG THOM* » làm bằng 16 cái cồng bằng đồng để thành hình gần tròn trên một cái giàn bằng mây, đánh bằng hai cái vò nhỏ bằng gỗ giọng dịu, trong như bạc, hơi rung với âm màu trầm.

— hai cái trống lớn gọi là « *SKOR THOM* » do một người đánh bằng hai dùi dài, giọng rất trầm động.

Đây là những nhạc khí cổ truyền của đồng bào Việt gốc Miên thường trình

tấu trong buổi tiệc vui, ngày Tết. Mỗi nhạc công dạo thử một vài câu từng nhạc khí và hòa tấu bài « chúc mừng quan khách », kế tiếp đổi sang bản vui tươi thuộc giọng Nam rồi chuyển giọng Ai, du dương, nhẹ nhàng. Đó là đặc điểm của giai nhạc có thể trình bày nhiều giọng mà không cần thay đổi cung bậc như các loại đàn giây.

Màn 2, năm nữ nghệ sĩ ban hát cổ điển trình diễn « *Vũ điệu chào Xuân* », đề chào mừng quan khách.



Màn 3, bốn nghệ sĩ ban vũ Sayam trình diễn lời « *múa trống Sayam* », một vũ điệu đặc biệt của người Việt gốc Miên trong những ngày lễ Phật, những buổi làm phước, những hội hè, lễ lộc trong năm.

Màn 4, ba nghệ sĩ ban hát cổ điển Roham lần lượt trình bày lối diễn tả lời nói, ý tưởng bằng vũ điệu của ba nhân vật trong huyền thoại Bà-la-môn : *Vua Khi Hanuman*, *Chim Thần Garuda* còn gọi là Krouth và *Chằng Yak* hay Yakasa. Mỗi vai đều mang mặt nạ riêng chứ không có vẽ màu như người Việt và tượng trưng cho tánh nết con người như Khi là con vật có lòng tốt, Chim có nghĩa với người, thường giúp đỡ trong lúc nguy nan, Chằng là loài ác quỷ, xấu xa, ăn thịt người, bắt gái đẹp làm vợ. Sau lối vũ tay không, các nghệ sĩ múa khi giới và đấu võ với nhau.



Màn 5, ba nam, ba nữ nghệ sĩ trình diễn vũ *Lâm thôn*, một lối vũ độc đáo của người Việt gốc Miên từ xưa đến nay rất được các giới đồng bào ưa thích và người ngoại quốc tán thưởng nồng nhiệt. Đặc điểm của vũ điệu là trai gái vờn nhau, múa may uốn éo theo tiếng đờn, giọng hát chứ không đụng chạm tay chân.



Màn 6, hai nữ nghệ sĩ ban hát cò diễn Robăm, một ăn mặc theo nữ giới, một cải trang nam giới trình bày điệu múa của cặp vợ chồng mới cưới gọi là « Vũ khúc tình Xuân », diễn tả lòng thương mến bằng vũ điệu. Theo cở lệ vui kép đề mặt thật như Hoàng tử, Công tử, trai tơ đều là nữ nghệ sĩ đóng, nam nghệ sĩ chỉ thủ vai có mang mặt nạ.

Màn 7, ba nhạc công đánh phèng lư, trống lớn và trống nhỏ trình diễn ba lối hòa tấu : trống vui, trống buồn và trống thúc quân ra trận.

Màn 8, ban hát Robăm trình diễn nhạc cảnh « Vị tu sĩ cửa Công chúa » : Công chúa và đoàn tùy tùng đi dạo trong rừng, vui đùa, múa hát, thỉnh thoảng một ông Chàng bay ngang đánh bắt Công chúa về làm vợ. Vua Khi ở gần đấy vội

đánh Chăng cứu Công chúa nhưng sức yếu suýt nguy, may nhờ có vị tu sĩ tiếp tay đuổi loài quỷ dữ ».



Màn 9, giàn Ngũ âm Phlêng Xiêm hòa tấu loại nhạc kích động theo kiểu tân thời.

Màn 10, bốn nữ nghệ sĩ ban hát Robăm hóa trang hai kép, hai đào trình diễn vũ điệu « Chúc mừng ngày cưới ».

Màn 11, kết thúc chương trình ban « Vũ trống Sayam » trình diễn một điệu mới.

Ông Trưởng ban Tổ chức đại diện ông Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa nói lời cảm ơn quan khách và các nghệ sĩ, đoạn trao bó hoa kỷ niệm và một bằng tưởng lệ cho ông Trưởng đoàn.



VĂN NGHỆ CHÀM

Đêm 1-10-1970, Đoàn Văn nghệ Chăm, do Ban Văn nghệ Chăm Hoa Phương phối hợp với Ban Văn nghệ Chăm Văn-Lân (Phan Rang) và Ban Văn nghệ Chăm Châu Đốc trình diễn những vũ điệu, bài hát, cổ tục và nhạc khí của đồng bào Chăm thuộc hai ngành : Phan Rang theo đạo Bà-la-môn, Châu Đốc theo đạo Hồi-Hồi.

Dưới sự chủ tọa của ông Chủ tịch Giám Sát Viện, một số đồng nhân viên Ngoại giao đoàn và rất nhiều đồng bào Chăm ở Saigon đến thưởng thức đầy các hàng ghế.



Ông Trưởng đoàn Văn nghệ ngỏ lời thưa trước :

Kính thưa Ông Chủ tịch Giám Sát Viện,

Kính thưa Ông Quốc Vụ Khanh Đặc trách Văn-Hóa,

Kính thưa Quý vị,

Nhân danh đại gia đình Nghệ sĩ thiếu số nói chung và Nghệ-sĩ Sắc-mộc Chăm nói riêng có mặt trong buổi Dạ-Hội Văn-Nghệ hôm nay, chúng tôi hết sức vinh hạnh kính chào mừng ông Quốc Vụ Khanh, quý vị quan khách và chân thành ghi ơn nghĩa cử đã quang-lâm đến dự khán buổi trình diễn này.

Mỹ cử của quý vị thật vô cùng cao đẹp và đối với anh chị em Nghệ sĩ Sắc tộc Chăm sẽ là một niềm khích lệ vô biên khiến chúng tôi càng vững niềm tin ở tương lai.

Thưa Ông Quốc Vụ Khanh

Thưa Liệt quý vị,

Lướt qua quá trình phát triển nền văn-hóa nước nhà, chúng tôi đã hết sức hãnh diện với kỳ công của các vị tiền bối đã dày công xây dựng tạo nên hơn 4.000 năm văn hiến vang lừng. Mặc dầu trải qua hơn 1000 năm Bắc thuộc, gần 80 năm Pháp thuộc tràn ngập những luồng sinh khí văn hóa ngoại lai nền Văn-hóa Việt Nam vẫn giữ được những tinh túy lưu truyền muôn thuở.



Người ta cũng không thể quên trên dãy đất tự-do thân yêu này ngoài người Việt chiếm đa số còn gồm nhiều sắc dân thiểu số trong đó có Chăm. Họ sống ở các vị thế riêng biệt với phong tục tập quán từ bao nhiêu đời trong các buôn, ấp, làng mạc xa xôi hẻo lánh. Họ ôm chặt và giữ kỹ những tập tục cá biệt đó như một di sản vô giá không gì đổi chác được. Dĩ nhiên không ai chối cãi nền văn hóa Việt-Nam đã có sắc thái đặc thù kia và nó đã là một chất tinh túy làm giàu thêm cho Văn-hóa nước nhà.



Tuy nhiên dẫu sao nào cũng cần giết sương mai tạo nguồn sinh lực bồng nò. Trường hợp chúng tôi vừa nêu cũng vậy, thời gian sẽ làm mờ phai hết các sắc thái Văn-hóa đặc thù kia nếu thiếu người thợ vườn khéo tay chăm sóc và tạo điều kiện phát triển lâu dài. Chúng tôi đã hãnh diện với Quốc tế cây đàn Độc Huyền, điệu hò dân ca, nhưng bản chất dân tộc sẽ càng biểu lộ rõ rệt thêm

nếu bên cạnh đó còn có Trống Rập Pa Na, Cal xit, Cc Nhi, Ca rãng... Là sao không bằng khuôn buồn hay rạo rực con tim khi qua thôn xóm Chàm chợt nghe tiếng Ca Năng khoan thai, hay tiếng ca áo nâu của các nàng Chiêm Nữ.

Thưa quý vị,

Thời gian không từ bỏ một vật thể nào trong vũ trụ đúng theo luật tuần hoàn nhân quả. Nếu không được bảo tồn tiếng ca áo nâu kia, điệu kèn tha thiết nọ, lối múa nhịp nhàng ấy sẽ âm thầm bị quên đi và xóa mất. Bởi đó, chúng tôi, những người trẻ hậu sinh, chúng tôi lo ngại về sự mất mát to tát đó. Dĩ nhiên khi đó nền Văn hóa dân tộc Việt Nam cũng mất đi những nét cá biệt phong phú. Nỗi băn khoăn của chúng tôi đã có điểm tựa với chánh sách Phát triển Sắc tộc bằng qui chế riêng của Chánh phủ vì dù sao công việc bảo tồn Văn-ngệ cũng nằm trong công việc bảo tồn Văn hóa.



Gọi là hòa mình vào công việc bảo tồn, riêng chúng tôi đã kết hợp lại với nhau học hỏi và sưu tầm tinh túy các bậc Cha, Anh. Chúng tôi không cao vọng giữ lại hết phong thái và nét đẹp cá biệt, nhưng chỉ mong sao học được điệu múa, giọng kèn, tiếng ca, lối trống để tiếp tục cống hiến cho gia tài Văn hóa Dân tộc Việt Nam. Chúng tôi đã hết sức khó khăn vì thiếu người hướng dẫn và phương tiện thì rất nghèo nàn. Sinh hoạt của chúng tôi bị gò bó, nó là một sinh hoạt thiện chí của anh em. Sân tập của chúng tôi là bãi cỏ quê hương hay gian nhà tự nguyện. Tác phẩm văn phê là 12. 13. 14. 15. 16. 17. 18. 19. 20. 21. 22. 23. 24. 25. 26. 27. 28. 29. 30. 31. 32. 33. 34. 35. 36. 37. 38. 39. 40. 41. 42. 43. 44. 45. 46. 47. 48. 49. 50. 51. 52. 53. 54. 55. 56. 57. 58. 59. 60. 61. 62. 63. 64. 65. 66. 67. 68. 69. 70. 71. 72. 73. 74. 75. 76. 77. 78. 79. 80. 81. 82. 83. 84. 85. 86. 87. 88. 89. 90. 91. 92. 93. 94. 95. 96. 97. 98. 99. 100. 101. 102. 103. 104. 105. 106. 107. 108. 109. 110. 111. 112. 113. 114. 115. 116. 117. 118. 119. 120. 121. 122. 123. 124. 125. 126. 127. 128. 129. 130. 131. 132. 133. 134. 135. 136. 137. 138. 139. 140. 141. 142. 143. 144. 145. 146. 147. 148. 149. 150. 151. 152. 153. 154. 155. 156. 157. 158. 159. 160. 161. 162. 163. 164. 165. 166. 167. 168. 169. 170. 171. 172. 173. 174. 175. 176. 177. 178. 179. 180. 181. 182. 183. 184. 185. 186. 187. 188. 189. 190. 191. 192. 193. 194. 195. 196. 197. 198. 199. 200. 201. 202. 203. 204. 205. 206. 207. 208. 209. 210. 211. 212. 213. 214. 215. 216. 217. 218. 219. 220. 221. 222. 223. 224. 225. 226. 227. 228. 229. 230. 231. 232. 233. 234. 235. 236. 237. 238. 239. 240. 241. 242. 243. 244. 245. 246. 247. 248. 249. 250. 251. 252. 253. 254. 255. 256. 257. 258. 259. 260. 261. 262. 263. 264. 265. 266. 267. 268. 269. 270. 271. 272. 273. 274. 275. 276. 277. 278. 279. 280. 281. 282. 283. 284. 285. 286. 287. 288. 289. 290. 291. 292. 293. 294. 295. 296. 297. 298. 299. 300. 301. 302. 303. 304. 305. 306. 307. 308. 309. 310. 311. 312. 313. 314. 315. 316. 317. 318. 319. 320. 321. 322. 323. 324. 325. 326. 327. 328. 329. 330. 331. 332. 333. 334. 335. 336. 337. 338. 339. 340. 341. 342. 343. 344. 345. 346. 347. 348. 349. 350. 351. 352. 353. 354. 355. 356. 357. 358. 359. 360. 361. 362. 363. 364. 365. 366. 367. 368. 369. 370. 371. 372. 373. 374. 375. 376. 377. 378. 379. 380. 381. 382. 383. 384. 385. 386. 387. 388. 389. 390. 391. 392. 393. 394. 395. 396. 397. 398. 399. 400. 401. 402. 403. 404. 405. 406. 407. 408. 409. 410. 411. 412. 413. 414. 415. 416. 417. 418. 419. 420. 421. 422. 423. 424. 425. 426. 427. 428. 429. 430. 431. 432. 433. 434. 435. 436. 437. 438. 439. 440. 441. 442. 443. 444. 445. 446. 447. 448. 449. 450. 451. 452. 453. 454. 455. 456. 457. 458. 459. 460. 461. 462. 463. 464. 465. 466. 467. 468. 469. 470. 471. 472. 473. 474. 475. 476. 477. 478. 479. 480. 481. 482. 483. 484. 485. 486. 487. 488. 489. 490. 491. 492. 493. 494. 495. 496. 497. 498. 499. 500. 501. 502. 503. 504. 505. 506. 507. 508. 509. 510. 511. 512. 513. 514. 515. 516. 517. 518. 519. 520. 521. 522. 523. 524. 525. 526. 527. 528. 529. 530. 531. 532. 533. 534. 535. 536. 537. 538. 539. 540. 541. 542. 543. 544. 545. 546. 547. 548. 549. 550. 551. 552. 553. 554. 555. 556. 557. 558. 559. 560. 561. 562. 563. 564. 565. 566. 567. 568. 569. 570. 571. 572. 573. 574. 575. 576. 577. 578. 579. 580. 581. 582. 583. 584. 585. 586. 587. 588. 589. 590. 591. 592. 593. 594. 595. 596. 597. 598. 599. 600. 601. 602. 603. 604. 605. 606. 607. 608. 609. 610. 611. 612. 613. 614. 615. 616. 617. 618. 619. 620. 621. 622. 623. 624. 625. 626. 627. 628. 629. 630. 631. 632. 633. 634. 635. 636. 637. 638. 639. 640. 641. 642. 643. 644. 645. 646. 647. 648. 649. 650. 651. 652. 653. 654. 655. 656. 657. 658. 659. 660. 661. 662. 663. 664. 665. 666. 667. 668. 669. 670. 671. 672. 673. 674. 675. 676. 677. 678. 679. 680. 681. 682. 683. 684. 685. 686. 687. 688. 689. 690. 691. 692. 693. 694. 695. 696. 697. 698. 699. 700. 701. 702. 703. 704. 705. 706. 707. 708. 709. 710. 711. 712. 713. 714. 715. 716. 717. 718. 719. 720. 721. 722. 723. 724. 725. 726. 727. 728. 729. 730. 731. 732. 733. 734. 735. 736. 737. 738. 739. 740. 741. 742. 743. 744. 745. 746. 747. 748. 749. 750. 751. 752. 753. 754. 755. 756. 757. 758. 759. 760. 761. 762. 763. 764. 765. 766. 767. 768. 769. 770. 771. 772. 773. 774. 775. 776. 777. 778. 779. 780. 781. 782. 783. 784. 785. 786. 787. 788. 789. 790. 791. 792. 793. 794. 795. 796. 797. 798. 799. 800. 801. 802. 803. 804. 805. 806. 807. 808. 809. 810. 811. 812. 813. 814. 815. 816. 817. 818. 819. 820. 821. 822. 823. 824. 825. 826. 827. 828. 829. 830. 831. 832. 833. 834. 835. 836. 837. 838. 839. 840. 841. 842. 843. 844. 845. 846. 847. 848. 849. 850. 851. 852. 853. 854. 855. 856. 857. 858. 859. 860. 861. 862. 863. 864. 865. 866. 867. 868. 869. 870. 871. 872. 873. 874. 875. 876. 877. 878. 879. 880. 881. 882. 883. 884. 885. 886. 887. 888. 889. 890. 891. 892. 893. 894. 895. 896. 897. 898. 899. 900. 901. 902. 903. 904. 905. 906. 907. 908. 909. 910. 911. 912. 913. 914. 915. 916. 917. 918. 919. 920. 921. 922. 923. 924. 925. 926. 927. 928. 929. 930. 931. 932. 933. 934. 935. 936. 937. 938. 939. 940. 941. 942. 943. 944. 945. 946. 947. 948. 949. 950. 951. 952. 953. 954. 955. 956. 957. 958. 959. 960. 961. 962. 963. 964. 965. 966. 967. 968. 969. 970. 971. 972. 973. 974. 975. 976. 977. 978. 979. 980. 981. 982. 983. 984. 985. 986. 987. 988. 989. 990. 991. 992. 993. 994. 995. 996. 997. 998. 999. 1000. 1001. 1002. 1003. 1004. 1005. 1006. 1007. 1008. 1009. 1010. 1011. 1012. 1013. 1014. 1015. 1016. 1017. 1018. 1019. 1020. 1021. 1022. 1023. 1024. 1025. 1026. 1027. 1028. 1029. 1030. 1031. 1032. 1033. 1034. 1035. 1036. 1037. 1038. 1039. 1040. 1041. 1042. 1043. 1044. 1045. 1046. 1047. 1048. 1049. 1050. 1051. 1052. 1053. 1054. 1055. 1056. 1057. 1058. 1059. 1060. 1061. 1062. 1063. 1064. 1065. 1066. 1067. 1068. 1069. 1070. 1071. 1072. 1073. 1074. 1075. 1076. 1077. 1078. 1079. 1080. 1081. 1082. 1083. 1084. 1085. 1086. 1087. 1088. 1089. 1090. 1091. 1092. 1093. 1094. 1095. 1096. 1097. 1098. 1099. 1100. 1101. 1102. 1103. 1104. 1105. 1106. 1107. 1108. 1109. 1110. 1111. 1112. 1113. 1114. 1115. 1116. 1117. 1118. 1119. 1120. 1121. 1122. 1123. 1124. 1125. 1126. 1127. 1128. 1129. 1130. 1131. 1132. 1133. 1134. 1135. 1136. 1137. 1138. 1139. 1140. 1141. 1142. 1143. 1144. 1145. 1146. 1147. 1148. 1149. 1150. 1151. 1152. 1153. 1154. 1155. 1156. 1157. 1158. 1159. 1160. 1161. 1162. 1163. 1164. 1165. 1166. 1167. 1168. 1169. 1170. 1171. 1172. 1173. 1174. 1175. 1176. 1177. 1178. 1179. 1180. 1181. 1182. 1183. 1184. 1185. 1186. 1187. 1188. 1189. 1190. 1191. 1192. 1193. 1194. 1195. 1196. 1197. 1198. 1199. 1200. 1201. 1202. 1203. 1204. 1205. 1206. 1207. 1208. 1209. 1210. 1211. 1212. 1213. 1214. 1215. 1216. 1217. 1218. 1219. 1220. 1221. 1222. 1223. 1224. 1225. 1226. 1227. 1228. 1229. 1230. 1231. 1232. 1233. 1234. 1235. 1236. 1237. 1238. 1239. 1240. 1241. 1242. 1243. 1244. 1245. 1246. 1247. 1248. 1249. 1250. 1251. 1252. 1253. 1254. 1255. 1256. 1257. 1258. 1259. 1260. 1261. 1262. 1263. 1264. 1265. 1266. 1267. 1268. 1269. 1270. 1271. 1272. 1273. 1274. 1275. 1276. 1277. 1278. 1279. 1280. 1281. 1282. 1283. 1284. 1285. 1286. 1287. 1288. 1289. 1290. 1291. 1292. 1293. 1294. 1295. 1296. 1297. 1298. 1299. 1300. 1301. 1302. 1303. 1304. 1305. 1306. 1307. 1308. 1309. 1310. 1311. 1312. 1313. 1314. 1315. 1316. 1317. 1318. 1319. 1320. 1321. 1322. 1323. 1324. 1325. 1326. 1327. 1328. 1329. 1330. 1331. 1332. 1333. 1334. 1335. 1336. 1337. 1338. 1339. 1340. 1341. 1342. 1343. 1344. 1345. 1346. 1347. 1348. 1349. 1350. 1351. 1352. 1353. 1354. 1355. 1356. 1357. 1358. 1359. 1360. 1361. 1362. 1363. 1364. 1365. 1366. 1367. 1368. 1369. 1370. 1371. 1372. 1373. 1374. 1375. 1376. 1377. 1378. 1379. 1380. 1381. 1382. 1383. 1384. 1385. 1386. 1387. 1388. 1389. 1390. 1391. 1392. 1393. 1394. 1395. 1396. 1397. 1398. 1399. 1400. 1401. 1402. 1403. 1404. 1405. 1406. 1407. 1408. 1409. 1410. 1411. 1412. 1413. 1414. 1415. 1416. 1417. 1418. 1419. 1420. 1421. 1422. 1423. 1424. 1425. 1426. 1427. 1428. 1429. 1430. 1431. 1432. 1433. 1434. 1435. 1436. 1437. 1438. 1439. 1440. 1441. 1442. 1443. 1444. 1445. 1446. 1447. 1448. 1449. 1450. 1451. 1452. 1453. 1454. 1455. 1456. 1457. 1458. 1459. 1460. 1461. 1462. 1463. 1464. 1465. 1466. 1467. 1468. 1469. 1470. 1471. 1472. 1473. 1474. 1475. 1476. 1477. 1478. 1479. 1480. 1481. 1482. 1483. 1484. 1485. 1486. 1487. 1488. 1489. 1490. 1491. 1492. 1493. 1494. 1495. 1496. 1497. 1498. 1499. 1500. 1501. 1502. 1503. 1504. 1505. 1506. 1507. 1508. 1509. 1510. 1511. 1512. 1513. 1514. 1515. 1516. 1517. 1518. 1519. 1520. 1521. 1522. 1523. 1524. 1525. 1526. 1527. 1528. 1529. 1530. 1531. 1532. 1533. 1534. 1535. 1536. 1537. 1538. 1539. 1540. 1541. 1542. 1543. 1544. 1545. 1546. 1547. 1548. 1549. 1550. 1551. 1552. 1553. 1554. 1555. 1556. 1557. 1558. 1559. 1560. 1561. 1562. 1563. 1564. 1565. 1566. 1567. 1568. 1569. 1570. 1571. 1572. 1573. 1574. 1575. 1576. 1577. 1578. 1579. 1580. 1581. 1582. 1583. 1584. 1585. 1586. 1587. 1588. 1589. 1590. 1591. 1592. 1593. 1594. 1595. 1596. 1597. 1598. 1599. 1600. 1601. 1602. 1603. 1604. 1605. 1606. 1607. 1608. 1609. 1610. 1611. 1612. 1613. 1614. 1615. 1616. 1617. 1618. 1619. 1620. 1621. 1622. 1623. 1624. 1625. 1626. 1627. 1628. 1629. 1630. 1631. 1632. 1633. 1634. 1635. 1636. 1637. 1638. 1639. 1640. 1641. 1642. 1643. 1644. 1645. 1646. 1647. 1648. 1649. 1650. 1651. 1652. 1653. 1654. 1655. 1656. 1657. 1658. 1659. 1660. 1661. 1662. 1663. 1664. 1665. 1666. 1667. 1668. 1669. 1670. 1671. 1672. 1673. 1674. 1675. 1676. 1677. 1678. 1679. 1680. 1681. 1682. 1683. 1684. 1685. 1686. 1687. 1688. 1689. 1690. 1691. 1692. 1693. 1694. 1695. 1696. 1697. 1698. 1699. 1700. 1701. 1702. 1703. 1704. 1705. 1706. 1707. 1708. 1709. 1710. 1711. 1712. 1713. 1714. 1715. 1716. 1717. 1718. 1719. 1720. 1721. 1722. 1723. 1724. 1725. 1726. 1727. 1728. 1729. 1730. 1731. 1732. 1733. 1734. 1735. 1736. 1737. 1738. 1739. 1740. 1741. 1742. 1743. 1744. 1745. 1746. 1747. 1748. 1749. 1750. 1751. 1752. 1753. 1754. 1755. 1756. 1757. 1758. 1759. 1760. 1761. 1762. 1763. 1764. 1765. 1766. 1767. 1768. 1769. 1770. 1771. 1772. 1773. 1774. 1775. 1776. 1777. 1778. 1779. 1780. 1781. 1782. 1783. 1784. 1785. 1786. 1787. 1788. 1789. 1790. 1791. 1792. 1793. 1794. 1795. 1796. 1797. 1798. 1799. 1800. 1801. 1802. 1803. 1804. 1805. 1806. 1807. 1808. 1809. 1810. 1811. 1812. 1813. 1814. 1815. 1816. 1817. 1818. 1819. 1820. 1821. 1822. 1823. 1824. 1825. 1826. 1827. 1828. 1829. 1830. 1831. 1832. 1833. 1834. 1835. 1836. 1837. 1838. 1839. 1840. 1841. 1842. 1843. 1844. 1845. 1846. 1847. 1848. 1849. 1850. 1851. 1852. 1853. 1854. 1855. 1856. 1857. 1858. 1859. 1860. 1861. 1862. 1863. 1864. 1865. 1866. 1867. 1868. 1869. 1870. 1871. 1872. 1873. 1874. 1875. 1876. 1877. 1878. 1879. 1880. 1881. 1882. 1883. 1884. 1885. 1886. 1887. 1888. 1889. 1890. 1891. 1892. 1893. 1894. 1895. 1896. 1897. 1898. 1899. 1900. 1901. 1902. 1903. 1904. 1905. 1906. 1907. 1908. 1909. 1910. 1911. 1912. 1913. 1914. 1915. 1916. 1917. 1918. 1919. 1920. 1921. 1922. 1923. 1924. 1925. 1926. 1927. 1928. 1929. 1930. 1931. 1932. 1933. 1934. 1935. 1936. 1937. 1938. 1939. 1940. 1941. 1942. 1943. 1944. 1945. 1946. 1947. 1948. 1949. 1950. 1951. 1952. 1953. 1954. 1955. 1956. 1957. 1958. 1959. 1960. 1961. 1962. 1963. 1964. 1965. 1966. 1967. 1968. 1969. 1970. 1971. 1972. 1973. 1974. 1975. 1976. 1977. 1978. 1979. 1980. 1981. 1982. 1983. 1984. 1985. 1986. 1987. 1988. 1989. 1990. 1991. 1992. 1993. 1994. 1995. 1996. 1997. 1998. 1999. 2000. 2001. 2002. 2003. 2004. 2005. 2006. 2007. 2008. 2009. 2010. 2011. 2012. 2013. 2014. 2015. 2016. 2017. 2018. 2019. 2020. 2021. 2022. 2023. 2024. 2025. 2026. 2027. 2028. 2029. 2030. 2031. 2032. 2033. 2034. 2035. 2036. 2037. 2038. 2039. 2040. 2041. 2042. 2043. 2044. 2045. 2046. 2047. 2048. 2049. 2050. 2051. 2052. 2053. 2054. 2055. 2056. 2057. 2058. 2059. 2060. 2061. 2062. 2063. 2064. 2065. 2066. 2067. 2068. 2069. 2070. 2071. 2072. 2073. 2074. 2075. 2076. 2077. 2078. 2079. 2080. 2081. 2082. 2083. 2084. 2085. 2086. 2087. 2088. 2089. 2090. 2091. 2092. 2093. 2094. 2095. 2096. 2097. 2098. 2099. 2100. 2101. 2102. 2103. 2104. 2105. 2106. 2107. 2108. 2109. 2110. 2111. 2112. 2113. 2114. 2115. 2116. 2117. 2118. 2119. 2120. 2121. 2122. 2123. 2124. 2125. 2126. 2127. 2128. 2129. 2130. 2131. 2132. 2133. 2134. 2135. 2136. 2137. 2138. 2139. 2140. 2141. 2142. 2143. 2144. 2145. 2146. 2147. 2148. 2149

tập tực trong các thôn ấp mà chúng tôi đã mở mắt chào đời. Chúng tôi sẽ hân hạnh trình diễn trước quý vị trong giây phút sau đây. Nếu quý vị thấy có những cành gai góc trong các cành hoa nghệ thuật Chăm hàm tiếu, chúng tôi tin rằng quý vị sẽ thừa lòng vị tha bao dung đề thương mến anh chị em Nghệ sĩ Sắc tộc Chăm chúng tôi càng nhiều. Mong ước lắm thay !

Kính thưa ông Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa,

Kính thưa Liệt Quý vị Quan khách,

Ý chí của chúng tôi có và chúng tôi đã trình bày cùng quý vị. Công việc của chúng tôi chỉ là bước đầu khởi hành trên lộ trình dài dằng dặc. Đó đây trên khắp nẻo đường, đất nước chúng tôi biết rằng còn rất nhiều anh chị em Sắc tộc Chăm chúng tôi có khả năng Văn nghệ tiềm tàng đang sinh hoạt mà tầm tay chúng tôi chưa với tới.

Bây giờ niềm vui chúng tôi rộng mở vì từ bước đầu khởi hành dù chúng tôi đã làm được vài việc hợp thời như việc anh chị em Nghệ sĩ Chăm chúng tôi góp mặt trong các buổi liên hoan mừng chiến thắng Quân Bình chủng VNCH, các tiền đồn hay ủy lạo thương binh binh trong các Quân Y Viện trong hoàn cảnh đất nước sống nơi hậu phương an vui đáp lại chút nghĩa cử cao đẹp của những người đang bảo vệ núi sông bằng lời ca mộc mạc chân thành, bằng các vũ điệu nhịp nhàng đậm đà tính chất dân tộc, không lai căng, vọng ngoại, chúng tôi cảm thấy đã có nhiều an ủi khích lệ. Hôm nay chúng tôi lại càng thấy được nhiều khích lệ hơn khi Phủ Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa tổ chức Tuần lễ Văn nghệ mà chúng tôi hân hạnh được đảm trách riêng phần sắc tộc Chăm chúng tôi.

Bằng vào các dữ kiện trên và với mục tiêu cá biệt rõ ràng, chúng tôi cũng nhân dịp này cầu mong các tập thể Văn hóa, Văn nghệ đàn anh Thủ-đô hướng dẫn chúng tôi, và các cấp thẩm quyền cũng như Đặc trách Văn-hóa giúp đỡ chúng tôi nhiều để chúng tôi càng hăng hái và có phương tiện phục vụ nền Văn hóa nước nhà.

Trong niềm tin tưởng vô biên đó, một lần nữa tôi xin thay mặt đại gia đình Nghệ sĩ sắc tộc Chăm có mặt hôm nay chân thành cảm tạ Ông Quốc Vụ Khanh, Quý vị thượng cấp trong Chính-quyền cũng như quan khách ân nhân và trân trọng kính mời Ông Quốc Vụ Khanh và liệt quý vị thường thức chương trình Văn-nghệ Chăm chọn lọc sau đây.

Trân trọng kính chào liệt quý vị.



Mở màn, giới thiệu *giản nhạc Chăm* gồm có 2 trống dài, 1 trống vỗ bịt một đầu, 1 cây kèn, 1 cái chiêng, 2 xâu lục lạc và 1 cây đờn cò theo kiểu xưa. Đoạn, các nhạc sĩ hòa tấu hai bản : « Birung dân bồi » và « Birung Pah Klab » biến chuyển từ nhịp chậm đến nhanh, dồn dập.

Màn 2, bảy thiếu nữ trình diễn lối múa quạt cổ truyền của đồng bào Chăm ở Phan Rang.

Màn 3, một nghệ sĩ đơn ca « bài hát Chăm nói về lịch sử » bằng tiếng Chăm.

Màn 4, các nghệ sĩ trình bày một vũ khúc gọi là « Tamane Hrug », một nam, một nữ biểu diễn lối múa trước nhà Vua, Công chúa và vài quan hầu. Đây là một cổ tục của đồng bào Chăm khi chào mừng quan khách, tổ chức cuộc vui, hoan ca mừng chiến thắng, người ta mời các vũ công biểu diễn : đôi cánh tay dang ra như chào đón, chân bước nhịp nhàn theo tiếng nhạc, mặt tươi cười như chất chứa vạn niềm vui.





Màn 5, một nghệ sĩ ca một bản dài bằng tiếng Chăm.

Màn 6, hai thiếu nữ hát bốn điệu hò bằng tiếng Chăm.

Màn 7, bảy nghệ sĩ nam và nữ trình diễn Vũ điệu « Múa đèn đêm trăng », mỗi người cầm hai cái đĩa nhỏ trên cầm hai cây đèn cây đốt cháy.

Màn 8, hai thiếu nữ và hai cậu trai hát hò vấn đáp bằng tiếng Chăm giữa lúc hai cô xây lúa.

Màn 9, giới thiệu y phục của đồng bào Chăm ở Châu Đốc và Phan Rang.

Màn 10, sáu nghệ sĩ trình diễn « hòa tấu trống » gồm có 5 cái trống lớn bịt một mặt và 1 cái nhỏ, vừa vỗ bằng tay vừa hát những bài ca tụng hình ảnh quê hương, danh nhân, chiến sĩ v.v...

Màn 11, các nghệ sĩ Chăm ở Châu Đốc trình diễn điệu vũ : « Nhịp bước ngày xưa » đệm bằng bốn cái trống lớn và 1 trống nhỏ.

Màn 12, một nhạc sĩ Chăm ở Phan Rang độc tấu bản nhạc bằng cây kèn

Màn 13, trình diễn hoạt cảnh « *Đám cưới Chăm* » trái ngược với người Việt là chàng trai tổ chức đưa chú rể về nhà vợ.

Màn 14, bốn thiếu nữ và bốn cậu trai trình diễn « *Vũ khúc khải hoàn* », mỗi người cầm hai cây quạt, nhảy múa một cách dồn dập, nhộn nhàng.

Trước khi chấm dứt, ông Trưởng ban Tổ chức đại diện ông Quốc Vực Khanh Đặc Trách Văn Hóa ngỏ lời cảm ơn quan khách và các nghệ sĩ, đoạn trao bó hoa tri ân và một bằng tưởng lệ cho ông Trưởng đoàn.

vũ-trọng-phụng, người có «số đỏ»
trong làng văn, nhưng luôn luôn
gặp «giông tố» ngoài trường đời

13-10-1939, Vũ-Trọng Phụng qua đời !

13-10-1970. Ngày giỗ thứ 31 của ông !

Tính đến nay thắm thoát đã hơn nửa thế-kỷ qua đi, Vũ quân im hơi lặng tiếng trên trường văn trận bút. Hôm nay, nhân ngày kỷ niệm đó, chúng ta thử đặt một cái nhìn tổng quát về Vũ-Trọng-Phụng, một nhà văn tả chân số một trong thời tiền chiến.

MÂY DÒNG VỀ GIA THÈ, SỰ NGHIỆP VĂN CHƯƠNG

Vũ-Trọng-Phụng tên thật là Tý, sinh năm 1911, tại ngoại ô châu thành Hà-Nội.

Gia đình họ Vũ là một gia đình nghèo. Ông nội của ông làm lý trưởng, cha là một người dân nghèo, sinh thời không có một tấc đất cắm dùi, Phụng lại chịu mồ côi cha hồi vừa được bảy tháng, nên mẫu ông lúc bảy giờ mới 21 tuổi, bà đã sống khổ cực tần tảo nuôi con cho đến ngày Phụng chết.

Sống trong cảnh tình mẹ góa con côi, cuộc đời chật vật vô cùng, gia đình Vũ-Trọng-Phụng đã trải qua những chuỗi ngày gian nan cơ cực ở đất Hà-Thành. Tuy nhiên, Phụng vẫn được mẹ nuôi và cho đi học tại trường Ke (do tiếng «Quái nghĩa là bờ sông, vì ngôi trường này nằm bên bờ sông Hồng-Hà).

Sau khi thi đỗ xong mảnh bằng Tiểu-Học, Vũ-Trọng-Phụng không thể tiếp tục sự học vì gia đình túng quẫn, ông phải đi làm thư ký cho nhà hàng Gô-Đa (GODARD), một hiệu buôn tạp hóa lớn nhất Hà-Nội trong thời bấy giờ.

Sống cuộc đời tư chức kiếp sống chẳng được thanh thoi gì, công việc thường ngày đã chiếm mất khá nhiều thì giờ và sức lực, tuy nhiên ông là người hiếu học, thích đọc sách và ưa suy nghĩ. Với lớp tuổi mười sáu đáng lý ra ông ham đọc những chuyện tình cảm lãng mạn, song Vũ-Trọng-Phụng thì không thế. Theo tài liệu của Nguyễn-Triệu-Luật trong Tao-Đàn số đặc biệt về Vũ-Trọng-Phụng cũng như của Lan-Khai trong tác phẩm „Vũ-Trọng-Phụng, mở tài liệu Văn-Sử Việt-Nam” thì Vũ-Trọng-Phụng thích đọc nhất là các báo nặng về tài liệu như Nam-Phong tạp chí, Thực-Nghiệp, Trung-Bắc Tân Văn v.v... Vũ-Trọng-Phụng luôn luôn tỏ ra ưa tư nhiều suy nghĩ về những vấn đề Văn-Chương, Triết Học và Xã-Hội. Có lẽ vì thế mà sau này trong các tác phẩm, ông có một nhận xét khá tinh vi về cuộc đời được nhiều tư tưởng triết lý nhân sinh.

Vũ-Trọng-Phụng có một niềm ao ước duy nhất là thích có được một tủ sách, một chiếc máy thu thanh và những tác phẩm mỹ-thuật.

Cuộc đời làm tư chức kéo dài chỉ được vài năm, ông bắt đầu sáng tác những truyện ngắn và gởi đến các báo tại Hà-Thành. Trong số đó có Ngọ-Báo của Tam-Lang Vũ-Đình-Chi làm chủ bút. Ông Tam-Lang là một nhà văn tả chân, nên lối văn của Vũ-Trọng-Phụng rất được ông chú ý và chính ông là người đi đưa Vũ-Trọng-Phụng bước chân vào làng văn.

Sau đó ông lại tiếp tục viết và gởi thêm bài cho mấy báo, các bài này đều thuộc loại tả chân, mô tả những hình ảnh dân ở một cách trung thực, thực đến độ số sảng. Nhưng rất tiếc những bài sau này không thể đăng tiếp được vì ông chủ nhiệm là Bùi-xuân-Học không bằng lòng những bài này nên bắt buộc Tam-Lang phải ngưng loạt bài của Vũ-Trọng-Phụng.

Thời gian này là Vũ-Trọng-Phụng đang làm thư ký cho ấn quán I.D.E.O, ông chán chường với đời thư ký và muốn làm nhà văn. Nên sau đó chẳng bao lâu ông xin nghỉ việc rồi tìm gặp Tam-Lang, nhờ Tam-Lang vận động để giúp việc cho tòa báo. Tam-Lang liền vận động cho ông vào làm trong ban trị sự, vừa làm nhân viên vừa viết bài cho bên tòa soạn. Nhưng rồi công việc ấy cũng chẳng được bao lâu ông phải xin thôi việc vì ông Bùi-xuân-Thành, thân sinh của ông Bùi-xuân-Học thường hay phàn nàn về việc họ Vũ hay để công việc bê trễ nên cuối cùng Vũ-trọng-Phụng nghỉ việc.

Sau khi nghỉ viết báo, ông lại tiếp tục trở về đời thư ký cạo giấy để mưu sinh, ai cũng nghĩ con người như Vũ-trọng-Phụng đã thoát được kiếp con tằm.

Nhưng không, bằng đi một thời gian, người ta lại thấy ông xuất hiện trên tờ NHẬT-TÂN với những thiên phóng sự ký bút hiệu THIÊN-HU, loạt bài phóng sự này lửa của ông trên tờ báo này là „Cạm bẫy người“, một loạt bài phóng sự nói lên tất cả những mảnh khõe của nghề cờ bạc bịp. Tiếp theo Vũ-Trọng-Phụng lại tiếp tục xuất hiện trên nhiều báo khác với các loạt bài tiểu thuyết phóng sự khác như : Kỹ nghệ lấy Tây, Lục-si, Cơm thầy cơm cô v.v... tất cả những thiên phóng sự này đều ký bút hiệu Vũ-Trọng-Phụng.

Chỉ trong vòng có mấy năm, tên tuổi của Vũ-trọng-Phụng đã trở thành quen thuộc với độc giả trên toàn quốc từ Nam chí Bắc. Trong thời gian này Vũ-trọng-Phụng đã lần lượt cộng tác với các báo :

— Ngọ Báo, Công-Dân, Tân Thiểu-Niên, Hà-Nội Báo, Tao-Đàn, Đông-Dương, Tiểu-Thuyết thứ bảy, Sông Hương.

Trong vòng mười năm, Vũ-Trọng-Phụng đã hoàn thành được tất cả 15 tác phẩm đáng kể sau :

1. *Cạm bẫy người* (Phóng sự)
2. *Không một tiếng vang* (Kịch)
3. *Kỹ nghệ lấy Tây* (Tiểu thuyết phóng sự)
4. *Dứt tình* (Tiểu thuyết)
5. *Số đỏ* (Tiểu thuyết)
6. *Giết mẹ* (Truyện dịch theo tác phẩm LUCRÈCE BORGIA của đại văn-hào Pháp VICTOR HUGO)
7. *Làm đi* (Tiểu thuyết phóng sự)
8. *Lấy nhau vì tình* (Tiểu thuyết)
9. *Quí phái* (Tiểu thuyết)
10. *Cơm thầy cơm cô* (Tiểu thuyết phóng sự)
11. *Giống rẽ* (Tiểu thuyết tả chân)
12. *Cái ghen đàn ông* (Truyện ngắn)
13. *Vỡ đê* (Tiểu thuyết)

14. *Trúng số độc đắc* (Tiểu thuyết châm biếm)

15. *Người tù được tha* (Tiểu thuyết di cảo)

Cuộc đời Vũ-trọng-Phụng chẳng được bao nhiêu sung sướng mà bất hạnh thì đầy đầy, ông chẳng may lại mắc bệnh lao, một chứng bệnh nan y. Phần nhĩ nghèo lại thiếu thuốc men nên việc chết chóc đối với họ Vũ là một chuyện tất nhiên không sao tránh được. Hoàn cảnh cơ hàn đến độ ông đau phải nhờ Ngô-Tất-Tố làm toa trị liệu. Trong thời gian đau yếu nằm liệt trên giường bệnh Vũ-trọng-Phụng đã sáng tác được ba quyển *Trúng số độc đắc*, *Vỡ đê* và *Người tù được tha*.

Riêng tác phẩm « *Người tù được tha* », ông đã phó thác tâm sự ít nhiều vào quyển truyện này. Có điều đau khổ đáng nói là tác phẩm « *Trúng số độc đắc* », viết xong ông mang lên cho nhà Tân-Dân đề trừ số nợ, tiền bản quyền cũng vừa đủ với số tiền thiếu từ trước và ông nhắm mắt sau đó mấy ngày.

Sau một thời gian đau yếu vì lao phổi, đến ngày 13 tháng 10 năm 1939 Vũ-Trọng-Phụng, một nhà văn tả chân và phóng sự nổi tiếng nhất trong Văn-Học Việt-Nam thời tiền chiến đã tạ thế tại số nhà 73 phố Cầu Mới, ngoại ô châu thành Hà-Nội, ở ngay bên cạnh nhà của thi hào Tân-Đà Nguyễn-khắc-Hiếu, trên tay bà mẹ già, hưởng thọ 28 tuổi.

Vũ-trọng-Phụng qua đời trong cảnh cơ hàn túng thiếu bên một người mẹ già và để lại cho đời ngót mười lăm tác phẩm. Ông đã tự tạo cho mình một chỗ ngồi riêng biệt trên Văn-Đàn Việt-Nam mà từ trước và sau ông có lẽ Việt-Nam khó lòng tìm được một nhà văn nào nổi bước kịp.

Nếu Vũ-Trọng-Phụng không bị thần chết cướp đi chắc chắn Văn-Học Việt-Nam sẽ còn đón nhận thêm nhiều tác phẩm giá trị khác sâu xa hơn, tế nhị hơn và giá trị hơn những *Số Đỏ*, *Giông Tố* hay *Cơm thầy Cơm cô* hoặc *Dứt tình*.

ĐỀN CON NGƯỜI THẬT CỦA VŨ-TRỌNG-PHỤNG

Theo Lan-Khai trong « Vũ-Trọng-Phụng, mớ tài liệu cho Văn-Sử Việt-Nam » do nhà Minh-Phương ấn hành năm 1941 tại Hà-Nội thì Vũ-Trọng-Phụng là một con người có một cuộc sống thật bình dị, bình dị từ lời ăn tiếng nói, cử chỉ đến bộ điệu.

Ta hãy nghe Lan-Khai thuật lại con người Vũ-Trọng-Phụng ;

« Nhà phóng sự kiêm tiểu thuyết gia ấy là một thanh niên kiểu người cao độ thước sáu, mảnh khảnh, vai vuông và lưng hơi gù.

Cái ngày tôi bắt đầu quen anh (1934), Phụng hãy còn mặc áo tã, đồ sa tron, giày Gia - Định, khăn xếp bằng lượt mà chữ nhân sát xuống tận gần cạp lông mày rậm. Bộ quốc - phục vô duyên với anh lắm. Nó đã khiến một vài người tình nghịch trong đám bạn quen gọi đùa anh là bác ' cung văn, câu đùa tởn ấy tất nhiên không được Phụng tưởng thức tí nào. Và, để minh cái tặc mệnh, Phụng đã nhất định dịch phục. Nhưng mà, Phụng cũng đã chẳng sung sướng hơn được chút nào trong bộ quần áo Tây. Người ta trông anh vẫn cộc cạch, lọng khọng, vẫn " thế nào ấy " !

Thêm vào cách ăn mặc nó tố cáo sự thiếu thói quen trang điểm của con nhà giàu và cái đáng cách lúc nào cũng tẽn tò, cũng mặt nhọc ấy, một bộ mặt chữ nhật mà những nét đặc biệt chính là cái màu lúc nào cũng mai mải với đôi quai hàm vuông thước thợ. Mái tóc rẽ tre rẽ lệch của anh thường buông tua tua xuống cái trán phẳng, không cao. Mắt anh rộng và sắc, mũi trái mặt : miệng rộng, môi mỏng và hai góc mép thường kéo dài ra hai bên, lìm cho đôi má hõm nh陷 lại. Cái bệnh ho của anh ngấm ngấm đã lâu nên tôi vẫn giữ trong trí nhớ một cử động nó khiến ta có thể nhận ngay được anh, dù anh lẫn trong một đám đông ; một bàn tay gầy úp lấy mỏ ác, những khi anh ho đã rồi mới nói được

Ồ, những câu nói của Vũ trọng Phụng ! Nếu ta đương háo hức về một dự định nào. nếu ta đương say sưa về một việc tốt đẹp nào : về một dự định nào, và ta muốn giữ cái háo hức, cái say sưa ấy ta hãy lánh xa Vũ-trọng-Phụng. Là vì Phụng chỉ cần độ dăm phút thôi là đã có thể gội nước đá lên lưng ta được, làm cho ta nguội hết nhiệt thành, mất hết tin tưởng, trở nên hoài nghi, trơ trọi và chán ngán. Cái khí giới của anh chỉ là một nhời nói, một cái nhếch mép, thoát nghe và trông tưởng cũng thường vậy mà, sự thực nó sắc hơn dao, nhọn hơn kim.

Tôi còn nhớ một lần ngồi uống rượu với Phụng, tôi, nhân một lúc cần tâm sự, đã nói : « Không hiểu sao cứ hễ lâu lâu mà không nhận được bức thư nào của bạn, tôi lại cảm tưởng như cả loại người đã quên tôi rồi ấy !. — « Còn tôi ấy à ? Phụng nhìn tôi bằng một cái nhìn lạnh lẽo, tôi sợ nhất những bức thư của bạn, bất cứ là bạn xa hay bạn gần cũng vậy. Là vì nhớ bố nào tự nhiên lại hỏi vay tiền, thì thực là tai hại ! » Và sau một hớp rượu anh đã kết luận : « Trong chỗ chúng

bạn, tôi ghét nhất sự vay mượn. Ở đâu mà đồng tiền đã lọt đến, sự tốt đẹp sẽ không còn. ”

Cũng như tất cả mọi tâm hồn nghệ sĩ, Phụng cho ở đời chỉ còn tình bạn là đáng cho ta mất nhiều thời giờ hơn cả. Nhưng, sự ưa bạn của anh có một chỗ khả di gọi là quá quắt : sự tỉ mỉ trong cách nhận và trả lại. Anh không bao giờ chịu để ai mời đi ăn một bữa, đi hát một chầu, trước khi anh đã chắc chắn có tiền để sẽ mời tặng lại người ấy ăn hoặc hát. Nhà văn này biểu anh một cuốn sách ; anh tặng lại một cuốn sách khác liền, và — điều này đáng chú ý đặc biệt — cũng dùng đúng những chữ để tặng tiền đầu quyển sách người ta đã đưa cho anh.

Chẳng những trong sự xử thế tiếp vật, Phụng tỏ ra là một người phải chăng hơn ai hết mà thôi, ngay trong ăn, sự mặc anh cũng thế. Chưa ai, trong số các bạn thân của anh, đã được ngạc nhiên thấy Phụng dám phá cách ăn mặc một món lạ bao giờ. Đúng như Nguyễn-Tuân đã nói : quanh đi quẩn lại chỉ hết phở xào rồi lại áp chảo, và đậu rán, và bún chả, và tái bò chấm tương gừng. Trong cái sống phải chăng của Phụng, vẫn theo nhời anh Nguyễn-Tuân, có một cái phải chăng này đáng cảm động hơn hết, ấy là thứ văn-phòng tứ-bảo. Mực anh dùng viết là một thứ mực tím ít khi tương màu, phần nhiều là loãng, là nhạt, là chết. Giấy anh dùng là thứ giấy sáu xu một thiếp đã kẻ sẵn. Ấy là thứ giấy vô danh với cái khuôn khổ của tất cả mọi người. Ngòi bút Phụng thích dùng nhất là cái thứ ngòi Incomparable, xu ba ngòi. Giấy bút mực ấy là giấy bút mực của học trò. Thật là bình dị quá. Thế mà nhời vẫn dùng bút ấy mà ký thác lên trang giấy ấy lại chẳng soàng sinh chút nào. (Trích trong « VŨ-TRỌNG-PHỤNG » MỞ TÀI LIỆU CHO VĂN-SỬ VIỆT NAM của Lan-Khai, Minh-Phuong, 1941).

Những thói quen của Vũ Trọng Phụng là như thế, con người thật của Vũ Trọng Phụng như Lan-Khai đã trình bày quả là quá giản dị, sống không kiểu cách, không thích chạy theo thời. Ông chỉ sống với một thái độ hết sức trầm tĩnh một con người mà trong xã hội ngày xưa đã là hiếm hoi khó tìm thấy không có trong xã hội ngày nay.

Vũ-Trọng-Phụng đã có một cuộc sống hết sức khiêm nhường, kèm theo một tính tình thuần hậu,, điều đó đã làm cho những người chung đụng với ông thương mến ông nhiều.

Vũ Trọng Phụng cũng là một con người có chừng mực, luôn luôn giữ đúng lời hứa. Trên bàn làm việc của ông bao giờ cũng có một thời khóa biểu viết bằng mực đỏ, ghi kỹ ngày, tháng phải nộp bài cho nhà báo hoặc nhà xuất bản. Khi ông đã nhận lời giao bài thì ông làm rất đúng một con người quả là khó tìm được trong làng văn.

Còn một điều khác nữa, Vũ-Trọng-Phụng chẳng những viết văn mà thôi ông lại còn ưa làm thơ nữa. Tuy nhiên vì lời thơ không tuyệt diệu mấy nên ông không cho đăng báo bao giờ.

SỒ ĐỎ TRONG LÀNG VĂN

Nếu nói về văn chương thì chúng ta phải công nhận rằng Vũ-Trọng-Phụng là một nhà văn có sồ đỏ trong làng văn, xuất thân từ một người đứng bán hàng cho hiệu buôn dễ rồi bước sang lãnh vực văn học nghệ thuật một cách vững vàng và chiếm được một địa vị không nhỏ trong văn đàn bằng những tác phẩm lớn có một không hai trong thời tiền chiến, chúng ta phải chấp nhận rằng Vũ-Trọng-Phụng đã tìm được cho mình chỗ ngồi tốt trong văn giới.

Những tác phẩm của ông không một tác phẩm nào bị chê trách. Dưới mắt những phê bình thì Vũ-Trọng-Phụng quả là một nhà văn rất xứng đáng chiếm ngôi vị cao cả đó. Xứng đáng vì chiều sâu của tác phẩm lẫn phong thái, cốt cách của cá nhân họ Vũ nữa.

Trong *Nhà Văn Hiện Đại*, Vũ Ngọc Phan đã viết như sau :

“Về phần ông, tấn tuồng đã xong rồi ; ông có thể hoàn toàn sung sướng, vì cái vai trò về đường trí thức và tinh thần của ông, tuy ông đóng không bền, mà đã lỗi lạc, hơn nhiều người múa mang từ lâu trên sân khấu.” (Nhà Văn Hiện Đại của Vũ-Ngọc-Phan, Trang 596, quyền III).

Vũ-Trọng-Phụng đã thành công quá rõ ràng và quá to lớn, sự kiện này là một sự kiện hiển nhiên không ai chối cãi được. Phải thẳng thắn mà nói rằng trong giai đoạn tiền chiến, giai đoạn mà chữ quốc ngữ chưa tiến đến trình độ tân tiến như ngày nay, Vũ Trọng Phụng đã thành công như thế trong những tác phẩm của ông mà ngày nay chúng ta được đọc phải khâm phục rằng ông quả là người

có một chân tài hiếm có. Không riêng gì giai đoạn 1932-1933 mà cả cho đến bây giờ và chắc chắn về sau này nữa người theo kịp họ Vũ quả là khó tìm.

Đi từ những nhận thức ấy, chúng ta có thể nói là Vũ-Trọng-Phụng là người đã có một số đồ trong trường văn trận bút, điều mà tất cả những ai làm văn nghệ cũng ao ước được như ông.

NHUNG, BẮT HẠNH GIỮA TRƯỜNG ĐỜI

Nếu cuộc sống tinh thần của họ Vũ quả là những thành công to lớn, những chiến thắng rõ ràng, tên tuổi của Vũ-Trọng-Phụng đã lên đến tột cùng của danh vọng trong văn chương thì ngược lại giữa trường đời ông là một con người chịu nhiều cơ cực đắng cay, những cơn giông tố phủ đầu trên bước đường tranh sống.

Như chúng ta đều biết Vũ-Trọng-Phụng lâm bệnh đúng vào giai đoạn ông đang sáng tác mạnh nhất, nhưng chẳng may lại vướng chứng lao phổi, một chứng bệnh mà lúc bấy giờ Đông cũng như Tây Y đều chịu bó tay và coi đó như một chứng bệnh ngặt nghèo nguy khốn không mong cứu chữa.

Gia đình họ Vũ lại quá nghèo, sống với bà mẹ già tiền bạc thiếu trước hụt sau gánh nặng gia đình ngày thêm nặng, nghèo đến nỗi không có tiền thang thuốc phải nhờ Ngô-Tất-Tố kẻ đơn quai là hết mức.

Cuộc sống cùng túng đã theo đuổi ông suốt trọn đường đời, trong những ngày thơ ấu đã phải làm một kẻ thiếu tình cha chỉ còn một mẹ, đến lúc lớn lên lại phải vật lộn với đời tìm lấy sự mưu sinh trong câu văn nét bút, làm việc thật trong sạch, thật bình dị cốt để an thân nhưng cuộc đời quả là tấn kịch liên tiếp. Đối với văn nghiệp ông thành công rực rỡ bao nhiêu thì cuộc sống vật chất lại khốn khổ bấy nhiêu. Nếu cuộc sống vật chất của Vũ-Trọng-Phụng không quá nghèo nàn như vậy có lẽ họ Vũ không mất sớm trong số tuổi chưa được ba mươi, nhưng nếu cuộc sống của Vũ sung túc, dư giả tự thừa thiếu thời có lẽ trên văn đàn Việt-Nam chúng ta chưa gặp được một Vũ-Trọng-Phụng tác giả của Giông-Tố, của Cạm bẫy người hay của Số đỏ như ngày nay.

Vũ-Trọng-Phụng quả là con người có số đỏ trong làng văn, nhưng luôn luôn gặp giông tố ngoài trường đời vậy.

Sau đây là mấy câu đối của các bằng hữu viếng Vũ-trọng-Phụng :

Trời hỡi ! Ông sao ác quá chi, nặng nghiệp vãn nhân, chết vẫn ngậm hờn chưa đạt chí.

Phụng ơi ! Anh nở bay với mấy, đau lòng mặc hữu, sống còn sợ nỗi khó an thân.

TCHYA ĐÁI-ĐỨC-TUẦN

« Cạm Bẫy Người » tạo hóa khéo căng chi ?

Qua « Giông Tố » tưởng thêm « Số Đủ ».

Số « Độc Đắc » văn chương vừa trúng thế,

Bỗng « Dứt Tình », « Không một tiếng vang ».

ĐỒ-PHỒN tức BUI-HUY-PHỒN



TRẦN-CỬU-CHẤN

Tiến-sĩ văn-chương

Đại học đường Paris

cung oán ngâm khúc bình chú

(xin đọc V.H.T.S. Số 3 - 1970)

- 277 Khi bóng thỏ chênh vênh trước nóc,
278 Nghe vang lừng tiếng giục bên tai.
279 Dề chừng nghĩ tiếng tiêu đời,
280 Nghiêng bình phản mồi mà nhồi má nheo.

Bình chú

277 *Bóng thỏ* : Hai chữ này do chữ *thỏ ánh*. *Bóng* là sáng thấy lộ bóng mình. *Thỏ* do chữ *thỏ* là tên một loài thú nhỏ lông trắng hay vàng, tai dài, tính nhát, tiếng Pháp gọi là « lièvre » hay « lapin ».

Bóng thỏ ở đây tức là bóng trăng, vì tục truyền trong cung trăng có con thỏ ngồi tán thuốc, cho nên trong thi thơ mặt trăng thường gọi là thỏ bạc, thỏ trắng, ngọc thỏ.

Truyện Kiều có câu thơ số 1269-1270 nói :

Lần lần thỏ bạc ọc vàng,
Xót người trong hội đoạn tràng đời con.

Phạm-gia-Kính dịch chữ *bóng thỏ* rất lơ mờ mà viết : *le lièvre lunaire* không có nghĩa gì hết trong tiếng Pháp, phải dịch lại như vậy cho minh bạch : « la clarté de la lune ».

Chênh vênh : *Chênh* là nghiêng. *Chênh vênh* là tiếng đôi đề nói mặt trăng hoặc mặt trời đương lặn nhưng vùng tròn sáng còn ở lưng chừng trên chân trời, cùng một nghĩa với *chênh lệch*. Không nên lộn với chữ *chênh chênh* là

xế tà, ở trên cao sắp xuống dưới thấp, như trong truyện Kiều có câu thơ số 184-185 nói :

Chênh vênh bóng nguyệt xế màn nh,
Tựa ngời bên triện một mình thiu thiu.

Nóc : Nóc là cái phần cao nhứt của hai mái nhà ráp lại ở trên, tiếng Pháp gọi là « le faite ».

Có bản chép :

Khi bóng tỏ chênh vênh trước ốc.

Chữ ốc nghĩa là nhà, cũng nói nóc nhà, ở đây không đúng bằng chữ nóc mới rõ vừng trắng lấp ló ở chót vót nhà.

Trong hai câu thơ số 276-277 chữ *huỳnh* ở cuối câu bát (276) phải hòa vận với chữ *vênh* trong câu thất nhất (277), nhưng vì không đồng âm cho nên có thể coi như chuyết-vận.

278 Giục : Giục do chữ xúc là hối ai, khiến làm việc gì, xúi biếu.

Hai câu thơ số 277-278 ý nói cung-phi trong lúc mơ màng mắt dờn ra ngoài sân thấy bóng trắng chênh vênh trên nóc cung-điện, bên mương tượng nghe như có tiếng người hối thúc kêu gọi gần bên cung cấm.

Trong hai câu thơ số 277-278 chữ *nóc* ở cuối câu thất nhất (277) phải hòa vận trắc với chữ *giục* trong câu thất nhì (278), nhưng vì không đồng âm cho nên có thể coi như chuyết-vận.

Câu thơ số 278 cần sắp chữ lại cho câu văn xuôi nghĩa hơn : Nghe tiếng giục vang lừng bên tai.

279 Đè chừng : Đè chừng là độ theo, cho là, nhằm chừng. Truyện Kiều có câu thơ số 1361-1362 nói :

Sinh rằng hay nói đè chừng,
Lòng đây lòng đấy chưa từng hay sao.

Tiêu đời : Tiêu là nhỏ. Đời là con ở gái. *Tiêu đời* tức con. đời là đây tớ gái phò đề sai khiến và giúp việc trong cung cấm, cũng gọi là tỉ tấ, tùy nhi hoặc tiêu hầu.

Câu thơ số 279 ý nói cung-phi trong lúc mơ tưởng nghe tiếng ở ngoài sân kêu, cho là tiếng đứa gái hầu báo tin nhà vua đến cung nàng như mỗi khi ngày trước.

Trong hai câu thơ số 278-279 chữ *tai* ở cuối câu thất nhất (278) phải hòa vận với chữ *đôi* ở cuối câu lục (279), nhưng vì không đồng âm cho nên có thể coi như chuyết-vận.

280 *Nghiêng* : *Nghiêng* là đề đứng xiên một bên. Ở đây muốn nói cái bình không đầy nên phải đề ngả mà đề lấy đồ từ trong ra.

Phấn mốc : *Phấn* theo bộ *mễ* (hột gạo) là một thứ bột trắng rất mịn đàn bà dùng giội mặt cho tươi đẹp. *Mốc* là thứ rêu nhỏ do hơi ẩm sinh ra, xem thêm chú-thích chữ *nầy* trong câu thơ số 77. *Phấn mốc* ở đây đề nói phấn bỏ lâu ngày sinh ra con mọt ăn thành lớp ở trên mặt, làm phai màu và mất mùi thơm, nghĩa là phấn giội mặt bị mốc meo.

Phạm-gia-Kính dịch không đúng chữ *phấn mốc* mà viết : *fard ranci*, vì chữ *ranci* dùng nói riêng cho dầu mỡ để lâu ngày trở thành đặc và lấy màu vàng có mùi hôi, phải dịch lại như vậy cho đúng nghĩa : *fard moisi*.

Giồi : *Giồi* (chùi) là lấy phấn xoa trên mặt rồi chà cho da trở ra trắng trơn bóng. Có bản chép :

Nghiêng bình phấn mốc mà nhồi má nheo.

Chữ *nhồi* là trét vào ở đây không hợp nghĩa, cũng vì chữ *giồi* đọc rồi viết theo giọng địa-phương cho nên có sự sai lầm ấy.

Nheo : *Nheo* là nhăn nhú, nói về da mặt gầy ốm. Có bản chép :

Nghiêng bình phấn mốc mà giồi má gieo.

Chữ *gieo* tức là chữ *nheo* đọc rồi viết theo giọng địa-phương ở Huế thường đọc nh như gi.

Câu thơ số 280 ý nói cung-phi nghe tiếng con đôi ngoài sân tưởng vua đến cung cấm, bèn lấy bình phấn lưng bỏ lâu ngày mốc meo, rồi nghiêng bình lấy phấn mà tô hai má, vì sầu não nên da nhăn nhú lại.

- 281 Ai ngờ tiếng quyen kêu rả rả,
 282 Diệu thương xuân khóc ủ sương khuê.
 283 Lạnh lòng nào thấy ủ ê,
 284 Khí bi thương sức nước hê lạc hoa.

Bình chú

281 *Quyen* : Cũng gọi là đồ-quyen hoặc tử qui tức là con chim cuốc mình nhỏ, cẳng cao, lông xám đen, tiếng to và dài kêu lúc trời chạng vạng trong bờ bụi gần ao nước, tiếng Pháp gọi là « râle d'eau ». Theo sách « Hoa dương quốc chí » nói ngày xưa vua Đổ-Vũ đất Thục sau khi mất nước, chết hóa ra con chim đồ-quyen mỗi đêm kêu tiếng bi thảm, rồi hộc máu ra chết. Đó là chuyện hoang-đường không đáng chú ý. Truyện Kiều có câu thơ số 1307-1308 nói :

*Dưới trăng quyen đã gọi hè,
 Đầu tường lửa lựu lập loè đâm bông.*

Trong văn-chương ta Bà Huyện Thanh-Quan trong bài thơ « Qua đèo Ngang » có nhắc đến con chim quyen mà viết :

*Nhớ nước đau lòng con quốc quốc,
 Thương nhà mỏi miệng cái gia gia...*

Chim quyen hoặc chim quốc dùng tượng-tượng lòng thương nước nỗi lòng của kẻ xa cách quê-hương mượn chữ quốc đề ám-chỉ nước nhà.

Rả rả : *Rả* là luôn không dứt. *Rả rả* tức ra rả là tiếng đôi dùng âm đề gọi tiếng to kêu vang nghe không dứt, trong văn Pháp gọi là onomatopée (tượng thanh âm). Trong « Bần Nữ Thán » có câu thơ số 137-138 nói :

*Nghe oanh thành véo von rộn rả,
 Nghe quốc nê ra rả giọng rên.*

Câu thơ số 281 ý nói cung-phi tưởng nghe tiếng con tiều hâu, ai ngờ là tiếng chim cuốc kêu trong lùm cây với giọng thảm sầu suốt đêm.

Phạm-gia-Kính dịch chữ quyen rất sai mà viết : *le coucou* tức là con chim tu hú thường kêu lúc trưa nắng và thuộc về loài leo trèo, tiếng Pháp gọi là « le »

grimpeurs », khác hẳn với chim cuốc thuộc về loài chim cao cẳng, tiếng Pháp gọi là « les échassiers ».

Trong hai câu thơ số 280-281 chữ *gieo* ở cuối câu bát (280) phải hòa vận với chữ *kêu* trong câu thất nhất (281), nhưng vì không đồng âm cho nên có thể coi như chuyết-vận.

282 *Điệu* : *Điệu* là khúc nhạc, cung nhịp, ngón đàn.

Thương xuân : *Thương* là đau thương. *Xuân* là mùa xuân.

Thương xuân là thương nhớ tình-tứ trong tuổi xuân.

Ở đây chữ *nầy* dùng nói một khúc hát đề than van đời người mau chóng không được hưởng hạnh-phúc vẹn tròn.

Trong sử có chép chuyện ông Phạm-Thân mới có 29 tuổi mà đầu tóc bạc phơ vì không gặp thời-vận may mắn, cho nên đặt khúc ca « *Thương xuân* » đề tự than số phận dở dang.

Ả : *Ả* dùng gọi người đàn bà con gái nhiều cách :

- 1) Người đàn bà có tài sắc vắng mặt hoặc đã qua đời.
- 2) Người đàn bà đóng một vai tuồng trong ban ca kịch.
- 3) Người gái giang-hồ.
- 4) Đứa trẻ gái.

Ở đây chữ *ả* dùng theo nghĩa thứ nhứt thì rất đúng.

Truyện Kiều có câu thơ số 15-16 nói :

Đầu lòng hai ả tố nga,
Thúy-Kiều là chị em là Thúy-Vân.

Sương khuê : *Sương* là người đàn bà mất chồng, người góa. *Khuê* là cái buồng ở trong nhà. *Sương khuê* là cái phòng riêng của người đàn bà góa ở trong nhà. Ở đây hai chữ *nầy* dùng nói nàng cung-phi coi như người góa chồng, nhưng chồng vẫn còn sống.

Câu thơ số 282 ý nói cung-phi nghe tiếng quỳên kêu thê thảm đêm khuya như tiếng ai than thở tình xuân khóc người sương-phụ một mình trong khuyết.

CUNG OÁN NGÂM KHỜC...

phòng như nàng lúc này lẻ loi xa kẻ chung-tình không khác gì người vọng (196).

283 *Lạnh lòng*. (Xem chú-thích chữ này trong câu thơ số 227).

Ủ ê : *Ủ* do chữ *ưu* là coi bộ buồn rầu. *Ủ ê* là tiếng đôi đề nói nỗi cảm-động xuất ra trong lòng trước một tình-cảnh buồn người làm con người phải buồn bực Truyện Kiều có câu thơ số 1993-1994 nói :

*Nàng càng e lệ ủ ê,
Rỉ tai hỏi lại hoa thì trước sau.*

Câu thơ số 283 ý nói cung-phi ngồi trong phòng vắng lạnh, không một ai ngó ngang đến, mà cảm thương số phận cô đơn.

Có bản chép :

Lạnh lòng nào thấy ỏ ê.

Chữ *ỏ ê* tức là chữ *ủ ê* viết sai hoặc đọc theo giọng địa-phương.

284 *Khí* : *Khí* là không khí, hơi bay phất phơ.

Bi thương : *Bi* là buồn. *Thương* là đau lòng. *Bi thương* là buồn bực và thương tiếc.

Sực nức : *Sực nức* đề nói mùi hương xông mạnh lên và bay lan xung quanh. Truyện Kiều có câu thơ số 1471-1472 nói :

*Huê lan sực nức một nhà,
Từng cay đắng lại mặn mà hơn xưa.*

Hè : *Hè* là phía ngoài mái sau nhà. Phạm-gia-Kính dịch không đúng chữ *hè* mà viết : *la véranda*, phải dịch lại như vậy : les abords de la maison.

Lạc hoa : *Lạc* là rơi rụng. *Hoa* là tinh-anh của cây cỏ. *Lạc hoa* là cành hoa gãy ngang rơi rụng xuống đất.

Có bản chép :

Khi bi thương sực nức hè lạc hoa.

Chữ *khí* không hợp nghĩa câu văn, vì theo văn-phạm thì chữ *sức* nước là động-từ cần có một chủ-từ là chữ *khí*.

Câu thơ số 284 ý nói cung-phi không biết lấy gì mà giải nhien trong cảnh đơn chiếc, chỉ có không-khí đầy mùi hoa ủ dột bay phảng phất ngoài hè nhà, ngửi đến thì lòng cảm đau vô tận.

Câu thơ số 269 đến câu 284 tức là 16 câu tả một tranh mùa thu rất linh động : nào luồng gió thổi ào ào trên cành cây quăn quại, nào đêm thanh dưới bóng nguyệt dốm dốm gieo đầy điếu sáng, nào để sầu quyền khóc như giọng người than thời-tiết lạnh lùng, trong khi cung phi ngằn ngơ lúc nghe tiếng xe vua kéo đến cung cấm, lúc thì tưởng con đòi báo tin vui bên tai, nhưng toàn là giấc-mộng giả dối trong cảnh đêm dài mùa thu.

Từ câu thơ số 269 đến câu 284 chia ra bốn đoạn tứ cú đối nhau về cảnh và về cảm rất hay : cảnh-vật sinh cảm-hứng, rồi cảm-hứng thành nên thơ.

Trên thì *trận gió lung lay cành bích*, dưới thì *bóng thỏ chênh vênh trước nóc*, có khi *giọng bi thu gọi kẻ cô phòng*, có lúc *điếu thương xuân khóc ở sương khuê*, nào là *song phi huỳnh*, nào là *hè lạc hoa*...

Bốn câu 269-272 đối với bốn câu 277-280, và bốn câu 273-276 đối với bốn câu 281-284, cũng như hai mặt người, một mặt thì nở nang vui sướng đầy hi vọng, còn một mặt thì cau có than tiếc rất thảm thương, cũng một cảnh mà gây ra hai tâm-hồn khi trông mong khi oán hận.

Đó là cái đẹp của văn-chương, cái tài-tình của nhà thi-si đứng trước vũ-trụ mà lòng trí phan-phui cảm-khái vô biên.

(Còn nữa)



LÊ-HƯƠNG

tìm hiểu vương quốc phù-nam

(xin đọc V.H.T.S. số 3, 1970)

HẢI CẢNG ỐC EO

Vào tháng 2 năm 1944, Ông Louis Malleret, nhà khảo cổ Pháp đến vùng Ốc-Eo thuộc xã Mỹ-Lâm, tổng Kiên Hảo, tỉnh Rạch Giá (năm 1957 đổi là quận Kiên-Thành, tỉnh Kiên-Giang) khai quật di tích một thành phố bị sụp đổ trong lòng đất. Đó là hải cảng Ốc Eo của Phù-Nam, nơi tiếp đón các thương thuyền ngoại quốc, tên xưa là Ur Kêv có nghĩa là lay chuyền, xô đẩy, làm chấn động. Cổ nhân gọi như thế có lẽ để ghi dấu một thị trấn bị chôn vùi vì địa chấn hoặc vì hồng thủy đã mang đất phù sa đổ xuống quá nhiều và một cách bất ngờ. Giả thuyết này có phần đúng hơn là một nhà khảo cổ Pháp cho rằng chữ Ur Kêv gần giống như tiếng Ô Keo của người Miên có nghĩa là "con rạch quý giá", "rạch kim cương", vì các nhà địa chất học ngày nay tính rằng hằng năm sông Mekong mang ra biển từ 500 đến 1.200 triệu thước khối phù sa bồi ngay mũi Cà Mau ra biển trung bình từ 60 đến 80 thước. Từ mũi Cà Mau trở lên phía Bắc đến Vàm sông Cái Lớn (Rạch-Giá), bãi biển lan ra tuy chậm nhưng ngó thấy rõ ràng. Do đó, người ta ước đoán rằng thuở ấy bờ biển còn nằm trong xi, ngay chỗ tìm thấy di tích thành phố Ốc-Eo rồi do một trận thiên tai, phù sa đổ sập xuống chôn vùi vào lòng đất. Và từ đấy mỗi năm bồi thêm một ít cho đến bây giờ bờ biển cách hải cảng lối 25 ngàn thước ! Ngoài vùng Ốc-Eo, người ta còn tìm thấy nhiều chiếc ghe lớn có cột buồm nằm sâu dưới đất ở phía Tây U Minh Thượng (An-Xuyên), những đống sò ốc, vỏ ốc nằm lộ thiên hàng ngàn thước ở Giồng Đá, xã Bàn-tân-định (Rạch Giá) và ở giữa khoảng núi Sập, núi Ba-Thê. Hai vùng sò ốc này đến nay chưa được nghiên cứu hoặc khai quật kỹ lưỡng, vì nạn chiến tranh, nhất là vùng thứ nhì gọi tắt là "Sò" ở gần Ốc-Eo.

Ông Malleret nói rằng ông được biết sự hiện diện của hải cảng này trong lịch sử từ đầu năm 1942 do một món nữ trang bằng vàng của một nông phu bắt

gặp khi vỡ ruộng trong một vùng không có tên ở tỉnh Rạch-Giá. Có người mô tả hình dáng vật ấy giống như sợi dây nịt kết bằng nhiều mảnh vàng móc nối với nhau, có người cho rằng nó giống như cái mào chạm hình bông hoa, có người lại nói là chiếc vòng đeo ở cổ. Ông nhất định tìm hiểu sự thật nhân dịp đi khảo sát về các dấu tích xưa cũ trong phần đất thuộc tỉnh Châu-đốc, Long Xuyên, Rạch-Giá và Hà-Tiên. Ngày 3-4-1942, Ông chú ý đến một tượng Phật nhỏ bằng đồng kiểu mẫu ít khi có, đề trên bàn thờ một ngôi chùa ở Ba-Thé. Người bơi xuồng đưa ông đi nói rằng người ta tìm tượng Phật ấy trong vùng đã phát giác món vật kể trên.

Sự thật thì người Việt quanh vùng đã đào gặp nhiều món nữ trang bằng vàng từ 5, 6 năm trước. Những mảnh vàng hình rồng, khắc chữ Nho, khắc chữ Thọ, chữ Phước, hình ngỗng Thần, bò Thần theo đạo Bà-la-môn, được nấu thành vàng khối đem bán ở Phnom Penh vì người tìm được sợ bị tịch thu và bắt bớ. Một nhà báo thời ấy đăng bài phóng sự phóng đại tin này làm kích động thêm tánh tham của dân chúng. Hàng ngàn người ở khắp nơi đổ xô đến đào xới. Hàng quán, tiệm mua vàng cầm đồ mọc đầy như cái chợ, có cả hát bội, cải lương. Chánh quyền địa phương ra lệnh ngăn cấm, bắt người đào và kẻ mua. Người ta ước lượng số bảo vật mất đi nhiều bằng 9 phần 10 số còn lại hiện thời.

Sau nhiều tháng nghiên cứu sử sách và các hình chụp trên tàu bay để tìm địa điểm hải cảng, Ông Malleret quả quyết rằng món nữ trang kia sản xuất đồng thời với nhiều món khác đã xuất hiện trước đây và nhất định do một đô thị cũ kỹ mà ra. Theo tài liệu và hình ảnh thu thập được, ông thấy một vòng đai vuông vức lối một ngàn năm trăm (1.500) thước mỗi góc, như thế, thành phố xưa kia chiếm lối 225 mẫu, nhưng đến khi quan sát tại chỗ, ông nhận thực là một hình chữ nhật ngang 1500 thước, dài 3000 thước, tính luôn cả vòng thành là 450 mẫu, bằng phân nửa diện tích thủ đô Angkor Thom của Cao-Miền thời xưa. Căn cứ vào những dấu vết trên đất, ông cho đào 22 nơi và tìm thấy 12 di tích kiến trúc hiện chỉ còn lại những nền móng chìm dưới mặt đất 60 phân. Trong số này có di tích quan trọng của hai ngôi đền lớn. Một ngôi còn lại nhiều căn phòng với vách tường cao gần bốn thước, một ngôi lát sàn bằng nhiều viên đá hoa cương có chạm trổ hoặc không, kết dính nhau bằng lỗ mộng. Một viên đá lát nguyên khối này bề dài 3 thước 15, bề ngang 2 thước 75, dày 0 th 28. Sau cùng có nhiều viên đá hoa cương không biết cở nhân dùng làm gi, đục đẽo sơ sài, sắp xếp giống hình một căn phòng hình chữ nhật, hoặc chắt thành ống cống theo hình vuông dài, một linh phù (linga) bằng đá tạc giống như thật bề cao 1 thước 73 nằm dưới đất,

một tượng đá Bùn tạc thân trên của người đàn ông, nghiêng mình trên chân trái duỗi thẳng. Rải rác chung quanh các công trình kiến trúc này, nhà khảo cổ tìm thấy chén bát, lu, hũ bằng đất nung, khí cụ làm ruộng, những đồ dùng nhỏ bằng đồng và nữ trang. Có nơi ông thấy các món nữ trang nằm trên cát và xem xét các dấu vết gần đấy ông có thể suy luận đó là nhà kim hoàn. Ông cũng thấy những căn nhà sàn giống như nhà của đồng bào ở các tỉnh có nước ngập. Tiếp tục đào sâu thêm một thước tám (1th.80) ông thấy nhiều xương cốt của người và thú vật, vỏ ốc và chén, bát bằng đất nung. Suy nghiệm những món vật nặng cột theo chuỗi lưới, ông cho biết dân chúng sống với nghề đánh cá. Hiện thời tuy từ Ốc-Eo ra đến bờ biển cách 25 cây số, nhưng người ta có thể quả quyết vào thời ấy, hải cảng này ở sát mặt nước. Ngoài những hạt chai nhuộm màu và có mài mặt, những viên kim cương thuộc hạng nhì như hồng mã não mà nhà khảo cổ tìm thấy có viên đang làm dang dở, ông cho rằng có thể các đồ vật bằng đất nung được làm tại chỗ vì ông thấy một cái vỏ bằng gỗ để đập đất gần giống như vỏ của người Cao-Miên dùng hiện nay. Tiếp tục đào xới khắp nơi, ông tìm thấy :

— Vết tích những căn nhà sàn bằng vật liệu nhẹ, nền vách đèn thờ xây bằng gạch và đá hoa cương.

— Nhiều lưới búa bằng đá mài, nhiều đồ dùng bằng đất nung.

— Hàng ngàn hạt chuỗi bằng thủy tinh và đá quý.

— Hơn 60 bảo thạch, ấn, ngọc chạm bằng nhiều loại mã não, thạch anh.

— Lối 100 cổ vật bằng đồng, tượng nhỏ và búa phủ bằng thiếc, vài cổ vật bằng sắt.

— Trên 1 000 mỹ trang phẩm đủ loại (nhẫn, hoa tai, vòng...) bằng vàng nguyên chất, cân nặng cả thấy trên 1.000 grammes.

Trên một diện tích 75 thước vuông có 107 loại đồ vật được ghi làm bằng chứng trong ấy có 576 viên bằng đá cứng hoặc bằng thủy tinh thường thường tạc theo hình nhỏ nhiều màu như xanh dương, xanh lá cây, đỏ, nâu, vàng hay đen, tất cả nằm rải rác trên một bình diện 48 thước vuông. Những món vật bằng kim khí không được nhiều, một xâu chuỗi vàng, hai viên chuỗi bằng thau, phần nửa cái chuông nhỏ bằng đồng và hai món đồ bằng bạc : một phần đồng tiền và một miếng dẹp hình vuông khắc hình con ốc biển ở giữa. Ngoài ra những mảnh vàng rải rác trong lớp cát chỉ có hai miếng cút sắt được

tìm thấy mà thôi. Ngoại trừ một cái bình nhỏ có nắp bằng đất nung và một cái giá bốn chân, những chứng tích về loại đồ gốm đều là mảnh vỡ không còn bình đáng gì cả.

Vài miếng ngói dợn sóng mỏng đã vỡ nằm trên mặt cát, phía dưới lớp đất có nhiều mảnh gạch vụn. Theo một di tích của căn nhà còn lại dưới lớp đất có nhiều miếng vàng nhỏ mỏng hoặc viên tròn lớn nhỏ khác nhau từ một phần mười ly đến hai ly. Vài món nhún bằng kiến hiền vì cho thấy dấu vết của khi cụ rạch từng đường thật nhỏ đúng là tác phẩm của thợ kim hoàn. Gần đấy có một cái núm của nắp đầy bằng đồng và một cái hũ để lật úp bên trong có vài miếng đất nung vỡ và nhiều mảnh than. Một đầu cột sàn nhà đường kính 20 phân còn đứng sâu dưới đất, một đoạn cột khác nằm dài trong bùn. Hai cái giếng đào ở ranh đô thị về hướng Đông Nam và Tây Bắc.

Căn cứ vào kỹ thuật chế tạo các đồ vật trên và đối chiếu các bản văn khắc trên đá, người ta phỏng ước rằng văn minh Óc-Eo đã phát triển vào giữa thế kỷ thứ 2 và thứ 3 Dương lịch và toàn thịnh từ thế kỷ thứ 3, thứ 4. Trong tổng số đồ vật tìm được, người ta phân biệt loại "bản xứ" và loại "du nhập". Loại sau này có tính cách đặc biệt quan trọng: nó chứng minh và xác định một thời kỳ thịnh vượng của nền thương mại Phù Nam, đồng thời cũng có ảnh hưởng sâu đậm đối với ngành mỹ thuật xứ này.

Loại đồ vật Ấn Độ có rất nhiều:

— Một đầu tượng Phật bằng đồng kiểu Gandhara (thuộc Trường phái Bắc Ấn vào thế kỷ thứ 1),

— Nhiều chiếc nhẫn vàng chạm nổi hình bò thần NANDIN, con bò của thần Civa cỡi.

— Ấn có khắc chữ Phạn và chữ Brahmi (ở vào thế kỷ thứ 2, thứ 5).

— Ngọc chạm chìm hình phụ nữ tế Thần Lửa, hoặc dâng hoa. chứng tỏ đạo Bà la-môn phái thờ thần Civa đã truyền bá ở Phù Nam.

Kể đến là đồ vật Trung-Hoa, một mảnh gương đời Hậu Hán và tượng Phật nhỏ bằng đồng đời nhà Ngụy (386-557).

Đặc biệt nhất là đồ vật La-Mã gồm có:

— Một huy chương vàng chạm hình Vua Antonin Le Pieux, đánh Páu năm 152 Dương lịch,

— Một đồng tiền vàng chạm hình Marc Aurèle.

— Một loạt ngọc chạm hình như hình chuột kéo xe có gà ngồi trên, hoặc thủy tinh có chạm lõng một cách « hoa tình ».

— Nhiều đồ vật bằng đồng, thiếc, kẽm do các nước miền Địa Trung Hải sáng chế.

— Một đồ vật Ba-Tư thời Sassanide (226-652 Dương lịch).

Các đồ vật liệt kê trên đại loại từ thế kỷ thứ 2 đến thứ 5 minh chứng rằng từ các thế kỷ đầu Dương lịch, Vương quốc Phù-Nam đã có giao thương với nước Trung-Hoa, Mã-Lai, Ấn-Độ, La Mã, Trung-Đông. Không những hải cảng Óc-Eo chỉ tiếp thương thuyền các quốc gia này mà thôi, cả những chiếc Kolandia là chiến hạm hạng lớn chở hàng hóa của thương gia trong các tỉnh ở Vương quốc La Mã sát cạnh Hồng hải.

Các đồ vật « bản xứ » cho biết thị trấn Óc-Eo là một trung tâm công nghệ rất phong phú. Sản phẩm bằng đồng, thiếc cũng như nữ trang bằng vàng, vàng nạm ngọc thạch đạt đến một kỹ-thuật tinh vi. Riêng nghề nấu thủy-tinh và nghề chạm ngọc thạch, mà nào cũng rất điêu-luyện.

Người đời sau thắc-mắc không hiểu vì sao vùng Óc-Eo bị chôn dưới lớp cát ? Nhìn vào những món vật khai quật được, các nhà khảo-cổ có thể chứng-minh là dân chúng đã hấp tấp rời bỏ một cách vội-vàng đến nỗi những đồ quý giá như nữ trang, vàng bạc cũng không kịp mang theo. Phải chăng có một thiên tai hải hùng rơi xuống vùng Óc-Eo. Theo tài-liệu địa chất học thì mỗi năm hầu hết miền tam-giác châu thổ g Cửu-Long đều bị ngập lụt. Chết phù-sa do sông này mang theo bồi đắp thêm cả vùng, ước lượng lối một tỷ rưỡi thước khối. Trong mấy tháng mưa, nước sông chứa nhiều phù-sa hơn tháng nắng.

Ông Malleret cho rằng sự bành trướng của miền tam-giác châu tương đối chậm. So sánh các bản đồ từ năm 1552 đến nay, ta nhận thấy không có sự khác biệt bao nhiêu. Ông nói rằng vùng Óc-Eo hằng năm đều chịu cảnh ngập lụt, bằng chứng là những nhà sàn tìm thấy trong lòng đất. Riêng Óc-Eo bị vùi lấp có lẽ do một trận lụt kinh hồn thình lình đổ ập bùn lầy, phù-sa xuống thành phố. Thiên tai có thể xảy ra vào khoảng cuối thế kỷ thứ 7. Quan sát chung quanh, người ta thấy ở những nơi thấp lợp phù-sa dày lối 2 thước, nơi cao (đất giồng) lối 6 tấc.

Trung bình mỗi năm sông Cửu-Long bồi đắp lớp đất dày từ 0.0005 đến 0.0016 thước hay lối 0,05 đến 0.016 thước mỗi thế-kỷ. Các nhà địa chất học gọi là « phù-sa mới », thuộc thời Pleistocènes (phù-sa cũ thuộc thời Holocènes).

THỊ TRẤN THNOL MOROY

Thị trấn Thnol Moroy, còn gọi là Thnal Mray, thị trấn « trăm đường », đã được nhắc-nhở từ lâu. Năm 1937, ông Lucien Bouscarde, Thanh Tra Học Chánh ở Bạc-Liêu đã ngồi thuyền theo ngả kinh Cạnh Đền đến Quan Lộ đi vào nhưng bị lạc giữa đồng-hoang nên không thể ấn định rõ rệt vị-trí của thị trấn.

Năm 1938, người ta càng bàn tán nhiều hơn, có người cho rằng nơi đó là một địa điểm đóng quân của Vua Gia-Long trong lúc chống nhà Tây-Son, và gọi tên là Liếp Đá, Liếp Bàn, Liếp Vườn, Đền Công-Chúa, hoặc Nền Công Chúa. Người Việt gốc Miên nói rằng đây là một thành phố xưa có nhiều đường lộ hoặc bờ đê nên mới có tên Thnol Moroy, thị trấn trăm đường.

Tháng 4 năm 1938, trong lúc công-tác ở Sóc-Trăng, ông Malleret được một người Việt gốc Miên hướng dẫn theo ngả Cà-Mau xuôi giòng sông Trẹm và sông Cạnh-Đền, qua vùng sinh lầy đến một giải đất rộng mà người đất đường thú thật không còn biết gì thêm nữa. Trên giải đất này ông Malleret tìm thấy một miếng đá lát bằng diệp thạch, vài mảnh đá cát (Hoa cương thạch) và nhiều mảnh nôi, niêu, chén, hũ bẻ. Vùng này hoàn toàn hoang vắng bấy giờ thuộc xã Vinh-Phong, tổng Thanh-Yên tỉnh Rạch-Giá. Người Việt gốc Miên đã dời đi nơi khác trong năm 1926—1927 lúc tên Chuchoc nổi loạn. Trên mặt đất có vài dấu vết đào xới. Người ta quả quyết rằng một vị tu-si ở ẩn trong vùng đã tìm được nhiều thoi vàng.

Cuộc tìm kiếm được tiếp tục vào tháng 4 năm 1943 do ông Lucien Bouscarde, lúc ấy giữ chức Thanh Tra Học Chánh liên tỉnh ở Long-Xuyên đã khám phá được một nhóm gò đồng đắp cao trên ấy có nhiều viên gạch và mảnh chén, nôi bẻ rất giống với loại ở Óc-Eo.

Tháng 4 năm 1944, ông Malleret cùng đi với ông Bouscarde theo một con kinh mới đào bề dài 1.300 thước phía trong Cạnh Đền để tránh vùng lầy mà ông đã gặp năm 1938. Hai ông tìm thấy rất nhiều vỏ sò, ốc trong vùng đất đã san bằng và một đồng lớn vỏ sò huyết không lồ chứng tỏ nơi đó xưa kia là bờ biển. Dọc theo bờ kinh có vô số mảnh nôi chén bẻ mang những nét vẽ giống loại ở Óc-Eo, ngoài ra cũng có vài kiểu khác lạ. Nhiều mảnh vỡ thật lớn chứng tỏ là lu hay hũ

10. Ông Malleret bắt gặp một cái hũ nguyên vẹn và nhiều cổ và chân hũ, những mảnh gạch nại, nhiều xương người và thú vật. Người dật đường đưa ông đến một địa điểm, nơi đó có người vừa tìm được, một ngày trước, sáu cái sọ người nằm gần nhau. Đồng bào trong vùng đã để sáu đầu lâu trên bờ kinh và dự tính sẽ giết heo cúng tế trước khi chôn cất. Ông Malleret thấy bốn cái còn nguyên vẹn, một cái bể nát và cái thứ sáu bị người nào ăn cắp mất hời hóm. Nơi tìm thấy đầu lâu này có rất nhiều xương người ở cách đây lối 50 thước về phía Đông. Không có một bộ xương nào còn nguyên vẹn. Ông đem hết về Saigon luôn cả những đốt xương sống và xương tay, xương chân vừa đào gặp. Ông dò lòng kinh mới đào thấy nhiều nơi sâu từ 1 thước 20 đến 1 thước 90, có nơi 1 thước 50. Chính mớ xương tăn rằm sâu trong lòng đất từng ấy thước Trên đó giữa 50 phân và 1 thước là vỏ ốc; từ 50 phân trở lên là mảnh lu, chén bể. Không ai thấy dấu vết nhà sàn hay đá ong. Cuộc nghiệm xét mặt trong một hồ nuôi cá đào sâu 2 thước 30 cho thấy đất sét màu sậm pha trộn với phân cây có màu đen choán hết bề cao cái hồ, không có xếp từng tầng rõ rệt cả đến lớp cát ở giữa cũng không có. Hai gò đất cao cách nhau lối 20 thước, chung quanh có nhiều viên đá cát lớn bao phủ giống các gò đất ở Óc-Eo. Đá chất thành hình tròn bề cao từ 4 đến 5 thước trong ấy có một ít gạch. Đá cát này rất mịn như đá ở núi Sập.

Tại ngôi Miếu gọi là Miếu Ông Vua hay Miếu Hoàng Tử Cảnh có hai phiến đá thờ gọi là Pesian và một tượng đá hình Dương-vật (linga). Trong nhà một nông dân ở Cảnh Đền có một phiến đá tròn có cạnh. Tất cả những đá thờ, xương người và vỏ sò đều tìm được trong lúc đào kinh. Ngoài ra còn có một miếng cẩm thạch để làm nữ trang, một miếng đá phiến nhám thạch màu xanh lợt giống hình một hoa tai, một chiếc nhẫn có mặt để gắn đá, một miếng kim khí hình tròn có vòng đeo và nhiều viên đá tròn để kết làm vòng đeo cổ, tất cả rất giống những loại nữ trang tìm thấy ở Óc-Eo. Trong nhà một đồng bào, ông Malleret thấy một cái bầu tròn, một cái đĩa có chân bằng đồng đóng mốc xanh giống loại đã tìm thấy ở Tráp đá và Óc-Eo.

Theo bà E. Génét Varcin, những xương người này thuộc giống người Nam-Dương quần đảo gọi là giống Protomalais ở các hải đảo miền Nam di dân lên. Giống người này cùng loại với những người Thượng ở Việt Nam, người Kha, người Boloven ở Lào, người Penang, Bahnar, Plen ở Cao-Miên, người Dayak ở Bornéo.

TRIỀU ĐẠI PHÙ-NAM

LIEOU-YE (?-?)

Nguồn gốc của vương quốc Phù-Nam được ghi trong quyển "Sử ký Tư-Mã-Thiên" về đoạn Sứ-giã Việt-Thượng nhờ kim chỉ nam của ông Châu-Công đi về nước, ngang qua Phù-Nam và Lâm-Ấp, có nói nước Phù-Nam đang có một vị Nữ-Vương tên Say-Liêu trị vì. Ông Mã-Đoàn-Lâm trong quyển "Văn-biên Thông-khảo" ghi rằng Phù-Nam có một Nữ-Vương tên Diệp-Liêu mạnh mẽ, còn trẻ tuổi rất giống con trai, can đảm phi thường, nổi danh trong những cuộc chinh phạt các quốc gia láng giềng. Người Pháp phiên âm danh từ Diệp-Liêu là Lieou-Ye hoặc Ye-Ye (1) và cho rằng có nghĩa là "Lá Dừa". Người Tàu cho là "Lá Dương-Liêu".

Không ai được biết gì thêm về Triều đại này vì Lieou Ye không biết chữ nên không để lại di tích nào và chưa có bang giao với nước Trung-Hoa nên người Tàu không nhắc trong sử của họ.

KAUNDINYA (1-?)

Sử liệu đầu tiên nói về Phù-Nam là tập ký ức của K'ang-Tai (Khang-Thái) và Tchou-Ying (Châu-Ứng), hai vị Sứ-giã Trung-Hoa giữa thế kỷ thứ 3 Dương-lịch. Bản chánh tập ký ức này đã mất nhưng nhiều đoạn còn rải rác trong các Niên Giám và các tập "Bách Khoa toàn thư", hợp với một bản văn viết bằng chữ Bắc-Phạn (Sanskrit) vào thế kỷ thứ 3 Dương-lịch chứng minh được lịch sử của quốc gia này vào hai thế kỷ trước.

Theo Ông K'ang-Tai (Khang-Thái) thì vị Quốc-vương Phù-Nam thứ nhất tên Kaundinya (2) phiên âm là Houen-T'ien hay Houen-Chen, người Việt dịch là Hồn-Điện. Nhà Vua là người ngoại quốc, có lẽ từ Ấn-Độ, bán đảo Mã-Lai hay từ các đảo về phía Nam, nơi đó sử Trung Hoa chép rằng có một vương quốc tên là Kiêu (Kiao). Ngài rất tôn sùng các vị Thần Bà-la-Môn nên

(1) Người Pháp cho rằng "có thể" xưa kia ở Phù-Nam có một "ngành họ tên LÁ DỪA" cũng như họ đã tìm thấy trong lịch sử nước Chiêm-Thành.

(2) Kaundinya theo đạo Bà-La-Môn gốc ở Motie (Ấn-Độ) nơi mà vào giữa thế kỷ thứ 3 người Trung-Hoa gọi là WOU-WEN; ông thuộc vào một ngành họ nổi danh trong vùng Tây-Bắc nước Ấn.

Thần cảm động. Một hôm, Ngài nằm mơ thấy vị Thần trong gia đình cho Ngài một cây cung và truyền lệnh Ngài xuất dương trên một chiếc thuyền lớn. Sáng hôm sau, Ngài vào đền thờ làm lễ và thấy cây cung ở dưới gốc cây, bèn dong buồm ra biển, gió Thần đưa thuyền đến đất Phù-Nam. Vị Nữ-vương Lieou-Ye thấy người lạ liền xua quân cỡi thuyền nhẹ ra định đánh cướp bị Kaundinya bắn một phát tên thần xuyên qua thuyền đến tận chỗ Nữ Chúa đứng, trúng một tên quân. Lieou-Ye hoảng sợ, xin đầu hàng và chịu kết duyên với vị Hoàng-thần Ấn-Độ, lập nên Vương-quốc Phù-Nam. Ngài không bằng lòng thấy vợ trần truồng, lấy tấm vải xếp lại trông từ trên cõ để che thân. Đoạn, Ngài cai trị lãnh thổ tự xưng là « Đại Hoàng Đế nước Phù-Nam » lấy theo vương hiệu Rājādhirāja của Ấn-Độ. Ngài sanh một Hoàng tử và cấp cho 7 thành phố làm ấp phong.

Chắc chắn cốt truyện này là biến thể của một huyền thoại Ấn-Độ nói về Vua Kaundinya và Công chúa Somā, ái nữ của Vua Rāṇa bảy đầu. Truyện thần tiên này được khắc trên bia đá tìm thấy tại Mỹ-Sơn đất Chiêm-Thành, nay thuộc tỉnh Phú-Yên. Truyện chép rằng Vua Kaundinya lãnh một cây giáo do Thần Aṣvat-thaman con của Thần Drona tặng. Ngài phóng xuống đất để chỉ nơi Ngài sẽ xây đế đô tương lai, rồi Ngài phối hôn với Somā (1), ái nữ của Thần Rāṇa Naga và sáng lập một Vương triều, sanh một dòng Vua cai-trị đất Phù-Nam.

Ngoài việc dạy dân bà mặc chần thay vì để trần truồng, Vua Kaundinya đem văn-hóa Ấn-độ, chữ viết và luật pháp truyền bá trong dân gian. Đây là sự « Ấn-độ hóa » ở Phù-Nam lần thứ nhất.

(1) Cuộc phối hợp huyền bí này còn được duy trì dưới triều đại ANGKOR vào cuối thế kỷ thứ 13 bằng một cuộc lễ do vị Tùy-viên Sứ giả Trung-Hoa CHÂU-ĐẠT-QUAN (Tchéou-ta-Kouan) ghi trong tập ký ức « Chân lập phong thổ ký » như sau : « ... Tôi có nghe nói rằng ở trong cung có nhiều chuyện lạ lùng lắm, nhưng có một lệnh cấm vô cùng nghiêm ngặt, không cho ai thấy. Nhà Vua ngủ trong ngôi tháp bằng vàng giữa cung. Nhiều nhà tài mắt trong nước thuật với tôi rằng : xưa kia trong tháp ấy có một nàng tiên ẩn vào hình con rắn chín đầu là vị Tiên bảo hộ cho quốc gia dưới triều đại của một vị Quốc-vương. Nàng Tiên ấy mỗi đêm biến thành một thiếu nữ đi tìm nhà Vua để ân ái. Nhà Vua đã có vợ nên bà Hoàng Hậu không dám vào cung trước một giờ nào đó, nhưng sau hai tiếng gõ làm hiệu cho biết nàng Tiên đi rồi, nhà Vua mới có thể tiếp Hoàng Hậu hay mấy bà vợ khác. Nếu nàng Tiên không đến một đêm đó là dấu hiệu nhà Vua sắp băng, nếu nhà Vua vắng mặt trong cuộc hội ngộ thì người ta có thể tin chắc rằng sẽ có một trận hỏa hoạn hoặc những thiên tai khác »...

HOUEN-P'AN HOUANG (?-217)

Sử ký nhà Lương (Leang 502-556) chép rằng một trong những người con của Vua Kaundinya là Houen-P'an-Houang (Hồn-Bàng-Huống), sanh năm 107 Dương-lịch. Ngài nối ngôi Vua cha, dùng mưu phân chia lãnh thổ làm nhiều chư hầu và gieo rắc sự nghi ngờ giữa các Lãnh Chúa. Đoạn, Ngài cầm quân công và dẹp hết tất cả vị này, giao cho con, cháu trấn đóng, gọi là Tiểu vương. Ngài thăng hà năm 90 tuổi, vào đầu thế kỷ thứ 3.

HOUEN-P'AN-P'AN (217-220)

Người con thứ tên Houen-P'an-P'an (Hồn Bàn Bàn) nối ngôi theo cuộc bầu cử. Tân-vương rất tôn sùng việc thờ cúng Thần Çiva. Ngài giao hết binh quyền cho một Tướng Lãnh tên Çri Mâra, người Trung-Hoa gọi là Fan Man (Phạm Mậu) để nghỉ ngơi. Saa ba năm ở ngôi, nhà Vua thăng hà.

FAN-CHE MAN (220-225)

Theo sử Nam Triều Nhà Tề (Ts'i 479-501) toàn danh của Fan-Man là Fan-Che-Man (Phạm Sử Mang). Tướng Fan-Che-Man được dân chúng bầu lên ngôi Vua. Ngài là một tướng can đảm đầy mưu lược, nối chí Tiên Vương xua quân chinh phục lần bang trên lục địa và trên mặt biển khiến Ngài nổi tiếng lẫy lừng. Ngài bành trướng thế lực rộng lớn, người thời bấy giờ tôn Ngài là « Phù Nam Đại-vương ». Ngài lập một hải cảng chi phối mặt biển, đóng nhiều chiến thuyền lớn và vượt khắp đại dương.

Sử ký nhà Lương (502 — 556) chép rằng : « Ngài tấn công 10 vương quốc và kẻ tên 3 vương quốc, trong số này là K'in-Tou-K'owen có lẽ là miền Nam Trung Việt, Kieou-Tche và Tien-Souen ở vùng Ligor (Mã-Lai). Ngài mở mang bờ cõi rộng năm hay sáu ngàn lý (hơn 3000km). Ngày nay người ta khó tìm những vương quốc này, nhưng có thể đoán rằng các nước ấy thuộc vào những vùng thung lũng sông Mékong, phần đất ở biên-hở Tonléap (Cao-Miên) và vùng đồng bằng, ở phía Nam là một phần đất Mã-Lai, phía Tây là miền dưới Miến-Điện.

Ngài cũng chiếm được phần lãnh thổ chạy dài từ khoảng sông Mékong — Đồng-Nai đến vịnh Cam-Ranh và Nha-Trang nơi mà sau này ta tìm được bia đá ở Vô-Cạnh mang tên Çri Mâra.

Người Trung - Hoa cho rằng Vua Fan-Che-Man ngã bệnh và thắng hà năm 225 Dương-lịch giữa lúc ông cầm binh chinh phạt một quốc gia tên Kim Lin (Kim-Lân) « biên giới vàng ». Người ta cho đây là địa danh ở Suvanna-Bhumi « đất vàng » theo các bản văn viết bằng chữ Nam Phạm (Pali) hoặc ở Suvarnakudya « vách tường vàng » theo các bản văn viết bằng chữ Bắc Phạm (Sanskrit) thuộc miền Nam Miến-Điện hay bán đảo Mã-Lai Trước khi lâm chung, Ngài giao ngai vàng cho Thái-tử tên Fan-Kin-Cheng (Phạm kim-Sanh) và truyền lệnh cho con tiếp tục cuộc hành quân.

FAN-KIN-CHENG (225)

Thái Tử Fan-Kin Cheng (Phạm kim Sanh) là người con trưởng, bị người anh bà con tên Fan Tchan (Phạm-Chiêu) ám sát. Phạm Chiêu là con người chị cả của Quốc vương Phạm-Mậu tức là cô của Phạm-kim-Sanh. Ông có 2.000 thủ hạ và sai đến gạt Vua rồi hạ sát để đoạt ngai.

Quốc Vương Phạm-Mậu khi thắng hà có một người con còn bé tên Fan Tch'ang (Phạm-Trường) sống trong dân chúng nên khỏi bị hại.

FAN TCHAN (225-245)

Fan Tchan (Phạm-Chiêu) lên ngai. Ngài là một tướng lãnh nắm binh quyền trong nước. Triều đại của Ngài ở vào khoảng năm 225 đến 250 Dương-lịch. Để củng cố địa vị, năm 229 Dương-lịch, Ngài sai sứ giả triệu cống Vua Tàu, bấy giờ là Ngô-tôn-Quyền dưới thời Tam-quốc phân-tranh. Đây là lần đầu tiên Phù-Nam thông hiếu với Trung-Hoa. Năm 229, Thứ Sứ nhà Ngô ở Giao-Châu (Việt-Nam) là Lữ-Đại cử Sứ-giả sang đáp lễ.

Trong quyền « Tam-quốc-chí » (San Kouo Tche) của Trần-Thọ (Tch'en Cheou) viết vào cuối thế kỷ thứ III, thuật lại những chuyện xảy ra từ năm 220 đến 280, có ghi ở hồi 60 lịch sử của ông Lữ-Đại (Lu Tai) làm Thứ Sứ đất Quảng-Đông và Giao-Châu dưới triều đại thứ nhất của nhà Ngô (Wou) vào thượng bán thế-kỷ thứ III như sau :

« ...Ngài ra, nhà Vua phái các viên quan Tòng sự (Ts'ong Che) đi khắp miền Nam lãnh thổ phổ biến nền văn minh bản quốc gọi là chiến dịch Nam Tuyến Quốc Hoá và các vị Quốc vương ngoài biên cảnh như Phù-Nam, Lâm-Áp và Đường Minh (T'ang Ming) đều có gửi phái đoàn Sứ-giả đến dâng lễ cống.

Quốc vương Fan Tchan có tiếp một du khách tên Kia-Siang-Li (Gi-tường-Lê) quê ở tiểu bang T'an Yang, người Tàu dịch là Đàm-Dương thuộc vùng phía Tây Ấn-Độ, đến Phù-Nam. Du khách tường thuật những chuyện lạ về đất Ấn dưới triều đại Murunda (người Tàu dịch là Meou-Louen) như phong tục tập quán, việc thi hành luật pháp, sự giàu có, ruộng đất phì nhiêu. Ông nói rằng ai muốn vật gì cũng có và nhiều đại cường quốc thần phục quốc gia này từ nhiều thời đại.

Fan-T'chan hỏi :

— Từ đây đến đó bao xa, phải đi mất bao lâu mới tới ?

Kia-Siang-Li trả lời :

— Nước Ấn-Độ cách xa hơn 30.000 lý, đi và về phải mất ba năm hay bốn năm, đó là trung tâm diềm của Trời và Đất.

Nhà Vua mê say đến nỗi phái một người bà con tên Sou-Wou, người Tàu gọi là Tô-Vật, làm Sứ giả đi từ hải cảng T'eu-Kiu-Li (Đầu Cầu-Lợi) có lẽ là Takkola ở bán đảo Mã-Lai, theo một cái vịnh lớn thẳng hướng Tây Bắc, qua nhiều biển và nhiều quốc gia ngót một năm mới ngược dòng sông Hằng-Hà dài 7000 lý đến triều đình Vua Vasudeva. Phái đoàn khởi hành năm 240. Vua Ấn rất ngạc nhiên khi thấy phái đoàn Sứ giả triều kiến. Ngài phán rằng :

— “ Ở tận cùng bờ đại dương còn có người ở nữa hay sao ? ”

Ngài truyền cho bá quan đưa Sứ giả du ngoạn khắp lãnh thổ và gọi lặt Vua Phù Nam 4 con ngựa Nguyệt thị (indo-scythe), người Tàu dịch là Yue-Tche, và cho 2 viên quan mà một vị tên Tch'en-Song (Trần Tống) đi theo về Phù-Nam để cảm ơn nhà Vua. Khi Sou-Wou trở về năm 245, tính ra cuộc du hành mất 4 năm (1).

Theo sử - ký Trung - Hoa đời Tam - quốc, nhà Đông-Ngô (227-265) thì năm 240, Vua Fan-Tchan có tiếp hai Sứ-giả của Vua Sun Chuan (Tôn Quyền). Năm 243, nhà Vua gọi một phái đoàn đi Trung-Hoa với lễ cống gồm có nhạc si và thổ sản. Năm 244 một văn phòng thương mại Phù Nam thành lập gần thủ phủ Nam Kinh gọi là Phù Nam Quán (Fou-Nan-Kouan).

(1) Ông Lê-đạo-Nguyên (LI TAO VAN) vào cuối thế kỷ 5 và đầu thế kỷ thứ 6 cũng có viết truyện này trong quyển THỦY KINH CHỦ (CHOUÏ KING TCHOU).

Chính Ngài là tác giả bản văn khắc trên bia đá tìm thấy ở Võ-Cạnh (Nha-Trang) trong ấy Ngài cho rằng Ngài là một thân tộc trong gia đình Cri Mâra (Fan-Che-Man) vì Ngài là con của người em gái của vị Quốc vương này.

Bấy giờ lãnh thổ Phù-Nam mở rộng đến bờ vịnh Bengale. Vua Phù-Nam giao thương với Ấn-Độ và Trung-Hoa. Năm 245, Quốc vương Fan-Tchan bị ám sát.

FAN TCH'ANG (245)

Quốc vương Fan-Tchan ở ngôi được 20 năm bị Thế tử Fan-Tch'ang (Phạm Trường) giết chết. Fan Tch'ang là bảo đệ cho Thái-Tử Fan-Kin-Cheng (Phạm-kim-Sanh) đã bị Quốc vương hạ sát đề cướp ngôi. Năm ấy, Thế tử Fan Tch'ang được 20 tuổi, ngài hô hào các dũng sĩ trong nước giúp Ngài trả thù. Ngài bắt Quốc vương, dùng dao mổ bụng và nói rằng :

— Trước kia, chính mày giết anh tao, bây giờ nhân danh Vương huynh, tao trả mối thù này.

Thế tử Fan Tch'ang chưa kịp lên ngôi thì bị viên Tướng soái tên Assâchey, người Tàu gọi là Fan Siun (Phạm-Tầm) giết và tự xưng làm vua.

FAN SIUN (245-287)

Fan Siun (Phạm-Tầm) là một nhà Vua hiếu hòa, chăm lo săn sóc con dân và giữ gìn uy tín bằng đường lối ngoại giao hơn là chiến tranh. Ngài xây nhiều vọng tháp, thành quách và thường đi dạo xung quanh. Ngài thiết triều ba hay bốn lần trong ngày. Người ngoại quốc và thổ dân dâng tặng Ngài chuối, mía, rùa, các loại chim. Vương quốc Phù-Nam lúc bấy giờ bao gồm miền Nam Trung-Việt, miền Nam Việt-Nam, lãnh thổ Cao-Miên, miền Hạ-Lào, một phần đất Thái-Lan và bán đảo Malacca (Mã-Lai) giữ một vai trò quan trọng giữa các quốc gia trên Đại-dương. Trong bán đảo Mã-Lai có 5 nhà Vua đều là chư hầu của Phù-Nam mà một là Touen-Siun (Đốn-Tồn). Vua Fan Siun có liên lạc ngoại giao với nước Pi-K'ien (Tì-Khiến) và Vua nước này gởi tặng bộ chén đĩa cho 50 người dùng toàn bằng vàng nguyên chất.

Vào khoảng năm 245 đến 250, Ngài tiếp một phái đoàn Sứ giả Trung-Hoa do hai ông K'ang Tai (Khang Thái) chức Trung-Lang (Tchong lang) và Tchou-Yng (Châu Ứng) chức Tuyên hóa tòng sự (Siuan hwa ts'ongchi) hướng dẫn,

Sứ thần nhà Ngô (222-265) gặp Sứ giả của Vua Vasudeva là Tch'en Song (Trần Tống) cùng ông Sou Wou (Tô Vật) vừa trở về Phù Nam. Hai vị được nghe nhiều chuyện về nước Ấn-Độ và Đông-Nam-Á. thấy những sự lạ ở Phù-Nam nên khi về Trung-quốc, ông K'ang Tai soạn quyển « Ngô Thời Ngoại Quốc Truyện », « Khang Thái Phù Nam Truyện » và « Phù Nam Thử Tục », ông Tchou Ying soạn quyển « Phù Nam Nhân Vật Chí », đề thuật lại các điều mắt thấy tai nghe trong chuyến công du. Mấy tác phẩm này không còn, nhưng nhiều đoạn được ghi vào Sứ Trung-Hoa. Đây là những sử liệu đầu tiên về Vương-quốc Phù Nam.

Ông K'ang Tai thuật rằng :

« Vương-quốc Phù-Nam bề ngang rộng 3000 lý, có nhiều đô thị, có tường cao bao quanh và bên trong có nhà ở. Nước da người dân mìa đen, tóc quăn, xấu xí và sống khổi thân, di chân không, và xâm mình. Đàn bà mặc cái chăn trổng từ cò xuống chân, xỏ lỗ tai dè đeo bông tròn tén. Nếp sống của họ rất đơn giản nhưng họ không trộm cắp. Họ làm nghề nông theo lối cò, gieo giống một năm, gặt hái luôn ba năm. Họ thích điêu khắc và dùng đục chạm trở rất khéo. Nhiều món đồ dùng để ăn cơm như chén, đĩa đều làm bằng bạc. Dân chúng đóng thuế bằng vàng, bạc, trên châu và dầu thơm. Họ biết đọc sách và có văn khố. Văn tự của họ giống như nét chữ của dân Hồ (Hou), một sắc dân ở Trung Á chịu dùng Ấn-tự. Cảnh vật trong xứ rất đẹp, nhưng dân chúng tỏ ra khiếm nhã. Thật lạ lùng ! »

Ông K'ang Tai thuyết phục Vua Fan Siun ra sắc luật bắt buộc dân ông mặc quần áo và dân chúng lấy tấm vải quăn tròn xung quanh thân mình, gọi là Can-mạn (Kan-man) giống như cái sarong. Nhà Vua truyền cho dân chúng mặc chăn dắt mỗi sau lưng gọi là sampot. Người giàu may bằng hàng lụa, có thêu bông hoa, người nghèo may bằng vải. Lối kết tóc bắt đầu phát hiện từ ngày ấy. Người Phù-Nam làm đồ trang sức rất đẹp như nhẫn nạm mặt ngọc, chạm trở bằng vàng, bạc, vòng cổ, chuỗi hạt (1).

Vua Fan Siun ở ngôi rất lâu. Về mặt chánh trị, từ năm 270 đến 280, Ngộ có gởi quân liên kết với Vua Phạm Hùng nước Lâm Ấp (Chiêm-Thành) tấn công vùng phía Nam nước Cửu-Chân (Việt-Nam) qua đèo Napé. Đối với Trung-Hoa, mối giao hảo được cấu kết chặt chẽ nhờ các Phái đoàn Sứ giả qua lại thường xuyên. Sứ ký nhà Tấn (Tsin 264—420) ghi chép về những phái bộ trong năm 263, 268, 285, 286, 287 như sau :

(1) Nhiều di vật này tìm thấy ở Óc-Eo.

— Năm thứ 4 triều Thái Thi (Tai Che 268) Vua Thế tổ Võ đế Tư mã Viêm (265—290), vương quốc Phù-Nam và Lâm-Ấp gửi mỗi nước một phái đoàn Sứ giả dâng lễ cống.

— Năm thứ 6 triều Thái Khương (Tai K'ang 285) Vua Thế tổ Võ đế, mùa hạ, tháng 4, có 10 quốc gia trong ấy có Vương quốc Phù-Nam dâng lễ cống cây mía gọi là Chư Giá (Tchou-Tcho) dài 3 gút mỗi trượng (tchang) và 100 đôi giày gọi là Bảo Hương-Lý (Pao-Hiang-Lu). Hình dáng lạ lùng của đôi giày khiến Hoàng Thượng chú ý đặc biệt và Ngài mỉm cười trước sự cầu tạo có vẻ thô kệch. Tuy nhiên Ngài truyền cất trong dãy kho ở ngoài để giữ đầy đủ sản phẩm của mỗi nước.

— Năm thứ 7 triều Thái Khương (286) có 21 quốc gia, trong ấy có Vương quốc Phù-Nam và 11 nước trong ấy có nước Mã-Hàn (Ma Han) gửi phái đoàn Sứ giả dâng lễ cống.

— Năm thứ 8 triều Thái Khương (287) Vương quốc Phù-Nam và Khương-Cư (K'ang-Kin) ở phương Đông gửi phái đoàn Sứ giả dâng lễ cống.

Ba lần sau này (năm 285, 286 và 287) là kết quả của sự bành trướng về giao thương theo đường biển sau khi nhà Tấn dẹp ba nước Đông Ngô, Tây Thục, Bắc Ngụy thống nhất Trung Hoa vào năm 280. Vua nhà Tấn bấy giờ (1) cần mua những phẩm vật thượng hảo hạng của các quốc gia ở phía Nam.

Mặt khác, Vua Phù-Nam liên lạc mật thiết với nước Lâm-Ấp (Chiêm-Thành), mà về sau người ta có thể cho rằng nhà Vua đã thống trị lãnh thổ láng giềng này.

Từ năm 287 đến 357 không hiểu vì lẽ gì người Trung-Hoa không ghi chép về Phù-Nam, suốt 70 năm.

TCHAN-T'AN (357-?)

Trước năm 357, không ai biết vì nguyên cớ nào Vương quốc Phù-Nam lọt vào tay một nhà Vua lạ mặt. Đầu năm 357, Sứ ký nhà TẤN và nhà LƯƠNG (Tsin-Leang 502-556) có ghi những cuộc tiếp xúc với phái đoàn Sứ-giả Phù-Nam do nhà Vua Candana người Tàu gọi là T'ien-Tchou Tchan-T' an phái đến. Sứ chép :

(1) Nhà Tấn thống nhất Trung Hoa gọi là Tây Tấn (280-319).

Năm *Thăng-Bình* (2) (Cheng-P'ing 357) triều Vua *Mục-Đế* (Mou-Ti) thân giêng, Thiên Trúc Chiêu Đán (T'ien Tchou Tchou T'an) Quốc vương Phù-Nam dâng lễ cống nột bày voi nhà. Hoàng Đế ban chiếu rằng : « *Xưa kia, các đấng Tiên Vương cho những con vật lạ lòng của các quốc gia ở xa xôi như là nguồn gốc của những điều tai hại cho dân chúng nên đã cấm chỉ. Bây giờ vật ấy chưa đến, ta có thể hoàn lại nguyên xứ* ».

T'ien-Tchou là tiếng người Tàu gọi nước Ấn-Độ. Tên T'ien-Tchou Tchou-T'an nghĩa là « người Ấn tên Tchou T'an ». Nhà chép sử mô tả nhà Vua giống như một người Ấn, Tchou-T'an là phiên âm chữ Hán của danh từ Chandan, tước Vương của các vị Kushara thuộc dòng Kanischa mà Quốc vương Phù-Nam có liên lạc mật thiết vào bán thế kỷ thứ 3. Một thuyết khác cho rằng tước Vương Chandan cũng được dùng trong giới Kouchan. Vào giữa thế kỷ thứ 4, người Kouchan thống trị vùng đất dọc theo bờ sông Hằng-Hà đến gần thị trấn Bérarès bị Hoàng đế Samudra-Gupta đánh dẹp và trục xuất khỏi đất Ấn. Hoàng đế Samudra-Gupta ngự trị vào năm 357, được toàn thể miền Bắc Ấn từng phục Có lẽ một số Hoàng thân Kouchan đã tị nạn ở Phù-Nam và nhận một trường hợp nào đó chiếm được ngại vãn?

Dưới triều Vua Tchou-T'an có rất nhiều người Ấn di cư vì họa chiến tranh đánh dấu cuộc « Ấn-Độ hóa » ở Phù-Nam lần thứ nhì. Người ta thấy cái mào hình ống và cái chân ngắn của dân Ba-Tư xuất hiện dưới thời này.

Sử Trung-Hoa ghi rằng triều đại Tchou T'an chỉ triều cống có một lần thôi.

(còn nữa)

(2) Vua nhà Tấn bá, tức là Mục-Đế (MOU-TI) thuộc triều Đông-Tấn (317-420).

hát cô đầu

Ở Bắc-phần và miền Bắc Trung-phần có một loại ca-nhi mà người ta thường gọi là Ả đầu (đào) hay Cô đầu (đào) và toàn-thể nhóm ca-nhi này gọi là Nhà trò hay Nhà tơ. Những ca-nhi này, phần nhiều là độc thân, luôn luôn có một người kếp đàn đi theo và hành-nghề tại tư gia hay vào đình khi các Quan cho gọi, hoặc lưu-động đi hát tại các nơi hội hè, đình đám, lễ tết hay tại các nhà riêng khi có dịp vui mừng : cưới hỏi, thượng thọ, ăn khao...

Mãi về sau này, nghề Nhà tơ mới bị hiểu lầm và khinh miệt, nhưng không phải luôn luôn đúng như vậy nếu ta chịu khó ngược giòng thời-gian, lên đời Hậu Lê để tìm hiểu nguồn-gốc cổ-kinh, xa xưa, trong sạch... và đáng kính trọng, khích lệ xiết bao !



Theo sử sách, có tính-cách tôn-giáo thuần-túy, còn lưu-trữ lại một ngôi chùa nhỏ ở xã Xuân Tảo Đoài, phủ Đu Phúc, tỉnh Phúc Yên (Bắc Phần) thời chính hai vợ chồng Đinh Dự là những người đầu tiên đã sáng-lập ra bộ-môn nghệ-thuật hát Cô đầu hay Nhà tơ.

Đinh Dự là con trai quan Đinh Lễ ở xã Lỗ Dao, huyện Đông Ngàn, phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, rất khôi-ngô, tuấn-tú, có thiên-khiếu về âm-nhạc, đặc-biệt là đàn địch rất hay... Năm 20 tuổi, khi lên du-ngoạn núi Cứu Sơn (huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh), Đinh Dự gặp Hoa Nương, một thiếu nữ vừa tuổi trăng tròn, xinh đẹp tuyệt vời ! Đôi bên truyện trò rất tương đắc... rồi lấy nhau. Sau tuần trăng mật được nồng, vợ thỏ thẻ bảo chồng :

— Chúng mình không có nghề nghiệp chi mà cứ bám mãi vào cha mẹ thời không tiện. Chàng đàn hay, thiếp hát không đến nỗi dở lắm. Tại sao chúng mình không làm nghề đàn hát để kiếm kế mưu sinh ?...

Nghe cũng bùi tai và hợp lý, chàng thỏa thuận liền... Họ sống ba năm trong nghề đàn hát, tràn trề hạnh phúc...

Đình Lễ (là cha Dự) được vua vời vào triều, lúc ấy kinh đô ở Thanh-Hóa, nhưng Lễ lâm trọng bệnh và mất ở dọc đường. Lo đám táng xong xuôi, vợ chồng Dự thay cha vào chầu vua, tâu rõ sự tình... Khi được hân hạnh chiêm-ngưỡng long-nhan, Hoa Nương thấy mặt rồng có vẻ tiêu-tụy vì bị ám khí nặng nề, bèn đánh bạo nói :

— Muốn tâu Hoàng Thượng, long-thê bất an không phải vì nội-thương nhưng tại buồn rầu thái quá. Nếu Hoàng Thượng ban cho kẻ hạ-thần được phép đàn hát để mua vui, khuây khoả... thời chỉ trong ba ngày Hoàng Thượng sẽ lành mạnh, vui vẻ như xưa...

Vua chấp-chuận và sau ba ngày nghe đàn ngọt, hát hay, vua dễ mê, ngày ngất như du hồn vào cõi mộng và quả nhiều lành bệnh. Để tỏ lòng biết ơn sâu xa của đấng Quân Vương, vua ban yến cho vợ chồng Đình Dự cùng văn võ bá quan liên-hoan tưng bừng...

Khi yến tiệc gần tăn, Hoa Nương bèn thú thực với chồng rằng nàng là tiên-nga ở thượng-giới, vì đánh rơi chén ngọc nên Ngọc-Hoàng đày xuống trần-gian để lập công chuộc tội... Nay nàng đã truyền-bá được nghề xướng-ca để mua vui cho thiên-hạ và sẽ tồn tại mãi với thế-gian... nên nàng đã được ân xá và nàng phải trở về thượng-giới... Rồi nàng lạy tạ vua, vĩnh-biệt chồng và bay vút lên không-trung !.. Dự vô cùng thương tiếc vợ, như điên rồ và đập đầu vào cột hoà-g. cung để tự tử... Sau khi trút liách hồn, thi thể Dự hóa ra một con rắn xanh vì bay bổng lên trời .. Vua cũng vô cùng xúc-động bèn sắc phong cho Dự là Thanh-Xà Đại-Vương, Hoa Nương là Mãn-Đình-Hoa Công-Chúa và ra sắc-dụ từ nay về sau, mỗi ca-nhi phải trích ra 30 đồng tiền kẽm để mua vàng hương cúng bái thờ TĐ, thần bản-mệnh của đoàn ca-nhi.

Sau này, tại các làng quê-hương của nhiều kếp đàn và ca-nhi đều có đền thờ Đình Dự và Hoa Nương làm thần bản-mệnh và người ta có tục kiêng bái chữ Lễ (cha Dự) và Hoa (vợ Dự), không dám nói rõ nhưng thường nói trại đi là Lối và Huê !



Người kếp thường dùng một nhạc-cụ đặc-biệt gọi là Đàn đáy. Đó là thu đàn có một hộp âm-thanh (dài 30, rộng 18, dày 9 phân) một cần đàn dài 1 thước 20. Có 3 cái lược để vịn 3 giây đờn to, nhỏ khác nhau, dựa trên 13 phím.

Các dây đàn gọi tên là dây Lão, Trung và Tiểu. Sườn hộp âm-thanh bằng gỗ trắc, còn hai mặt hộp và cạnh hộp bằng gỗ vông hay vàng tâm. Cần đàn bằng gỗ nhãn, phím đàn bằng tre.

Cung đàn cần phải tuyệt-đối lệ-thuộc vào giọng hát và chia ra làm 5 cung chính là : nam, bắc, nao, pha, huỳnh.

Ngoài đàn đáy là nhạc-cụ chính của người kép, ca-nhi còn dùng riêng một thứ khác để gõ lên thành tiếng chan-chát gọi là sênh hay phách. Sênh là hai que tròn bằng gỗ trai để gõ vào nhau. Phách là thứ phức-tạp hơn để dùng cho những ca-nhi lành nghề gồm có một thanh tre đẹp với ba que tròn : 1 lớn và 2 nhỏ. Tay trái cầm 2 que nhỏ, tay phải cầm 1 que lớn, ca-nhi gõ nhịp nhàng lên thanh tre đẹp.

Những người đi nghe hát tập-đoàn có thể đồng thường-thức câu ca tiếng hát bằng cách cử một người đại-diện (Quan viên) cầm roi (nghĩa là cầm roi chầu gõ vào mặt trống hay tang trống) để điểm-xuyết những giọng hát du-dương những lời hay ý đẹp...

Khi muốn nghe hát và gọi đào kép sửa soạn thời Quan-viên ung-dung cầm roi chầu và đình-đặc đánh trống lần lượt theo điệu :

- Sơ-cỗ (5 tiếng : 3 khoan, 2 mau) ;
- Tông-cỗ (4 tiếng : 2 khoan, 2 mau) ;
- Trung-cỗ (3 tiếng : 1 khoan, 2 mau) ;
- Thôi-cỗ (2 khoan) để kép dạo đàn và đào cất tiếng hát...

— Điểm-cỗ (tiếng trong riêng rẽ) để chấm câu hát nhưng tối kỵ là không bao giờ người ta «điểm cỗ» ngay lúc bắt đầu câu hát vì như thế là «đút nút lấy cuống họng» đào nương !

Trong bài hát thường có những đoạn rất dễ mê, thích thú do đàn, hát và phách hòa-diệu một cách tuyệt-vời Nên Quan-viên tỏ vẻ vô cùng sảng khoái, tán-thưởng bằng cách điểm trống «chính diện» (cắc tùng cắc) hay «xuyên tâm» (tùng cắc tùng). Tùng là tiếng roi chầu đánh lên mặt trống ; cắc là tiếng roi chầu gõ vào tang trống. Cắc là tiếng đặc biệt tỏ vẻ rất hài lòng !

Người ta chấm dứt một bài hát bằng cách diềm trống : hồi-hậu, thùy-châu, lạc-nhận hay hạ-mã...

Sau cùng, nếu đào-nương bắt dở quá, quan-viên không muốn thưởng-thức nữa thời sau bài hát, đánh liền năm sáu tiếng tùng... diềm thêm tiếng cắc !... Thế là đào-nương phải tự-động rút êm để cho người khác thay thế...

Có rất nhiều điệu hát cô đầu : mưỡu, hát nói, gỏi thơ. Có hàng trăm bài hát rất hay nhưng phần nhiều đều do những tác-giả vô-danh sáng-tá :. Tuy nhiên, cũng có nhiều tác phẩm bất-hủ của các nhà nho uyên-thâm, trong khi cao-hứng tự đặt ra cho đào nương hát để thưởng-thức trong những lúc tửu hậu, trà dư. Các đào nương đều học thuộc lòng và truyền khẩu lại đời này qua đời khác cho mãi tới nay... ngõ hầu bất-diệt-hóa nghề sinh-phách đã vang bóng một thời, làm say mê những khách hào-hoa, phong-nhã...



Sau đây là phương-thức tuyển-lựa và phong-tục, tập-quán của các đào nương. Một đào nương thực sự thành-thạo chỉ có thể hành nghề, sau một thời-kỳ tập-sự lâu hay chóng tùy theo trí thông-minh và năng-khiếu thẩm-nhuần các bài học tập. Việc học hỏi này, hoặc là tập-sự tại nhà cá : đào nương khác : họ đào-tạo các học-viên trong những thỉ giờ nhàn rỗi ; hoặc lo dưới hình-thức một sự làm việc liên-tục, có thể so sánh với một khóa học thường lệ. Trường-hợp thứ hai là do những cô đầu già, không đi hát nữa, ở nhà nuôi các con em để huấn-luyện thành các đào nương danh tiếng. Ví dụ như ở các xóm Vạn-Thái, Khâm-Thiên, Thái-Hà Ấp (gần Hà-nội).

Nếu là hình-thức tập-sự thời các con em được coi như nô-tì để sai vặt và nhất là dùng làm cô đầu rượu để nhõng nhẽo với quan viên... Nếu là hình-thức huấn-luyện với những bài học đều đặn thời các con em phải trả tiền thụ huấn để hy-vọng sau này trở thành những cô đầu hát danh tiếng, có tương-lai rực rỡ !

Trong cả hai trường-hợp, học viên phần nhiều chính là những con em các đào kép, hoặc là con gái những cô đầu hát để thay thế mẹ đã già nua. Khi cha mẹ không phải là đào kép thời các gia-đình khác, nếu nghèo túng, khổ sở lắm mới

đành chịu cho con em đi học tập nghề hát cô đầu... vì trong xã-hội Việt-Nam cổ hủ đã khá đầy rẫy những thành-kiến không đẹp về "xương ca vô loài".

Tuy nhiên thời-kỳ tập sự của những con em này đã bắt đầu ngay từ khi 10 tuổi và kéo dài khá lâu... Còn những người khác thời bắt đầu lúc nào cũng được, miễn là có giọng trong trẻo và gương mặt xinh tươi. Nhưng xinh đẹp cũng không nhất đán là điều-kiện cần thiết vì từ xa xưa đã có câu : « Nhất thanh nhị sắc » (Tiếng hát trước đã rồi mới đến nhan sắc).

Khởi đầu khóa tập sự là phải học thuộc lòng tất cả những bài hát, dần dần từ dễ đến khó. Đôi khi chính các học viên cũng không thiếu-riết hết ý nghĩa của bài hát vì phần nhiều là những bài thơ huyền diệu với tư-tưởng cao siêu hay những mầu triết-lý rất tinh tế ! Nhất là việc học sinh phách lại càng khó khăn hơn nữa. Có nhiều người chỉ học vài tháng hay vài năm đã bỏ phách đúng dịp và điều-luyện, cũng có nhiều người học mãi không nổi... đành bỏ dở dang hay trở thành cô đào rượu suốt đời !

Khi học đã thành tài, đào nương trở về nhà vì có thể bắt đầu hành nghề do một người anh em hay họ hàng làm kếp đồn, nếu không có ai thân thích thì mới dùng đến người ngoại rồi lựa-động đi hát khắp nơi, vừa kiếm kế mưu sinh, vừa có dịp kén chồng !

Nàng còn phải học hỏi khá nhiều về việc trang-triều phẩm son, ăn nói ngọt ngào, chiêu chuộng quan-viên (nhưng chiêu đúng mức chứ không chiêu quá trớn...) và nhất là tuyệt-đối phải giữ gìn trinh-tiết nếu còn muốn sau này nổi tiếng là một danh ca và hy-vọng có một cuộc lương-duyên tốt : đẹp... ! (Đấy là một điều hơi khó... nhất là sau khi đã chuốc rượu quan-viên, đôi bên đều ngà ngà nửa tỉnh nửa say... nhưng khó không phải là không thể vượt qua !)

Ngồi ra đào nương còn phải cúng lễ tại bàn thờ Tổ là thần bản-mệnh của phường ca-nhi. Bàn thờ Tổ thường được thiết-lập tại một ngôi miếu do Quận Ca hay Trưởng Ca là người đứng đầu nhóm ca-nhi đứng trông nom. Ở nhà quê, mỗi phủ huyện, đôi khi mỗi tổng có một phường ; ở thành-thị thì số phường ít hơn. Các đào nương mới ra nghề, muốn vào làng Sinh-Phách phải đến trình diện với Quận Ca sửa lễ cúng Tổ và đóng tiền gia nhập phường ca-nhi thì mới được phép hành nghề. Đào nương sắp lấy chồng phải sửa lễ cúng Tổ và nạp tiền cho. Đào nương mới ly-dị phải có sự chấp-thuận của Quận Ca mới được tái nhập phường. Nếu đào nương vì quá nhẹ dạ, cả tin lời đường mật của một quan-viên

hào-hoa phong-nhã, trót lỗ mang «bầu tâm sự» thò phải nạp tiền vạ, nếu không sẽ bị trục-xuất khỏi phường.. Nói tóm lại, kỷ-luật của phường ca-nhi rất chặt chẽ và các đào nương đều có nếp sống tương thân, tương ái...



Phần nhiều dân chúng đều không mấy cảm tình với nghề hát Cô đào hay Nhà tơ nên thường mỉa mai châm-biếm với những lời lẽ chua cay : «Cuốn chiếu hết nhân tình» (Quyền tịch nhân tình tận), hoặc «Chồng nhà trò, vợ con hát» hay «Nón chóp dứa, vợ nhà trò» hoặc cụ thể hơn nữa : «Lấy quan, quan cách ; lấy khách, khách về Tàu ; lấy nhà giàu, nhà giàu hết của !».



TIN VĂN-HÓA

UNESCO GỬI PHÁI ĐOÀN ĐI QUAN SÁT CÔNG VIỆC BẢO VỆ ĐỀ THIÊN ĐỀ THÍCH

BALÊ 6-10 Ông René Maheu, Tổng giám đốc Cơ quan Văn hóa Liên Hiệp Quốc (UNESCO), hôm 6-10 cho biết sau khi có lời yêu cầu của Chính phủ Kampuchea về viện trợ kỹ thuật để bảo vệ các đền đài lịch sử của họ, nhất là Đế Thiên Đế Thích, hai phái đoàn của tổ chức này sẽ sang Kampuchea để quan sát việc bảo vệ di tích văn hóa trong tình thế tao loạn hiện nay.

TRIỂN LÃM HỌA PHẨM CỦA HAI NỮ HỌA SĨ VIỆT NAM TẠI HOA THỊNH ĐỐN

HOA THỊNH ĐỐN 15-10. Một cuộc triển lãm họa phẩm kéo dài hai tuần lễ do hai nữ họa sĩ VN là bà Lê thị Ân và cô Phạm thị Thuận đã khai mạc tại tòa đại sứ VNCH ở Hoa Thịnh Đốn hôm 14-10. Tranh của bà Ân trình bày những ngôi trường cổ xưa, một vài phong cảnh theo lối Trung Hoa. Còn họa phẩm của cô Thuận được vẽ bằng sơn dầu trình bày theo lối mới và theo kiểu Tây phương.

Hơn 500 quan khách ngoại quốc và Việt kiều cùng sinh viên Việt Nam tại Hoa Thịnh Đốn đã tới Sứ quán Việt Nam chiều 14-10 để dự buổi lễ khai mạc triển lãm tranh của hai nữ họa sĩ Việt Nam.

Được biết với mục đích quảng bá văn hóa và nghệ thuật Việt Nam tại Hoa Kỳ, Tòa Đại sứ Việt Nam tại Hoa Thịnh Đốn đã tổ chức nhiều cuộc triển lãm

tranh Việt Nam và cuộc triển lãm tranh của bà Lê thị Ân và cô Phạm thị Thuận là cuộc triển lãm thứ ba trong năm nay.

PHÁI ĐOÀN VIỆT NAM CỘNG HÒA DỰ KHÓA HỘI THẢO CAO ĐẲNG GIÁO DỤC TẠI HOA KỲ

SAIGON 19-10. Phái Đoàn Việt Nam Cộng Hòa do Bác Sĩ Nguyễn Lưu Viên Phó Thủ Tướng kiêm Tổng Trưởng Giáo Dục hướng dẫn đã rời Saigon trưa 18-10 đi Hoa Kỳ để tham dự khóa hội thảo Cao Đẳng Giáo Dục do Viện Đại Học Wisconsin tổ chức tại Stevens Point từ 20 đến 24-10. Phái đoàn gồm các vị Viện Trưởng Đại Học Saigon Huế, Cần Thơ, Đà Lạt, Vạn Hạnh và Giáo sư Trần văn Tấn, Phó Viện Trưởng Đại Học Saigon. Riêng Bác sĩ Trần Quang E Viện Trưởng Đại Học Saigon sẽ từ Ba Lê qua Hoa Kỳ để tham gia phái đoàn.

KHAI MẠC LỚP HUẤN LUYỆN THỦ THƯ VĂN KHỔ VÀ THƯ VIỆN

SAIGON 20-10. Lớp huấn luyện Thủ Thư Văn Khổ và Thư Viện đã cử hành lễ khai giảng sáng 19-10 tại trụ sở Thư Viện Quốc Gia Tân lập (số 69-B, đường Gia Long Saigon) dưới sự chủ tọa của ông Mai Thọ Truyền, Quốc Vụ Khanh đặc trách Văn hóa.

Lớp huấn luyện này quy tụ 25 học viên, đa số là nhân viên tân tuyển thuộc Nha Văn Khổ và Thư Viện Quốc Gia. Chương trình gồm 330 giờ chia cho các môn như : Thư Viện học, khái niệm về Văn Khổ và tập đánh máy chữ.

Nhân dịp này, ông Mai Thọ Truyền cho biết lớp huấn luyện nằm trong kế hoạch dài hạn mà Văn phòng Quốc Vụ Khanh đặc trách Văn hóa quyết tâm thực hiện, nhằm phát triển và cải tiến hệ thống Văn Khổ và Thư Viện tại Việt Nam. Ông quan niệm Thư Viện như một Trung Tâm Văn Hóa Giáo Dục thường xuyên, với đầy đủ phương tiện về nhân sự và tài nguyên khả dĩ cung ứng tất cả những món ăn tinh thần cho toàn dân thuộc mọi tuổi, mọi trình độ văn hóa, mọi ngành sinh hoạt hầu giúp họ theo kịp đà tiến bộ và nâng cao phẩm chất của cuộc đời. Ông cũng đề cao vai trò của những Thủ Thư Văn Khổ và Thư Viện như những Cán bộ văn hóa mà công việc hàng ngày đòi hỏi nhiều đức tính trí thức và tinh thần đặc biệt.

HAI CUỐN PHIM VIỆT NAM ĐƯỢC CHIẾU TRƯỚC ĐẠI HỘI A.S.P.A.C.

MANILA 20-10 (AP). Hội Đồng Á Châu và Thái Bình Dương (A.S.P.A.C.) đã mừng năm thành lập thứ nhì của Trung Tâm Xã Hội và Văn Hóa (A.S.P.A.C.) tại Seoul, Đại Hàn với ba ngày chiếu phim tại đây trong tuần này.

Các phim sẽ được trình chiếu trong đại hội này, khởi đầu từ ngày 22-10 trong ấy có 2 phim « Những thắng cảnh Việt-Nam » « Việt-Nam chiến đấu và xây dựng ».

VNCH ĐƯỢC MỜI THAM DỰ ĐẠI HỘI PHIM NGÂN PHÁP QUỐC

SAIGON 26-10. Việt Nam Cộng Hòa được mời tham dự Đại Hội phim ngân tổ chức tại Tours (Pháp Quốc) từ 2 đến 6 2-1971 với điều kiện như phim sản xuất từ tháng 1-69 đến nay, phim 16 hoặc 35 ly, ghi âm quang học, nói tiếng Pháp hay phụ đề Pháp ngữ chiếu trong khoảng 58 phút (650m cho phim 16 ly hay 1.600m cho phim 35 ly).

KHÁNH THÀNH TRUNG TÂM VĂN HÓA CHÀM TẠI XÃ KHÁNH HÒA (CHÂU ĐỐC)

CHÂU ĐỐC 29-10. Hiệp Hội Chăm Hồi Giáo Châu Đốc đã thiết lập một Trung Tâm Văn Hóa tại Ấp Katam-bong Xã Khánh Hòa Quận Châu Phú (Châu Đốc) để phổ biến văn hóa Chăm cao đồ igitơ biao thiểu số cư ngụ tại đây.

Trung Tâm Văn Hóa này gồm ba phòng học và một thư viện đã được ông Hagi Moly, Chủ Tịch Hội Đồng Giáo Cả Chăm Hồi Giáo Tỉnh Châu Đốc và Thiếu Tá Phan thanh Hùng, Quận Trưởng Châu Phú khánh thành hôm 24-10-1970.

MINH XÁC CỦA PHÚ QUỐC VỤ KHANH ĐẶC TRÁCH VĂN HÓA

Ngày 31-10-1970, Phủ Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa phổ biến một bản tin nhằm minh xác tin tức do các báo đăng tải liên quan đến quyết định của Quốc Vụ Khanh Mai Thọ Truyền trong dịp viếng thăm Trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Gia Định.

Sau đây là nguyên văn bản tin nói trên :

Trong mấy ngày gần đây một số nhật báo có đăng tin Ông Quốc Vụ Khanh Mai-Thọ-Truyền, trong dịp viếng thăm Trường Quốc Gia Cao-Đẳng Mỹ-Thuật và Trường Trung học Trang Trí Mỹ-Thuật Gia-Định, đã quyết định không cho mở thêm cấp II tại hai trường này, mặc dầu Thủ Tướng Chánh Phủ đã ban hành Nghị định cho phép.

Tin trên là một sai lầm đáng tiếc, vì Ông Quốc Vụ Khanh Mai-Thọ-Truyền không hề cản trở việc mở thêm lớp mỹ-thuật đệ nhị cấp : trái lại ngay từ khi mới bắt đầu đảm trách Khối Văn-Hóa ông đã đá biệ. lưu tâm thực hiện việc cải ngành giáo dục mỹ thuật, nhằm đào tạo những thế hệ họa sĩ tương lai có một căn bản và một vốn liếng nghệ thuật vững chắc.

Tuy nhiên, Ông Quốc Vụ Khanh đã giải thích cho giáo sư cùng sinh viên biết là, trên thực tế, công cuộc cải tiến hai Trường Mỹ-Thuật trên đòi hỏi ba yếu tố chánh : ngân khoản, chương trình học và nhân sự.

Kinh phí cần thiết để tổ chức và điều hành các lớp học mới không dự sẵn, vì khi nghị định nguyên tắc của Thủ Tướng ban hành vào đầu tháng 7 1970, thì ngân sách 1970 của Phủ Văn Hóa đã được Quốc Hội biểu quyết xong từ trước.

Ngoài ra, còn phải có đầy đủ một ban giảng huấn tương xứng với nhu cầu mới, và chương trình học cấp II phải cần được nghiên cứu tỉ mỉ để thật sự nâng cao trình độ của sinh viên về nghệ thuật cũng như về kiến trúc tổng quát.

Những khó khăn nêu trên khiến cho việc cải tiến Trường Mỹ Thuật chưa tiện thực hiện ngay trong niên khóa này.

Hiệp Ban Giám Đốc, giáo sư và sinh viên hai Trường Mỹ-Thuật đang cùng nghiên cứu cặn kẽ vấn đề trên đề đưa lên Phủ Văn Hóa những nhận xét và đề nghị thích nghi, đề mở cấp II vào đầu niên khóa 1971 1972.

CÔ NGUYỄN THỊ BÍCH DƯƠNG ĐƯỢC ĐẶC BIỆT CHÚ Ý TRONG CUỘC TRÌNH TÀU DƯƠNG CẨM TẠI TÂN GIA BA

SAIGON 3-11. Cô Nguyễn thị Bích Dương, đại diện VNCH tham dự cuộc thi trình tấu dương cầm Đồng Nạn Á tại Tân Gia Ba đã được ban Giám khảo đặc biệt chú ý về tài nghệ xuất sắc.

Cuộc thi được tổ chức từ ngày 25 đến 27-10 nhân ngày kỷ niệm 200 năm sinh nhật Beethoven với sự tham dự của đại diện tám quốc gia Đông Nam Á, VNCH, Mã Lai Á, Trung Hoa Quốc Gia, Thái Lan, Tân Gia Ba, Phi Luật Tân, Hong Kong và Indonesia.

NỮ SĨ PHƯƠNG-ĐÀI DIỄN THUYẾT VỀ SINH HOẠT THƠ HÔM NAY

SAIGON 8-11. Nữ sĩ Phương-Đài sáng 8-11, trong bài nói chuyện «Thử nhìn vào sinh hoạt thơ hôm nay» tại trường Quốc Gia Âm Nhạc cho rằng nhà thơ chỉ thật sự lớn lao khi mang ở trong thi phẩm của mình những tình tự lớn, tình tự phản ánh được cả nguyện vọng đông đảo của cả quốc gia dân tộc.

Trước sự hiện diện của hơn 300 quan khách thuộc giới văn nhân thi hữu thủ đô, diễn giả Phương-Đài nhận xét là tình tự mới mẻ nổi bật trong thi văn của những năm gần đây là sự đề cập đến cái vận mệnh của đất nước mình.

MỘT THIẾU NHI VIỆT NAM ĐOẠT GIẢI HUY CHƯƠNG ĐỒNG TẠI CUỘC « TRIỂN LÃM HỌA PHẨM THIẾU NHI » HÁN THÀNH

HÁN THÀNH 12-11. Nguồn tin Tòa Đại sứ Việt Nam Cộng Hòa tại Hán Thành cho biết, trong số 50 họa phẩm của thiếu nhi Việt Nam gửi tham dự cuộc triển lãm họa phẩm thiếu nhi lần thứ 13 tại Hán Thành, họa phẩm « Ấp Đời Mới » của em Huỳnh minh Tuấn, 13 tuổi, thuộc Ty Tiểu Học Bình Long, đã được Ban Giám Khảo tặng huy chương đồng trong số 2.739 họa phẩm của 18 quốc gia tham dự. Ngoài ra, mười một họa phẩm khác của các em sau đây đã được Ban Giám Khảo tuyển lựa : Đặng trí Thiên, Trần Huệ, Lê Kim Loan, Nguyễn Qui Đàm, Dương kim Chi, Nguyễn thị Mỹ Dung, Bùi thế Hùng, Mai Việt Quang Huy, Ngô thị Thục Anh, Phan Nguyễn Minh Huy và Nguyễn bảo Quốc.

SỨ QUÁN VNCH TẠI CÔTE D'IVOIRE TỔ CHỨC TRIỂN LÃM GIỚI THIẾU CÁC HÌNH ẢNH CỦA QUÂN DÂN VIỆT NAM

SAIGON 12-11. Sứ quán VNCH tại Côte D'Ivoire đã tổ chức một cuộc triển lãm hình ảnh tại Trung tâm Văn hóa Treichville ở Abidjan (Thủ đô nước Cộng hòa Côte D'Ivoire) kéo dài trong vòng hai tuần lễ, mở cửa từ ngày 31-10 và bế mạc vào ngày 15-11-1970.

Đề tài được Sứ quán VNCH tại Côte D'Ivoire đưa ra trong cuộc triển lãm này là "Toàn quân toàn dân VNCH nhất định tranh thủ hòa bình và kiến tạo đất nước bị tàn phá do tội ác Cộng sản gây ra".

NHIỆP ẢNH GIA NGUYỄN-NGỌC-HẠNH LẠI ĐOẠT HUY CHƯƠNG VÀNG TRIỂN LÃM NH.ẾP ẢNH TẠI BA-TÂY

SAIGON 30-11. Một lần nữa, nhiếp ảnh gia Nguyễn Ngọc Hạnh lại đoạt huy chương vàng «Triển Lãm Quốc Tế nghệ thuật nhiếp ảnh» kỳ thứ 27 tổ chức ngày 19-10-70 tại São Paulo (Ba Tây) với tác phẩm «Cứu Quân». Tác phẩm của Trung Tá Nguyễn Ngọc Hạnh được quan khách và khoảng 3.000 dân chúng nhiệt liệt khen ngợi trong buổi lễ trao giải thưởng tại Phòng Nghệ thuật thị xã São Paulo.

27-12 KỶ NIỆM ĐỆ NHẤT BÁCH CHU NIÊN NHÀ THƠ TÙNG-THIỆN-VƯƠNG

SAIGON 23-12. Một buổi lễ kỷ niệm Đệ Nhất Bách Chu Niên nhà thơ Tùng Thiện Vương được tổ chức vào sáng 27-12 tại rạp Đại Nam, đường Trần Hưng Đạo (Saigon).

Trong buổi lễ trên, sau diễn văn giới thiệu của Ông Phạm Đình Tân, Đoàn Trưởng Tinh Việt Văn Đoàn, Linh Mục Bửu Dưỡng, Viện Trưởng Viện Đại Học Minh Đức nói chuyện về thân thế và văn thơ Tùng Thiện Vương. Ngoài ra, vẫn trong buổi lễ có tính cách văn hóa này, sẽ có phần bình thơ Tùng Thiện Vương do một số ca, nhạc sĩ danh tiếng trình diễn.

QUỐC VỤ KHANH MAI THỌ TRUYỀN CHỮ TỌA HỘI THAO VÉ «NHÀ TIỀN TRI MAHOMET»

SAIGON 10-12. Ông Mai Thọ Truyền, Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa, tối 9-12 đã đến chủ tọa cuộc hội thảo về «Nhà tiên tri Mahomet, một nhân vật trọng đại của lịch sử Tây Phương» tại Pháp Văn Đồng Minh Hội đường Gia Long, Saigon. Tham dự cuộc thảo luận có Ông Tổng Lãnh sự Pháp tại VN, một số đồng Ấn kiều và các khán giả Pháp, Việt thường xuyên của Pháp Văn Đồng Minh Hội.

Trong hơn hai tiếng đồng hồ, Thạc sĩ Philippe Langlet đã diễn thuyết và trình chiếu nhiều hình nói về cuộc đời của Đức Mahomet. Đây là một buổi nói

chuyện đề kỷ niệm 1.400 năm đản sinh của vị sáng lập ra Hồi giáo. Đức Mahomet hay Muhammad nhà tiên tri của Hồi giáo sinh năm 570 tại La Mecque (thủ đô nước Arabie Seoudite hiện thời) và mất năm 632. Sau 15 năm nhập định về sự cải cách tôn giáo và xã hội tại quốc gia Ả Rập, Đức Mahomet đã đặt ra đạo Hồi với điểm căn bản là thờ một thần linh, tự phụ thuộc vào ý chỉ thiêng liêng qua kinh Coran. Ngài có nhiều môn đồ nhưng cũng lắm kẻ thù. Năm 630, Đức Mahomet chiến thắng kẻ thù, chiếm được La Mecque. Từ đó, dân chúng quy phục và theo đạo Hồi rất nhiều và cũng từ đó Hồi giáo được đưa làm Quốc giáo tại Arabie.

SẮP HOÀN TẮT MỘT PHIM TÀI LIỆU MÀU VỀ CÁC VŨ ĐIỆU V.N.

SAIGON 16-12. Nha Điện ảnh Bộ Thông Tin sắp hoàn tất một cuốn phim tài liệu tô màu đầu tiên tại Việt Nam, mang tựa đề «Vũ Việt Nam», vào dịp Tết Tân Hợi và hoàn tất vào dịp Tết Tân Hợi.

Phim này do đạo diễn Thân trọng Kỳ thực hiện, nội dung nhằm ghi lại tất cả các vũ điệu cổ truyền thời các Vua Chúa xưa kia ở Đại nội Huế cũng như các vũ điệu mới sau này do các ban vũ như ban Lưu Hồng sáng tác. Ngoài ra, cuốn phim còn trình bày cả các vũ điệu của các sắc dân thiểu số Việt Nam như Thượng, Thái, Chăm v.v...

KHÓA THỨ 16 CỦA ĐẠI HỘI NGHỊ UNESCO Ở BA-LÊ

Khóa thứ 16 của Đại-hội-nghị UNESCO ở Ba-lê (16e session de la Conférence générale de l'UNESCO) nhóm họp từ thứ hai 12-10-1970 đến hết thứ bảy 14-11-1970, tại trụ sở chính của UNESCO, trước cổng trường Fontenoy 75, Ba-Lê (7e). Trụ sở này có tới 10 phòng họp rộng lớn (từ phòng I đến phòng X) dành cho các phiên họp của các phái đoàn đại diện 125 Quốc-gia hội viên UNESCO trong đó có Việt-Nam Cộng-Hòa. Phòng lớn nhất là phòng I dành cho các buổi họp khoáng đại, còn phòng IX dành cho văn phòng UNESCO.

Trụ sở thứ nhì là một cao ốc có 9 tầng ở số 1 đường Miollis, Ba-lê (15e), dành cho văn phòng của các phái đoàn thường trực của một số Quốc-gia hội viên. P phái đoàn thường trực Việt-Nam cạnh UNESCO có 4 văn phòng (tối tân ở lầu thứ 8).

Các P phái đoàn đại diện của các Quốc-gia hội viên được triệu tập để thảo luận về nhiều vấn đề quan trọng quốc tế liên hệ đến giáo dục, khoa học và văn hóa.

Tài liệu căn bản cho các cuộc thảo luận quốc tế là cuốn 16C-5 nhan đề „Projet de programme et de budget pour 1971-1972” (314 trang, bìa màu xanh nước biển).

Tài liệu nói trên gồm 3 phần :

Phần thứ nhất nói về chính sách tổng quát của UNESCO.

Phần thứ nhì là phần quan trọng nhất, hoạch định chương trình của UNESCO, chia ra làm 5 chương. Mỗi chương lại chia ra thành tiểu chương (sous-chapitre), mỗi tiểu chương chia ra thành mục (section), mỗi mục chia ra thành đoạn (paragraphe).

CHƯƠNG I : Giáo dục.

CHƯƠNG II : Khoa học chính xác và thiên-nhiên và sự áp-dụng những khoa-học ấy cho công cuộc mở mang.

CHƯƠNG III : Khoa học xã-hội, khoa học nhân-văn và văn-hóa.

Chương này có đề cập đến vấn đề bảo tồn tài sản văn-hóa (préservation du patrimoine culturel).

CHƯƠNG IV : Thông tin.

CHƯƠNG V : Qui tắc, liên hệ và chương trình quốc tế : chương này có đề cập đến tác quyền.

Phần thứ ba : Hành chánh tổng quát (tổ chức UNESCO).

Cuốn tài liệu đi rất sâu vào chi tiết và gồm tới 1545 đoạn.

Đại hội nghị được triệu tập để thảo luận rất cẩn thận, tỉ mỉ về tất cả những vấn đề trọng đại có tầm quan trọng quốc tế cũng như về tất cả những tiểu tiết ghi trong cuốn tài liệu nói trên.

Đại diện các nước được thỉnh cầu :

— Thêm các điểm sáng kiến mới.

— Bớt những điểm xét ra không nên chấp thuận.

— Đi thật sâu vào các vấn đề và các tiểu tiết, đề tu chính những dự án quyết nghị (amendements aux projets de résolution) một cách tỉ mỉ về cả nội dung lẫn hình thức, về cả ý tưởng lẫn lời văn, có khi sửa đổi từng chữ, từng câu đề diễn đạt thật trung thành tất cả những màu sắc tư tưởng của từng đại diện, từng phái đoàn.

Tất cả những bản dự án quyết nghị cũng như những bản tu chính đều được đưa ra Đại-hội-nghị bỏ phiếu, sẽ được chấp thuận nếu được đa số tương đối và bị bác trong trường hợp đa số tương đối chống lại.

Vì có nhiều vấn đề, nhiều mục, nhiều dự án quyết nghị và nhiều dự án tu chính, nên đại diện các nước phải họp liên tục, mỗi ngày hai buổi hoặc ba buổi nếu có buổi họp đêm.

Buổi sáng họp từ 10 giờ đến 13 giờ, buổi chiều bắt đầu họp từ 15 giờ đến 18 giờ và buổi tối, nếu có, bắt đầu từ 20 giờ đến 23 giờ. Thường thường, các buổi họp kéo dài quá thời gian đã ấn định. Đại-hội-nghị UNESCO là một hội nghị quốc tế hai năm họp một lần (conférence internationale biennale).

BUỔI HỌP ĐẦU TIÊN CỦA PHÁI ĐOÀN VIỆT-NAM

Ngày sáng thứ bảy 10-10-1970, hồi 10 giờ sáng (máy bay chở các đoàn viên Việt-Nam hạ cánh ở phi trường Orly hồi 7 giờ 30), có buổi họp đầu tiên của phái đoàn Việt-Nam (phái đoàn thường trực Việt-Nam Cộng-Hòa cạnh UNESCO các đoàn viên từ Saigon sang Bâ-Lê), tại trụ sở số 1 đường Miollis dưới sự chủ tọa của ông Thứ Trưởng Bộ Giáo-Dục, Trưởng phái đoàn.

Hiện diện trong buổi họp có :

1. Ông Trần-Lưu-Cung, Thứ-Trưởng Bộ Giáo-Dục (giữ trọng trách Trưởng phái-đoàn trong độ 10 ngày, rồi đi Mỹ).
2. Giáo-sư Bùi-xuân-Bào, Phó chủ-tịch Hội-đồng Văn-hóa Giáo-dục, kế vị Trưởng phái-đoàn trong độ 25 ngày.
3. Giáo-sư Nguyễn-Quốc-Định, Trưởng phái đoàn thường trực Việt-Nam Cộng-Hòa cạnh UNESCO.
4. Giáo-sư Trần-quang-Đệ, Viện Trưởng Viện Đại học Saigon.

5. Ông Phạm-văn-Thuật, Tổng Thư-ký Ủy-hội Quốc-gia UNESCO.

6. Giáo-sư Vũ-quốc Thông, đại diện Việt-Nam Cộng-Hòa tại Cơ-quan tư vấn của UNESCO Á-Châu về các vấn đề kinh-tế xã-hội.

7. Ông Nguyễn-đình-Hưng, phụ-tá Trưởng Phái đoàn thường trực.

8. Ông Trịnh-huy-Tiến, Giám đốc Nha Văn-hóa (Phủ Quốc-Vụ Kinh Đốc-trách Văn-hóa).

Buổi họp diễn ra trong một bầu không khí thân thiện, đầm ấm.

Sau những lời hàn ôn cởi mở, Ông Trưởng phái-đoàn lưu ý quý vị đại diện về mấy điểm sau đây :

— Những buổi họp khoáng đại của Đại hội-nghị dành cho những cuộc thảo luận về chính sách tổng-quát (politique générale).

Một số đại-diện của một số Quốc-gia (trong đó có Quốc-gia thân Cộng) sẽ cứu xét quyền đại diện (Vérification des pouvoirs) của các Quốc-gia hội-viên.

Rất có thể Việt-Nam Cộng-Hòa sẽ gặp khó khăn. Vây phái đoàn Việt-Nam nên có sẵn một bản văn đề can thiệp khi đề cập đến vấn đề quyền đại-diện của phái-đoàn Việt-Nam.

— Mỗi buổi sáng, hồi 9 giờ, tại trụ-sở Miollis, phái đoàn Việt-Nam nên họp đều đều, để kiểm điểm và thảo luận về những công việc đã làm và công việc sắp làm trong ngày.

— Phiên họp thứ nhì của phái đoàn được ấn định vào sáng thứ hai 12-11-1970 hồi 9 giờ cũng tại trụ sở Miollis, 1 giờ trước khi khóa thứ 16 của Đại-hội-nghị UNESCO khai mạc tại trụ sở Fontenoy.

Ông Trưởng phái đoàn phân nhiệm :

— Tham dự và theo dõi những buổi họp về chính sách tổng quát : Giáo-sư Bùi-xuân-Bào, Giáo-sư Nguyễn-quốc-Định.

— Tham-dự và theo dõi những buổi họp về khoa-học chính-xác và tự nhiên : Giáo-sư Trần-quang-Đệ và Ông Nguyễn-đình-Hưng.

— Về giáo-dục và sinh hoạt học đường : Ông Phạm-văn-Thuật.

— Về khoa-học nhân-văn, khoa học xã-hội và văn hóa : Ông Trịnh-Huy-Tiến.

Buổi họp đầu tiên bế mạc lúc 12 giờ 30.

NHIỆM-VỤ CỦA ĐẠI-DIỆN PHỦ QUỐC-VỤ-KHANH ĐẶC-TRÁCH VĂN-HÓA

1. Vấn đề trùng tu cổ đô Huế.

Ngay trong buổi họp đầu tiên và ngay sau khi phân nhiệm, đại-diện Phủ Quốc-vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa đề cập đến vấn đề trùng tu cổ đô Huế và chuyển đạt bức thư của Ông Quốc-Vụ-Khanh gửi Ông Tổng Giám Đốc UNESCO tận tay Giáo-sư Nguyễn-Quốc-Định cùng với tất cả hồ sơ liên hệ.

Giáo-sư tiếp nhận bức thư và hồ sơ một cách niềm nở thân hữu.

Giáo-sư nhìn nhận tầm quan trọng của vấn đề và mối quan tâm đặc biệt của đại-diện Phủ Văn-Hóa.

Giáo-sư cho biết sẽ hết sức cố gắng để chuyển đạt thư và hồ sơ đến Ông Tổng Giám-Đốc UNESCO.

Tuy nhiên, Giáo-sư thiết nghĩ trong suốt thời gian đại-hội-nghị, Ông Tổng Giám-đốc UNESCO bận vô cùng.

Tốt hơn hết là đại diện Phủ Văn-Hóa nên theo dõi các buổi họp, soạn thảo sẵn một bản văn đề can thiệp đúng lúc (un texte pour une intervention éventuelle en temps opportun), rồi nêu vấn đề trùng tu cổ đô Huế tại đại-hội-nghị khi bàn đến vấn đề bảo tồn tài sản văn-hóa (préservation du patrimoine culturel).

Giáo-sư Bùi-Xuân-Bào cũng hướng dẫn theo đường lối ấy.

Vị đại diện đã làm tròn tất cả những nhiệm vụ phải đảm trách :

— Theo dõi các buổi họp.

— Soạn thảo bản văn đề can thiệp.

— Lên tiếng đúng lúc (ngày thứ ba 3-11-1970, phòng X).

Sự can-thiệp và kết-quả tốt đẹp của sự can-thiệp được ghi trong biên bản số 16/PRC/SUB III/3 Add ngày 9-11-1970, trang 19.

Giáo-sư Nguyễn-Quốc-Định và ông Nguyễn-Đình-Hung cho rằng đó là một thắng lợi đặc-biệt, một khởi điểm tốt đẹp cho những đơn thỉnh-nguyện sau này về vấn đề trùng-lu cổ đô Huế, có thể dựa vào lời hứa hẹn của Ông Tổng Giám-Đốc UNESCO.

Giáo-sư Nguyễn-Quốc-Định đã viết một bức thư riêng gửi ông Quốc-Vụ-Khanh và đề nghị :

— Ông Quốc-Vụ-Khanh nên viết thư cảm ơn ông Tổng Giám-Đốc UNESCO.

— Những đơn thỉnh-nguyện của Chính-Phủ Việt-Nam về việc trùng tu cổ đô Huế nên gửi qua phái-đoàn thường trực Việt-Nam cạnh UNESCO ở Ba-Lê để theo đúng đường lối pháp lý (procédure) và được theo dõi.

II. VẤN ĐỀ TÁC QUYỀN :

Sáng 5-11-1970, hồi 9 giờ 30, trong buổi họp thường nhật của phái đoàn Việt-Nam tại trụ-sở Miollis, Đại diện phủ QVK trình bày vấn đề tác quyền.

Trước hết, vị đại diện thông báo đề phái-đoàn Việt-Nam rõ là vấn đề này được đề-cập tại đại-hội-ngập suốt ngày thứ tư 4-11-1970, trong phòng II.

Nhiều ý-kiến được phát biểu, đúc kết và đưa đến kết-luận : nên xét lại Convention de Berne và Convention Universelle (sur le droit d'auteur).

Vị đại diện cũng trình bày hồ-sơ về quyền tác-giả mang từ Saigon trong đó có Nghị-định số 580-ND/T2T, PC3 ngày 8-6-1970 liên-hệ đến một chuyên viên do tổ-chức UNESCO viện trợ sẽ hợp-tác với Ủy-ban Liên Bộ soạn thảo dự án về quyền tác giả.

Giáo-sư Nguyễn-Quốc-Định cho biết một chuyên-viên UNESCO rất thạo về vấn đề tác quyền đã được đề cử và sửa soạn sang Việt-Nam, nhưng bị bệnh. Một chuyên-viên khác được đề nghị thay thế, nhưng không thạo bằng chuyên-viên

trước, nên phái-đoàn thường trực Việt-Nam cạnh UNESCO hơi do-dự về việc đề chuyên-viên ấy sang Việt-Nam.

Vấn đề một chuyên-viên UNESCO về tác quyền sang Việt-Nam chỉ là vấn đề thời gian.

Sự đón tiếp chuyên-viên ấy thuộc thẩm quyền Phủ Quốc-Vụ-Khanh Độc-Trách Văn-Hóa.

Tuy nhiên, sự xét lại Convention de Berne và Convention Universelle, nếu được xác nhận, có thể ảnh-n hưởng đến việc một chuyên-viên UNESCO về tác quyền sang Việt-Nam.

III. KẾ-HOẠCH GIA-ĐÌNH

Ở đây, Đại diện Phủ QVK không theo thứ-tự thời gian.

Ngày thứ hai 26-11-1970, tại phòng II, một vấn-đề quốc-tế quan trọng thuộc mục "Khoa-học nhân-văn, Khoa-học xã-hội và văn-hóa" được mang ra bàn cãi tại đại-hội-ng nghị: vấn đề kế-hoạch gia-đình (planification familiale).

Nhiều đại-diện các quốc-gia hội-viên lên tiếng, vì các quốc-gia rất khác nhau về phương-diện dân số, có quốc-gia mà dân số lên tới 5, 6 trăm triệu dân (Ấn-Độ) còn có quốc-gia dân thưa thớt.

Các ý kiến, các quan-điểm khác biệt, có khi trái ngược.

Đại-diện Uruguay ngồi cạnh Đại diện Phủ QVK ngó ý muốn biết quan-điểm của phái đoàn Việt-Nam.

Do đó, nhân danh phái-đoàn, Đại diện Phủ QVK trình bày quan-điểm của một quốc-gia tương đối ít dân, mong dân số được tăng gia và đất nước được mở mang.

IV. NHỮNG BẢN DỰ-ÁN QUYẾT-NGHỊ MÀ PHÁI-ĐOÀN VIỆT-NAM LÀ ĐỒNG TÁC-GIA

Trong lãnh vực văn-hóa, phái-đoàn Việt-Nam là đồng tác-gia (co-auteur) về hai dự-án quyết-ng nghị.

— Dự-án quyết-ng nghị 16C-Dr 191 (soạn thảo cùng với phái-đoàn Nhật-Bản) về một hội-ng nghị văn-hóa Á-Đông.

— Dự-án quyết-nghị 16C/Dr/Sub 111/4 (soạn thảo cùng với các phái đoàn Thái-Lan, Cambodge và Lào) về một tổ-chức văn-hóa còn khiếm-khuyết tại Đông Nam Á trong khi các tổ-chức giáo-dục, như SEAMES chẳng hạn, đã có rồi.

Mấy lần, trước các buổi họp của đại-hội-nghị, Đại-diện Nhật-Bản và Đại-diện Thái-Lan yêu cầu Đại diện Phủ QVK bỏ thăm ứng hộ 2 dự-án quyết-nghị nói trên khi 2 dự-án ấy được mang ra thảo luận tại đại-hội-nghị.



VĂN - HÓA TÙNG - THƯ

do NHA VĂN-HÓA, PHỤ QUỐC-VỤ-KHANH ĐẶC TRÁCH VĂN-HÓA
xuất - bản

1. SỬ-LIỆU VIỆT-NAM

Tuần-Lý Huỳnh-khắc-Dụng biên-soạn

(246 trang) 25\$

2-3. ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : LỤC-TỈNH NAM-VIỆT

Tu-Trai Nguyễn-Tạo phiên-dịch

Tập thượng (152 trang) 20\$

Tập hạ (132 trang) 15\$

4-5. ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : TRUNG-PHẦN

A-Nam Trần-Tuấn-Khải phiên dịch

Tỉnh-Ihánh-Hóa Tập thượng (122 trang) 15\$

Tập hạ (174 trang) 15\$

6. ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : TRUNG-PHẦN

Tu-Trai Nguyễn-Tạo phiên-dịch

Kinh-Sư (96 trang) 15\$

7-8. CỔ-ĐỒ HUẾ : Lịch-sử, Cổ-tích, Thắng-cảnh và Thi-ca

Thái-Văn-Kiểm biên-soạn

(487 trang, gồm 53 tranh ảnh và bản đồ) 70\$

9-12. ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : TRUNG-PHẦN

Quảng-Trị và Quảng-Bình (208 trang) 20\$

Thừa-Ihiên Phú Tập thượng (144 trang) 15\$

Tập trung (152 trang) 15\$

Tập hạ (134 trang) 15\$

13-14. VIỆT-NAM NHÂN-VẬT-CHÍ VỤNG-BIÊN

Thái-Văn-Kiểm và Hồ-Đắc-Hàm biên soạn

(290 trang) 55\$

15. *HIGHER EDUCATION IN THE REPUBLIC OF VIETNAM*
 (Nền Cao-học tại Việt-Nam Cộng-Hòa)
 "VIETNAM CULTURE SERIES" No. 6
 Nguyễn-Đình-Hòa biên soạn (31 trang) 6\$

16. *LA LITTÉRATURE VIETNAMIENNE*
 (Văn-chương Việt-Nam)
 COLLECTION "ASPECTS CULTURELS DU VIETNAM" No. 7
 Nguyễn-Khắc-Kham biên soạn (26 trang) 6\$

17. *DEMOCRACY IN TRADITIONAL VIETNAMESE SOCIETY*
 (Nền dân-chủ trong xã-hội cổ truyền Việt-Nam)
 "VIETNAM CULTURE SERIES", No. 4
 Nguyễn-Đăng-Thục biên soạn (12 trang) 6\$

18. *INTRODUCTION TO VIETNAMESE POETRY*
 (Khái-luận về Thi-ca Việt-Nam)
 "VIETNAM CULTURE SERIES", No. 3
 Lý-Chánh-Trung biên soạn (12 trang) 6\$

19. *INTRODUCTION TO VIETNAMESE CULTURE*
 (Khái-luận về Văn-hóa Việt-Nam)
 "VIETNAM CULTURE SERIES", No. 1
 Nguyễn-Khắc-Kham biên soạn (28 trang) 6\$

20. *ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : TRUNG-PHẦN*
 Tu-Trai Nguyễn-Tạo phiên-dịch
 Tỉnh Bình-Dịnh (196 trang) 98\$

21. *ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : TRUNG-PHẦN*
 Tu-Trai Nguyễn-Tạo phiên-dịch
 Tỉnh Quảng-Nam (282 trang) 25\$

22. *ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : TRUNG-PHẦN*
 Tu-Trai Nguyễn-Tạo phiên-dịch
 Tỉnh Quảng-Ngai (212 trang) 25\$

- 23. ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : TRUNG-PHẦN**
Tu-Trai Nguyễn-Tạo phiên dịch
Phú-Yên và Khánh-Hòa (238 trang) 25\$
- 24. ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : TRUNG-PHẦN**
Tu-Trai Nguyễn-Tạo phiên-dịch
Linh Bình-Thuận (cả bản chữ Hán, 206 trang) 25\$
- 25. ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : TRUNG-PHẦN**
Đông-Minh Đặng Chu Kinh phiên-dịch
Tinh Nghệ-An (cả bản chữ Hán, 308 trang) 38\$
- 26. ĐẠI NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : TRUNG-PHẦN**
Đông Minh Đặng-Chu-Kinh phiên-dịch
Tinh Hà-Lĩnh (cả bản chữ Hán, 206 trang) 25\$
- 27. ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : BẮC-PHẦN**
Đông Minh Đặng-Chu-Kinh phiên-dịch
Tinh Hà-Nội (cả bản chữ Hán, 250 trang) 25\$
- 28. ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : BẮC-PHẦN**
Tu-Trai Nguyễn-Tạo dịch
Tinh Bắc-Ninh (cả bản chữ Hán 206 trang) 25\$
- 29. ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : BẮC-PHẦN**
Tu-Trai Nguyễn-Tạo phiên dịch
Tinh Sơn-Tây (cả bản chữ Hán, 354 trang) 50\$
- 30. ỨC TRAI DỊ TẬP**
Trần-Tuấn-Khải phiên dịch
Dư-Định-Chí (cả bản chữ Hán, 290 trang) 80\$
- 31. LA PERSONNALITÉ CULTURELLE DU VIETNAM**
 (Cá-tính Văn-Hóa Việt-Nam)
 COLLECTION • ASPECTS CULTURELS DU VIETNAM, No. 8
Trịnh-Huy-Tiến biên soạn (56 trang) 12\$
- 31^b. ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : BẮC-PHẦN**
Tu-Trai Nguyễn-Tạo phiên dịch
Tinh Hưng-Yên (cả bản chữ Hán, 90 trang). 28\$

32. **ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : BẮC-PHẦN**
Đông-Minh Đặng-Chu-Kinh phiên dịch
Tỉnh Cao-Bằng (cả bản chữ Hán, 328 trang) 28\$
33. **ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : BẮC-PHẦN**
Đông-Minh Đặng-Chu-Kinh phiên dịch
Tỉnh Hải-Dương (cả chữ Hán, 328 trang) 160\$
- 34-35. **HẢI-DƯƠNG-PHONG VẬT-CHÍ (THƯỢNG, HẠ)**
Tô-Nam Nguyễn-đình-Diệm phiên dịch (cả chữ Hán 464 trang). 190\$
36. **ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : BẮC-PHẦN**
Cử-Nhân Nguyễn-Tạo phiên dịch
Tỉnh Nam-Dịnh (cả chữ Hán 272 trang) 120\$
37. **ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : BẮC-PHẦN**
Cử-Nhân Nguyễn-Tạo phiên dịch
Tỉnh Ninh-Bình (cả chữ Hán 168 trang) 80\$
38. **KHÔNG-ĐẠO TINH-HOÀ**
Tác giả : Đông-Khe Hà Ngọc-Xuyến (120 trang) 55\$
39. **ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : BẮC-PHẦN**
Tu-Trai Nguyễn-Tạo, phiên dịch
Tỉnh Lạng-Son (cả bản chữ Hán, 100 trang) 120\$
40. **ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : BẮC-PHẦN**
Tu-Trai Nguyễn-Tạo, phiên dịch
Tỉnh Tuyên-Quang (cả bản chữ Hán, 84 trang). . . . 110\$
41. **ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : BẮC-PHẦN**
Đông-Minh Đặng-Chu-Kinh phiên dịch
Tỉnh Quảng-Yên (cả bản chữ Hán, 100 trang) 125\$
42. **ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : BẮC-PHẦN**
Đông-Minh Đặng-Chu-Kinh phiên dịch
Tỉnh Thái-Nguyên (cả bản chữ Hán, 86 trang) 115\$
43. **VIETNAMESE STUDIES AND THEIR RELATIONSHIPS
TO ASIAN STUDIES**

VIETNAM CULTURE SERIES No 9

Nguyễn - Khắc - Kham biên soạn (47 trang) 12\$

Có bán tại các hiệu sách lớn tại Thủ-Đô, các Tỉnh và tại Nha Văn-Hóa
8, NGUYỄN-TRUNG-TRỰC — SAIGON

VĂN - HÓA TẬP - SAN NĂM)
THỨ XIX SỐ 4 (năm 1970)
IN 1.500 CUỐN TẠI NHÀ
IN TƯƠNG LAI 133 VÕ -
TÁNH SAIGON GIẤY PHÉP
XUẤT - BẢN : NGHỊ - ĐỊNH SỐ
332 CAB/SG NGÀY 5.5.1952

THỂ-LỆ GỬI BÀI SOẠN ĐĂNG VĂN - HÓA TẬP - SAN

Tòa soạn Văn-Hóa Tập-San thành-thực đa tạ cảm-tình nồng-hậu của các bạn xa gần có bài gửi đăng V.H.T.S. Về vấn-đề bản thảo xin trân-trọng lưu ý các bạn về mấy điểm sau đây :

1. Bài soạn gửi đăng Văn-Hóa Tập-San, xin gửi về Ô. Chủ-bút Văn-Hóa Tập-San, 28 Nguyễn-Trung-Trực, Saigon.
2. Bài soạn xin cho đánh máy dòng đôi (có dành lề ở cả hai bên), hoặc viết rõ ràng trên một mặt giấy (để giúp ấn-công xếp chữ đỡ thiếu sót, nhầm lẫn).
3. Đầu bài soạn, xin ghi rõ, ngoài bút hiệu, tên thực, chức-vụ và địa-chỉ hiện tại của tác-giả để tòa-soạn liên-lạc hội-ý thêm, mỗi khi cần tới.
4. Nếu trong bài có đoạn nào trích-dẫn, xin ghi rõ xuất-xứ (tên tác-giả, tên sách, nơi xuất bản, nhà xuất bản, năm xuất bản và trích dẫn ở trang nào).

Thí dụ : Nguyễn-văn-X. . . Văn - Học Việt - Nam (Saigon xuất bản cục, 1960), trang . . .

Trần-văn-X . . . « Điền cổ », Văn - Hóa Tập - San Tập . . . Số . . . (tháng . . . năm . . .), trang . . .

5. Bao nhiêu cước chú đặt ở cuối trang, xin ghi rõ số liên tiếp cho toàn bài.
6. Những danh-từ kỹ - thuật và khoa-học khi dịch ra Việt - văn xin ghi rõ cả nguyên-văn ngoại-ngữ (Anh, Pháp . . .).
7. Bài nào đã gửi đăng V.H.T.S. mà soạn giả sau muốn gửi bài ấy đăng báo khác, xin báo tin ngay cho tòa soạn V. H. T. S. để kịp thời hoãn đăng, ngõ hầu tránh sự trùng điệp.
8. Tòa soạn tùy - nghi lựa chọn, sửa chữa và xếp đặt các loại bài đăng V. H. T. S.. Những bài đã nhận đăng sẽ đăng dần, còn đăng sớm hay muộn là tùy nhiều lý-do kỹ - thuật, chuyên - môn v. v . . . mong các bạn thông cảm.
9. Những bản thảo gửi quá ba tháng mà không thấy đăng hay trả lời có thể coi như là không đăng. Những bài không đăng được không có lệ trả lại bản thảo.
10. Mỗi tác-giả hoàn-toàn chịu trách-nhiệm về bài của mình.